

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công 06 tháng đầu năm;
dự kiến phương án điều chỉnh kế hoạch 2020 và nhiệm vụ, giải pháp trọng
tâm 06 tháng cuối năm 2020.**

Thực hiện chương trình công tác năm 2020, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công 06 tháng đầu năm, phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 06 tháng cuối năm kế hoạch đầu tư công 2020 như sau:

I. Công tác chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh:

Thực hiện Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 09/12/2019, Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 10/3/2020 của HĐND tỉnh về KH đầu tư công năm 2020, UBND tỉnh đã phân bổ vốn chi tiết cho từng chủ đầu tư tại Quyết định số 3855/QĐ-UBND ngày 23/12/2019, Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 16/3/2020.

Để tập trung thực hiện kế hoạch năm 2020, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo thường xuyên, quyết liệt sâu sát đề ra các giải pháp nhằm nâng cao trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, chủ đầu tư trong việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công năm 2020 cụ thể như:

+ Công văn số 6522/UBND-KT ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc rà soát, thực hiện KH đầu tư công 2020;

+ Công văn số 6836/UBND-KT ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác triển khai KH đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2020;

+ Công văn số 738/UBND-KT ngày 24/02/2020 của UBND tỉnh về việc thực hiện kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về các công trình trọng điểm trên địa bàn tỉnh;

+ Công văn số 740/UBND-KT ngày 24/02/2020 của UBND tỉnh về việc rà soát phân bổ và giao KH đầu tư vốn NSNN năm 2020;

+ Tờ trình số 926/TTr-UBND ngày 04/3/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 2020, theo đó bổ sung 142 tỷ 760 triệu từ nguồn kết dư năm trước cho các dự án có nhu cầu giải ngân tăng thêm trong kế hoạch 2020.

+ Công văn số 2643/UBND-KT ngày 05/6/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ;

+ Công văn số 2651/UBND-KT ngày 05/6/2020 của UBND tỉnh về việc tập trung thực hiện, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2020;

II. Kết quả thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công 06 tháng đầu năm 2020:

Tổng vốn kế hoạch đầu tư công năm 2020 (kể cả vốn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương) là 13.467 tỷ 363 triệu đồng. Tổng giá trị giải ngân đến 31/5/2020 là 1.986 tỷ 147 triệu đồng, đạt 14,7% KH¹, cùng kỳ 14,0%; ước giá trị giải ngân đến 30/6/2020 là 4.083 tỷ 253 triệu đồng, đạt 30,3% KH².

(Kết quả thực hiện theo các nguồn vốn, ngành, lĩnh vực theo Biểu I, II)

1. Vốn ngân sách Trung ương:

Tổng vốn ngân sách Trung ương: 546 tỷ 300 triệu đồng, chiếm 4,1% kế hoạch đầu tư công năm 2020 (gồm vốn nước ngoài ODA, vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu).

Tổng giá trị giải ngân đến 31/5/2020 là 83 tỷ 915 triệu đồng, đạt 15,4% KH (cùng kỳ năm 2019 là 29,1% KH); ước giá trị giải ngân đến 30/6/2020 khoảng 282 tỷ 369 triệu đồng, đạt 51,7% KH. Giá trị giải ngân thấp do dự án cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương giai đoạn 2 sử dụng vốn ODA đang thực điều chỉnh hồ sơ dự án; 02 dự án sử dụng vốn trung ương là đường Mỹ Phước – Tân Vạn nối dài vướng công tác giải phóng mặt bằng, dự án đường Bắc Nam 3 tổ chức lựa chọn nhà thầu trong quý II/2020 nên chưa có khối lượng thi công.

Tại Quyết định số 8472/QĐ-BKHĐT ngày 13/11/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ODA năm 2020 đầu năm 505 tỷ 200 triệu đồng; UBND tỉnh đã phân bổ 2 đợt với tổng vốn bố trí 262 tỷ 580 triệu đồng tại các Quyết định số 3855/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 và Quyết định số 955/QĐ-UBND ngày 09/4/2020. Đối với phần vốn còn lại 242 tỷ 620 triệu đồng, UBND tỉnh có văn bản số 1717/UBND-KT ngày 09/4/2020 kiến nghị Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét cân đối phân bổ cho dự án của các địa phương khác có nhu cầu.

2. Vốn ngân sách địa phương:

Tổng vốn ngân sách địa phương: 12.921.063 triệu đồng, chiếm 95,9% kế hoạch đầu tư công năm 2020 (gồm vốn ngân sách cấp tỉnh, vốn ngân sách cấp huyện, vốn bội chi ngân sách tỉnh).

Tổng giá trị giải ngân đến 31/5/2020 là 1.902 tỷ 232 triệu đồng, đạt 14,7% KH (cùng kỳ năm 2019 là 13,3% KH); ước giá trị giải ngân đến 30/6/2020 khoảng 3.800 tỷ 884 triệu đồng, đạt 29,4% KH.

2.1. Tình hình thực hiện, giải ngân dự án sử dụng vốn tỉnh quản lý:

- Vốn ngân sách cấp tỉnh: Kế hoạch đầu tư công năm 2020 là 10.160 tỷ 399 triệu đồng, giá trị giải ngân đến 31/5/2020 là 1.157 tỷ 869 triệu đồng, đạt 11,4% kế hoạch; ước giải ngân đến 30/6/2020 là 2.854 tỷ 695 triệu đồng, đạt 28,1%.

¹ Giá trị giải ngân lấy theo báo cáo KBNN đến 31/5/2020

² Ước khối lượng thực hiện đến 30/6/2020 do Chủ đầu tư báo cáo.

- Lập Quy hoạch tỉnh Bình Dương: Kế hoạch đầu tư công năm 2020 là: 50 tỷ đồng, giá trị giải ngân 570 triệu đồng, đạt 1,1% kế hoạch. Giá trị giải ngân thấp do 6 tháng đầu năm 2020 triển khai công tác lập và trình Thủ tướng phê duyệt nhiệm vụ đề cương quy hoạch. Dự kiến triển khai mời thầu tư vấn lập quy hoạch trong quý III/2020. Bình Dương là một trong những tỉnh trình duyệt Đề cương nhiệm vụ sớm trong cả nước.

- Bội chi ngân sách địa phương: Tại Quyết định số 8472/QĐ-BKHĐT ngày 13/11/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao kế hoạch đầu tư công nguồn vốn bội chi ngân sách địa phương năm 2020 là 616 tỷ đồng, UBND tỉnh đã phân bổ 273 tỷ 457 triệu đồng tại Quyết định số 3855/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 cho 02 dự án thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An và dự án cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương giai đoạn 2. Giá trị giải ngân đến 31/5/2020 là 126 tỷ 457 triệu đồng, đạt 20,5% kế hoạch. Đối với phần vốn còn lại 342 tỷ 543 triệu đồng, UBND tỉnh có văn bản số 2062/UBND-KT ngày 29/4/2020 kiến nghị Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét cân đối phân bổ cho dự án khác có nhu cầu trong năm 2020.

2.2. Tình hình thực hiện và giải ngân KH đầu tư công 2020 các công trình quan trọng, trọng điểm:

Kế hoạch năm 2020 tỉnh có 41 danh mục công trình quan trọng, trọng điểm được bố trí tổng vốn 6.021 tỷ 979 triệu đồng, chiếm 44,7% kế hoạch vốn của tỉnh. Đến 31/5/2020 đã giải ngân 600 tỷ 203 triệu đồng, đạt 10,0% KH; ước giải ngân đến 30/6/2020 là 2.195 tỷ 768 triệu đồng, đạt 36,5% KH.

Trong 6 tháng đầu năm tiếp tục thanh toán cho dự án chuyển tiếp, dự kiến quý III/2020 sẽ mời thầu và khởi công một số công trình mới như: Xây dựng đường Bắc Nam 3 (đã mời thầu quý II/2020), dự án cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương giai đoạn 2 (phần sử dụng vốn dự), đường từ Tân Thành đến cầu Tam Lập (xã Tân Định) thuộc tuyến tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng, Cầu Bạch Đằng 2 qua sông Đồng Nai, đường và cầu kết nối tỉnh Bình Dương và tỉnh Tây Ninh...

(Chi tiết theo Biểu III).

2.3. Tình hình thực hiện các dự án đền bù, giải phóng mặt bằng:

Kế hoạch năm 2020 tỉnh có 11 dự án đền bù với tổng số vốn bố trí là: 1.572 tỷ 645 triệu đồng, chiếm 21,6% kế hoạch vốn ngân sách tỉnh tập trung. Đến 31/5/2020 giải ngân 174 tỷ 307, đạt 11,1% KH. Ước giá trị giải ngân đến 30/6/2020 là 393 tỷ 325 triệu đồng, đạt 25,0% KH.

Một số dự án đền bù kéo dài nhiều năm đến nay sau khi có kết quả giải quyết khiếu nại đã làm vượt tổng mức đầu tư cần thực hiện điều chỉnh dự án, điều chỉnh tiến độ thực hiện như: Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài về hướng khu công nghiệp Mỹ Phước II và III (vượt tổng mức đầu tư); Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT743 - đoạn từ ngã tư Miếu Ông Cù đến nút giao Sóng Thần (điều chỉnh thời gian thực hiện)...

(Chi tiết theo Biểu IV)

2.4. Tình hình thực hiện, giải ngân dự án sử dụng vốn do UBND cấp huyện quản lý thực hiện:

- *Vốn phân cấp theo tiêu chí cho cấp huyện:* Kế hoạch đầu tư công năm 2020 là 1.410 tỷ đồng, giá trị giải ngân đến 31/5/2020 là 455 tỷ 829 triệu đồng, đạt 32,3% kế hoạch, ước giải ngân đến 30/6/2020 611 tỷ 338 triệu đồng, đạt 43,4% KH.

- *Vốn bổ sung mục tiêu cho ngân sách cấp huyện:* Kế hoạch đầu tư công năm 2020 là 734 tỷ 664 triệu đồng, giá trị giải ngân 162 tỷ 077 triệu đồng, đạt 22,1% kế hoạch, ước giải ngân đến 30/6/2020 208 tỷ 376 triệu đồng, đạt 28,4% KH.

(Chi tiết theo Biểu II)

2.5. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công của một số chủ đầu tư:

a) 09 huyện, Thị xã, Thành phố: Tổng các nguồn vốn ngân sách tỉnh bố trí (vốn tỉnh tập trung, vốn XSKT, vốn tỉnh hỗ trợ và vốn phân cấp cho cấp huyện là 6.717 tỷ 509 triệu đồng, chiếm 52,0% vốn ngân sách địa phương.

Giải ngân đến 31/5/2020 là 1.133 tỷ 497 triệu đồng, đạt 16,9% KH. Có 3/9 chủ đầu tư có tỷ lệ giải ngân kế hoạch thấp hơn mức trung bình của tỉnh: thành phố Thủ Dầu Một (12,9%), thành phố Thuận An (6,6%), thị xã Bến Cát (7,5%).

b) 03 chủ đầu tư có Kế hoạch vốn trên 200 tỷ đồng: Tổng vốn kế hoạch là 4.792 tỷ 336 triệu đồng, chiếm 37,1% tổng vốn ngân sách địa phương. Giải ngân đến 31/5/2020 là 533.864 triệu đồng, đạt 11,1% KH.

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh: kế hoạch phân bổ 4.156 tỷ 788 triệu đồng; giải ngân: 506 tỷ 113 (đạt 12,2%).

- Công an tỉnh: kế hoạch phân bổ 211 tỷ 671 triệu đồng; giải ngân: 11 tỷ 605 triệu đồng (đạt 5,5%).

- Ban Quản lý dự án ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn: kế hoạch phân bổ 423 tỷ 877 triệu đồng; giải ngân: 16 tỷ 146 triệu đồng (đạt 3,8%).

c) 04 chủ đầu tư có kế hoạch vốn 50 tỷ đến 200 tỷ đồng: Tổng vốn kế hoạch là 499 tỷ 303 triệu đồng, chiếm 3,9% tổng vốn ngân sách địa phương.

Giải ngân đến 31/5/2020 là 92 tỷ 096 triệu đồng, đạt 18,44% KH. Có 02 chủ đầu tư có tỷ lệ giải ngân kế hoạch thấp hơn mức trung bình của tỉnh: Sở Lao động – Thương binh và xã hội (0,6%), Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (0%).

d) 07 chủ đầu tư có kế hoạch vốn từ 10 tỷ đến 50 tỷ đồng: Tổng vốn kế hoạch là 237 tỷ 968 triệu đồng, chiếm 1,8% tổng vốn ngân sách địa phương.

Giải ngân đến 31/5/2020 là 15 tỷ 107 triệu đồng, đạt 6,3% KH. Có 06 chủ đầu tư có tỷ lệ giải ngân kế hoạch thấp hơn mức trung bình của tỉnh: Trung tâm đầu tư khai thác nước sạch nông thôn (5,9%); Bệnh viện đa khoa tỉnh, Liên đoàn

lao động tỉnh, Sở Thông tin Truyền thông, Sở Nội vụ, Đại học Thủ Dầu Một có tỷ lệ giải ngân dưới 1,5%.

e) 09 chủ đầu tư có kế hoạch vốn dưới 10 tỷ đồng: Tổng vốn kế hoạch là 7 tỷ 947 triệu đồng, chiếm 0,1% tổng vốn ngân sách địa phương.

Giải ngân đến 641 triệu đồng, đạt 8,1% KH. Có 08 chủ đầu tư có tỷ lệ giải ngân kế hoạch thấp hơn mức trung bình của tỉnh: Tỉnh đoàn Bình Dương (4,8%); Sở Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm kiểm nghiệm, Bệnh viện phục hồi chức năng, Trường Cao đẳng nghề Việt Nam – Singapore, Trường Cao đẳng nghề Việt Nam-Hàn Quốc Bình Dương, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư chưa giải ngân do đang trong thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, làm thủ tục thanh quyết toán.

(Chi tiết theo Biểu V)

3. Dự kiến công trình khởi công, công trình hoàn thành chào mừng Đại hội Đảng bộ các cấp năm 2020:

Từ năm 2019, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo các Chủ đầu tư khẩn trương hoàn chỉnh các thủ tục chuẩn bị đầu tư, đề xuất giải pháp đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm, phát huy hiệu quả lan tỏa sau đầu tư. Dự kiến khởi công 34 dự án và hoàn thành đưa vào sử dụng 42 dự án trong năm 2020.

(Chi tiết Biểu VI.A, Biểu VI.B).

4. Những khó khăn, hạn chế trong thực hiện và giải ngân KH đầu tư công 06 tháng đầu năm 2020:

- Giá trị giải ngân 06 tháng đầu năm thấp do các dự án mới đang trong giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công – dự toán, mời thầu; chỉ thực hiện giải ngân các dự án chuyển tiếp.

- Trình tự, thủ tục thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo quy trình mất nhiều thời gian, có trường hợp sau khi phê duyệt được đơn giá, phương án bồi thường đến khi chi trả phải điều chỉnh lại đơn giá mới. Công tác vận động người dân đồng thuận với chủ trương, đơn giá đền bù giải tỏa các dự án đầu tư công rất khó khăn, phức tạp và kéo dài.

- Một số dự án quy mô lớn liên quan nhiều địa phương như thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Tây Ninh nên công tác phối hợp chưa đảm bảo tiến độ.

- Đa số chủ đầu tư chưa chủ động xây dựng kế hoạch tiến độ thực hiện phù hợp với thời gian dự án được phê duyệt, từ đó xác định nhu cầu sử dụng vốn không sát với tiến độ triển khai và khả năng giải ngân thực tế, gây khó khăn trong quản lý, điều hành KH vốn chung của tỉnh.

- Tình hình dịch bệnh Covid đã ảnh hưởng đến quá trình triển khai thực hiện dự án như: hạn chế họp triển khai công tác giải phóng mặt bằng, hạn chế tiếp xúc trao đổi trực tiếp trong công tác thẩm định.... ảnh hưởng đến tiến độ chung các dự án.

III. Phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2020.

1. Nguyên tắc, nguồn vốn điều chỉnh:

1.1. Nguyên tắc điều chỉnh

Thực hiện Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 623/TTg-KTTH ngày 26/3/2020 về việc tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2020, UBND tỉnh điều chuyển vốn theo tiến độ thực hiện dự án, đẩy nhanh việc nghiệm thu, thanh quyết toán công trình. Điều chỉnh giảm vốn các dự án theo giá trị quyết toán được phê duyệt, dự án không tiếp tục triển khai, dự án không có khả năng giải ngân; bố trí sang các dự án đủ điều kiện khởi công trong năm 2020 theo quy định Luật Đầu tư công, bổ sung vốn có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện bố trí các dự án đã đảm bảo thủ tục đầu tư và có khả năng giải ngân để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, bố trí vốn bổ sung dành mục dự án thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021 – 2025.

1.2. Nguồn điều chỉnh

Đến hết kế hoạch năm 2019 tổng kết dư đầu tư công của tỉnh là 4.169.760 triệu đồng, trong đó kết dư nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh 4.046 tỷ 979 triệu đồng. Tuy nhiên đến tháng 4/2020 UBND thị xã Dĩ An thông báo trả về kho bạc nhà nước 57 tỷ 181 triệu đồng phần vốn ngân sách tỉnh của dự án giải phóng mặt bằng suối Lò Ô. Như vậy nguồn kết dư ngân sách cấp tỉnh đến hết kế hoạch 2019 là 4.104 tỷ 160 triệu đồng. Phần kết dư này được cân đối vào kế hoạch điều chỉnh đầu tư công 2020, đã bổ sung 142 tỷ 760 triệu đồng vào kế hoạch đầu tư công 2020 tại Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 10/3/2020 của HĐND tỉnh về điều chỉnh một số nội dung của Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2020. Như vậy nguồn kết dư ngân sách tỉnh đến kỳ báo cáo là 3.961 tỷ đồng.

Đối với phần vốn ODA, vốn bội chi ngân sách địa phương do Chính phủ giao nên ghi nhận như kế hoạch đầu năm, UBND tỉnh sẽ báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư điều chuyển theo quy định.

2. Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công

Qua tổng hợp từ các chủ đầu tư nhu cầu điều chỉnh đầu tư công 2020 là 14.909 tỷ 287 triệu đồng, tăng 1.441 tỷ 924 triệu đồng so kế hoạch. Phần vốn tăng từ nguồn kết dư ngân sách tỉnh năm 2019. (Chi tiết Phụ lục I)

DVT: Triệu đồng

Stt	Danh mục	KH 2020	KHĐC 2020 lần 2	Chênh lệch
	TỔNG CỘNG (A+B)	13.467.363	14.909.287	1.441.924
A	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	546.300	546.300	0
I	VỐN NƯỚC NGOÀI (ODA)	505.200	505.200	0
II	VỐN TRONG NƯỚC	41.100	41.100	0
B	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+II+III)	12.921.063	14.362.987	1.441.924
I	VỐN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (1+2+3+4)	10.160.399	10.411.482	251.083
1	Vốn ngân sách tỉnh tập trung	7.291.956	7.475.319	183.363
1.1	Chuẩn bị đầu tư (a+b+c)	996.339	920.955	-75.384

Stt	Danh mục	KH 2020	KHĐC 2020 lần 2	Chênh lệch
a	Hạ tầng kinh tế	900.619	868.101	-32.518
b	Hạ tầng văn hóa xã hội	31.200	27.795	-3.405
c	QLNN - Quốc phòng - An ninh	64.520	25.059	-39.461
1.2	Thực hiện dự án (a+b+c)	6.295.617	6.554.364	258.747
a	Hạ tầng kinh tế	3.643.020	3.685.481	42.461
b	Hạ tầng văn hóa xã hội	2.133.124	2.214.534	81.410
c	QLNN - Quốc phòng - An ninh	519.473	654.349	134.876
2	Vốn xố số kiến thiết (a+b)	1.578.028	1.578.028	0
a	Cấp tỉnh làm chủ đầu tư	127.751	134.358	6.607
b	Cấp huyện làm chủ đầu tư	1.450.277	1.443.670	-6.607
3	Vốn tỉnh hỗ trợ cấp huyện	1.240.415	1.308.135	67.720
4	Lập Quy hoạch tỉnh	50.000	50.000	0
II	VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	2.144.664	3.335.505	1.190.841
1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	1.410.000	1.410.000	0
2	Vốn BSMT ngân sách huyện (CCTL)	734.664	734.664	0
3	Vốn BSMT ngân sách huyện (kết dư 2019)	0	1.190.841	1.190.841
III	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	616.000	616.000	0

3. Giải trình điều chỉnh kế hoạch kế hoạch đầu tư công 2020:

3.1 Một số nội dung điều chỉnh chung:

- Giảm vốn cho 106 dự án với số vốn là 1.911 tỷ 296 triệu đồng do dự án vướng công tác giải phóng mặt bằng, điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án đầu tư, giảm vốn các dự án theo giá trị quyết toán được phê duyệt.

- Ngưng bố trí vốn cho 19 dự án với số vốn là: 71 tỷ 373 triệu đồng do dự án thay đổi nguồn vốn, thay đổi vị trí đầu tư, xem xét lại sự cần thiết đầu tư...

- Tăng vốn cho 102 dự án với số vốn là 2.117 tỷ 502 triệu đồng đối với các dự án có nhu bổ sung vốn do đủ điều kiện khởi công mới trong 06 tháng cuối năm 2020, dự án hoàn tất được thủ tục giải phóng mặt bằng.

- Bổ sung mới 118 danh mục với tổng số vốn bố trí là 1.307 tỷ 091 triệu đồng; trong đó vốn tỉnh bổ sung có mục tiêu cho cấp huyện từ nguồn vốn kết dư năm 2019 là 1.190 tỷ 841 triệu cho 66 dự án mới, còn lại một số danh mục cấp thiết bổ sung theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

3.2. Các huyện thị xã, thành phố nhu cầu điều chỉnh:

a) Điều chỉnh tăng vốn:

- UBND thành phố Thủ Dầu Một: kế hoạch đầu tư công năm 2020 bố trí 1.415 triệu 121 đồng. Kế hoạch điều chỉnh 2020 bố trí 2.089 tỷ 825 triệu đồng, tăng 674 tỷ 704 triệu đồng.

- UBND thành phố Thuận An: kế hoạch đầu tư công năm 2020 bố trí 1.625 tỷ 562 triệu đồng. Kế hoạch điều chỉnh 2020 bố trí 1.755 tỷ 364 triệu đồng, tăng 129 tỷ 802 triệu đồng.

- UBND thị xã Tân Uyên: kế hoạch đầu tư công năm 2020 bố trí 437 tỷ 331 triệu đồng. Kế hoạch điều chỉnh 2020 bố trí 631 tỷ 753 triệu đồng, tăng 194 tỷ 422 triệu đồng.

- UBND thị xã Bến Cát: kế hoạch đầu tư công năm 2020 bố trí 473 tỷ 330 triệu đồng. Kế hoạch điều chỉnh 2020 bố trí 557 tỷ 084 triệu đồng, tăng 83 tỷ 754 triệu đồng.

- UBND huyện Bàu Bàng: kế hoạch đầu tư công năm 2020 bố trí 295 tỷ 576 triệu đồng. Kế hoạch điều chỉnh 2020 bố trí 445 tỷ 794 triệu đồng, tăng 150 tỷ 218 triệu đồng.

- UBND huyện Phú Giáo: kế hoạch đầu tư công năm 2020 bố trí 424 tỷ 202 triệu đồng. Kế hoạch điều chỉnh 2020 bố trí 428 tỷ 039 triệu đồng, tăng 3 tỷ 837 triệu đồng.

- UBND huyện Dầu Tiếng: kế hoạch điều chỉnh đầu tư công năm 2020 bố trí 335 tỷ 289 triệu đồng. Kế hoạch điều chỉnh 2020 bố trí 500 tỷ 822 triệu đồng, tăng 165 tỷ 533 triệu đồng.

- UBND thành phố Dĩ An: kế hoạch điều chỉnh đầu tư công năm 2020 bố trí 823 tỷ 341 triệu đồng. Kế hoạch điều chỉnh 2020 bố trí 834 tỷ 441 triệu đồng, tăng 11 tỷ 100 triệu đồng.

b) Điều chỉnh giảm vốn:

UBND huyện Bắc Tân Uyên: kế hoạch đầu tư công năm 2020 bố trí 887 tỷ 757 triệu đồng. Kế hoạch điều chỉnh 2020 bố trí 811 tỷ 926 triệu đồng, giảm 75 tỷ 831 triệu đồng. Cụ thể một số dự án giảm vốn lớn như: Xây dựng đường từ Tân Thành đến cầu Tam Lập (xã Tân Định) thuộc tuyến đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng giảm 150 tỷ đồng (*kế hoạch bố trí 400 tỷ đồng, kế hoạch điều chỉnh dự kiến 250 tỷ đồng*), Dự án bồi thường, hỗ trợ di dời các hộ dân thuộc khu vực có nguy cơ sạt lở ven sông Đồng Nai, huyện Bắc Tân Uyên giảm 17 tỷ 631 triệu đồng (*kế hoạch bố trí 68 tỷ đồng, kế hoạch điều chỉnh dự kiến 50 tỷ 369 triệu đồng*), Trung tâm hành chính Bắc Tân Uyên giảm 6 tỷ 548 triệu đồng.... vốn giảm điều chuyển bổ sung cho dự án có nhu cầu tăng vốn như: Bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng khu Căn cứ Hậu cần kỹ thuật tại huyện Bắc Tân Uyên (bổ sung 17 tỷ 048 triệu đồng), Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Bắc Tân Uyên (bổ sung 20 tỷ đồng)...

3.3 Các Sở, ban, ngành, đơn vị Chủ đầu tư:

a) Điều chỉnh tăng vốn lớn như:

- Ban Quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh: kế hoạch đầu tư công năm 2020 bố trí 167 tỷ 059 triệu đồng; kế hoạch điều chỉnh 2020 bố trí 233 tỷ 611 triệu đồng, tăng 66 tỷ 552 triệu đồng. Dự án có nhu cầu bổ sung vốn lớn như: Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An (bổ sung 23 tỷ đồng), Hệ thống thoát nước bên ngoài các khu công nghiệp An Tây, Mai Trung, Việt Hương 2 (bổ sung 39 tỷ 879 triệu đồng)...

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: kế hoạch đầu tư công năm 2020 bố trí 42 tỷ 700 triệu đồng; kế hoạch điều chỉnh 2020 bố trí 70 tỷ 509 triệu đồng, tăng 27 tỷ 809 triệu đồng. Dự án có nhu cầu bổ sung vốn lớn như: Xây dựng Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh thuộc Trường Quân sự địa phương (bổ sung 17 tỷ 819

triệu đồng), Xây dựng nhà ăn cơ quan Bộ Chỉ huy quân sự (bổ sung 7 tỷ đồng)....

- Đài Phát thanh truyền hình tỉnh: kế hoạch đầu tư công năm 2020 bố trí 155 tỷ 894 triệu đồng; kế hoạch điều chỉnh 2020 bố trí 172 tỷ 643 triệu đồng, tăng 16 tỷ 749 triệu đồng. Dự án có nhu cầu bổ sung vốn lớn như: Trụ sở làm việc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bình Dương (bổ sung 17 tỷ 377 triệu đồng), Đầu tư thiết bị sản xuất chương trình phát thanh truyền hình Trường quay - Nhà bá âm (bổ sung 372 triệu đồng).

- Trường Đại học Thủ Dầu Một: kế hoạch đầu tư công năm 2020 bố trí 25 tỷ 250 triệu đồng; kế hoạch điều chỉnh 2020 bố trí 40 tỷ 500 triệu đồng, tăng 15 tỷ 250 triệu đồng cho dự án Đầu tư trang thiết bị phục vụ cho phòng thí nghiệm, thực hành và nghiên cứu ở Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Điện.

- Trung tâm kiểm nghiệm tỉnh: kế hoạch đầu tư công năm 2020 bố trí 1 tỷ đồng; kế hoạch điều chỉnh 2020 bố trí 16 tỷ đồng, tăng 15 tỷ đồng.

- Ban Quản lý Đầu tư xây dựng tỉnh: kế hoạch đầu tư công năm 2020 bố trí 4.156 tỷ 788 triệu đồng; kế hoạch điều chỉnh 2020 bố trí 4.166 tỷ 163 triệu đồng, tăng 9 tỷ 375 triệu đồng. Dự án có nhu cầu bổ sung vốn lớn như: Xây dựng Bờ kè chống sạt lở sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Tre đến Thị ủy thị xã Tân Uyên - Giai đoạn 2 (bổ sung 42 tỷ đồng), Xây dựng cầu bắc qua sông Đồng Nai (Cầu Bạch Đằng 2) - Dự án 1: Xây dựng đường dẫn vào cầu phía Bình Dương (bổ sung 45 tỷ 500 triệu đồng), Nâng cấp, mở rộng đường ĐT747a đoạn từ dốc Bà Nghĩa (ranh thị trấn Uyên Hưng) đến ngã ba Cổng Xanh (giáp đường ĐT741), huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (bổ sung 117 tỷ đồng), Bệnh viện đa khoa 1.500 giường (bổ sung 155 tỷ 337 triệu đồng), Xây dựng khối kỹ thuật trung tâm và nhà quản (thuộc khu quy hoạch chi tiết 1/500 bệnh viện đa khoa 1500 giường và ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh) bổ sung 217 tỷ 041 triệu đồng ...

b) Điều chỉnh giảm vốn lớn như:

- Ban Quản lý dự án ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn: kế hoạch đầu tư công năm 2020 bố trí 423 tỷ 877 triệu đồng; kế hoạch điều chỉnh 2020 bố trí 392 tỷ 686 triệu đồng, giảm 31 tỷ 191 triệu đồng. Một số dự án giảm vốn lớn như: Xây dựng cống kiểm soát triều rạch Bình Nhâm (giảm 25 tỷ 318 triệu đồng), Trạm chẩn đoán xét nghiệm và Điều trị bệnh động vật tỉnh Bình Dương (giảm 10 tỷ 325 triệu đồng)....

- Bệnh viện đa khoa tỉnh: kế hoạch đầu tư công năm 2020 bố trí 31 tỷ 842 triệu đồng; kế hoạch điều chỉnh 2020 bố trí 16 tỷ 250 triệu đồng, giảm 15 tỷ 592 triệu đồng.

- Công an tỉnh: kế hoạch đầu tư công năm 2020 bố trí 211 tỷ 671 triệu đồng; kế hoạch điều chỉnh 2020 bố trí 207 tỷ 411 triệu đồng, giảm 4 tỷ 260 triệu đồng. Một số dự án giảm vốn lớn như: Cơ sở làm việc Công an thành phố Thủ Dầu Một (giảm 18 tỷ 090 triệu đồng), hệ thống camera quan sát an ninh trong

thành phố mới Bình Dương và Cổng thông tin điện tử Công an tỉnh Bình Dương (giảm 4 tỷ 500 triệu đồng)....

- Liên Đoàn lao động tỉnh: kế hoạch đầu tư công năm 2020 bố trí 41 tỷ 754 triệu đồng; kế hoạch điều chỉnh 2020 bố trí 38 tỷ 590 triệu đồng, giảm 3 tỷ 164 triệu đồng.

III. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 06 tháng cuối năm:

Thực hiện Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 623/TTg-KTTH ngày 26/3/2020 về việc tập trung đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2020 và ý kiến Thường trực Tỉnh ủy tại công văn số 2967-CV/TU ngày 05/6/2020, UBND tỉnh có các công văn số 2643/UBND-KT, văn bản số 2651/UBND-KT chỉ đạo Sở, ngành, UBND cấp huyện, chủ đầu tư:

1. Xác định việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ chính trị trọng tâm năm 2020 của các cấp ủy đảng, chính quyền và hệ thống chính trị ở địa phương. Thực hiện quyết liệt, đồng bộ các Chỉ thị, chỉ đạo của UBND tỉnh liên quan đến công tác đầu tư công, đẩy mạnh công tác đền bù và giải phóng mặt bằng, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công, phấn đấu đạt mục tiêu giải ngân hết số vốn đầu tư công được giao trong kế hoạch năm 2020 (kể cả số vốn các năm trước được chuyển nguồn sang).

Tăng cường trách nhiệm người đứng đầu đơn vị chủ đầu tư, chính quyền địa phương, các Trung tâm phát triển quỹ đất, thủ trưởng cơ quan đơn vị chịu trách nhiệm toàn diện trước cấp có thẩm quyền trong việc chậm trễ, không đạt mục tiêu giải ngân vốn đầu tư công năm 2020 được giao có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của ngành và địa phương mình. Đặc biệt đối với công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng cần kiên quyết thực hiện biện pháp cưỡng chế đối với các trường hợp cố tình chây ì, không tuân thủ quy định pháp luật.

Các Chủ đầu tư xây dựng kế hoạch tiến độ thực hiện gắn kế hoạch giải ngân từng dự án báo cáo UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ngành và các cơ quan có liên quan để phối hợp triển khai và giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Đảm bảo thực hiện song song 2 nhiệm vụ vừa tập trung giải ngân KH 2020 vừa xây dựng KH đầu tư công giai đoạn 2021 – 2025.

2. Xử lý nghiêm khắc các tổ chức, cá nhân cố tình gây khó khăn, cản trở, làm chậm tiến độ giao, thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, xử lý các dự án chậm tiến độ. Xử lý kịp thời những cán bộ, công chức, viên chức yếu kém về năng lực, suy thoái về đạo đức công vụ, gây những nhiễu, tiêu cực trong quản lý, giải ngân vốn đầu tư công. Kết quả giải ngân dự án đầu tư công là một trong những căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2020 của tổ chức, cá nhân được phân công theo dõi.

3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, tổng hợp tham mưu UBND tỉnh quyết định hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định cắt giảm kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 của các Chủ đầu tư đến ngày 30/9/2020 có tỷ lệ giải ngân dưới 60% kế hoạch được giao để điều chuyển cho các dự án quan trọng, cấp bách cần đẩy nhanh tiến độ, có khả năng giải ngân nhanh, kể cả việc điều chuyển vốn cho các Chủ đầu tư khác; kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc và đề xuất UBND tỉnh xem xét chỉ đạo. Tổ chức kiểm tra đột xuất hoặc hàng quý về tình hình giải ngân KH đầu tư công để kịp thời chấn chỉnh công tác nghiệm thu, giải ngân.

4. Giao Sở chuyên ngành nghiên cứu, rút ngắn thời gian tổ chức thẩm định các bước trong đầu tư công đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả đúng định mức, đơn giá, đồng thời xây dựng kế hoạch phối hợp, hỗ trợ Chủ đầu tư tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai các công trình trọng điểm của tỉnh. Đặc biệt công tác trích lục bản đồ sử dụng đất, công tác thẩm định giá đối với các dự án giải phóng mặt bằng;

Đồng thời rà soát sự không đồng bộ giữa các quy định, định mức, thẩm quyền chuyên ngành với quy định tại Luật Đầu tư công và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh các quy trình thẩm định, định mức trong đầu tư công.

5. Các ngành, các cấp, tổ chức đoàn thể, UBMTTQVN các cấp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân hiểu được định hướng, mục tiêu và chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh gắn với nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng để tạo được sự đồng thuận của nhân dân trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh;
- CT và các PCT;
- Sở KHĐT, Sở TC;
- LĐVP (Lg), Thg, TH;
- Lưu: VT. *ph*

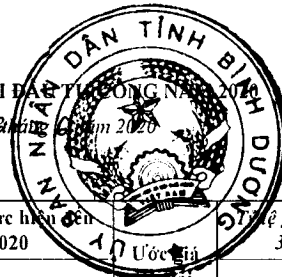
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Liêm

BIỂU I
TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG

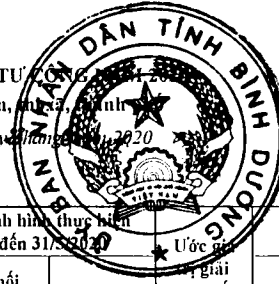
(Kèm theo Báo cáo số 146/BC-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2020
của UBND tỉnh)



Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Kế hoạch đầu tư công 2020	Tình hình thực hiện đến 31/5/2020				Ước tính giải ngân đến 31/5/2020		Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6	Ghi chú
			Khối lượng thực hiện	Giải ngân	Ước giải ngân đến 30/6/2020	KL/KH	GN/KH			
	TỔNG CỘNG (A+B)	13.467.363	2.090.299	1.986.147	4.083.253	15,5%	14,7%	30,3%		
A	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	546.300	83.915	83.915	282.369	15,4%	15,4%	51,7%		
I	VỐN NƯỚC NGOÀI (ODA)	505.200	74.126	74.126	272.580	14,7%	14,7%	54,0%		
II	VỐN TRONG NƯỚC	41.100	9.789	9.789	9.789	23,8%	23,8%	23,8%		
	Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu	41.100	9.789	9.789	9.789	23,8%	23,8%	23,8%		
B	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+II+III)	12.921.063	2.006.384	1.902.232	3.800.884	15,5%	14,7%	29,4%		
I	VỐN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (1+2+3+4)	10.160.399	1.262.021	1.157.869	2.854.695	12,4%	11,4%	28,1%		
1	Vốn ngân sách tỉnh tập trung	7.291.956	775.954	720.142	2.167.487	10,6%	9,9%	29,7%		
1.1	Chuẩn bị đầu tư (a+b+c)	996.339	6.980	6.981	14.816	0,7%	0,7%	1,5%		
a	Hạ tầng kinh tế	900.619	5.615	5.616	7.033	0,6%	0,6%	0,8%		
b	Hạ tầng văn hóa xã hội	31.200	116	116	5.319	0,4%	0,4%	17,0%		
c	QLNN - Quốc phòng - An ninh	64.520	1.249	1.249	2.464	1,9%	1,9%	3,8%		
1.2	Thực hiện dự án (a+b+c)	6.295.617	768.974	713.161	2.152.671	12,2%	11,3%	34,2%		
a	Hạ tầng kinh tế	3.643.020	490.202	432.544	944.664	13,5%	11,9%	25,9%		
b	Hạ tầng văn hóa xã hội	2.133.124	210.317	218.563	1.073.311	9,9%	10,2%	50,3%		
c	QLNN - Quốc phòng - An ninh	519.473	68.455	62.054	134.696	13,2%	11,9%	25,9%		
2	Vốn xố số kiến thiết (a+b)	1.578.028	283.624	235.929	426.808	18,0%	15,0%	27,0%		
a	Cấp tỉnh làm chủ đầu tư	127.751	49.410	285	82.097	38,7%	0,2%	64,3%		
b	Cấp huyện làm chủ đầu tư	1.450.277	234.214	235.644	344.711	16,1%	16,2%	23,8%		
3	Vốn tỉnh hỗ trợ cấp huyện	1.240.415	201.873	201.228	259.830	16,3%	16,2%	20,9%		
4	Lập Quy hoạch tỉnh Bình Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	50.000	570	570	570	1,1%	1,1%	1,1%		
II	VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	2.144.664	617.906	617.906	819.714	28,8%	28,8%	38,2%		
1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	1.410.000	455.829	455.829	611.338	32,3%	32,3%	43,4%		
2	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	734.664	162.077	162.077	208.376	22,1%	22,1%	28,4%		
3	Vốn tỉnh bổ sung có mục tiêu cho cấp huyện từ nguồn vốn kết dư năm 2019	0								
III	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	616.000	126.457	126.457	126.475	20,5%	20,5%	20,5%		

BIỂU II
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ 2016-2020
 Phân theo các nguồn vốn trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố
 (Kèm theo Báo cáo số 146/BC-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2020
 của UBND tỉnh)



Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Kế hoạch đầu tư công 2020	Tình hình thực hiện đến 31/5/2020			Tỷ lệ % đến 31/5/2020		Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6	Ghi chú
			Khối lượng thực hiện	Giải ngân	Ước giải ngân đến 30/6/2020	KL/KH	GN/KH		
	TỔNG CỘNG (1+2+...+8+9)	4.835.356	1.053.993	1.054.778	1.424.255	21,8%	21,8%	29,5%	
	Vốn phân cấp theo tiêu chí	1.410.000	455.829	455.829	611.338	32,3%	32,3%	43,4%	
	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	1.240.415	201.873	201.228	259.830	16,3%	16,2%	20,9%	
	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	1.450.277	234.214	235.644	344.711	16,1%	16,2%	23,8%	
	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	734.664	162.077	162.077	208.376	22,1%	22,1%	28,4%	
1	Thành phố Thủ Dầu Một	1.139.221	170.167	170.167	229.067	14,9%	14,9%	20,1%	
1.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	233.979	132.644	132.644	151.534	56,7%	56,7%	64,8%	
1.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	563.800	7.664	7.664	18.177	1,4%	1,4%	3,2%	
1.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	251.442	8.806	8.806	27.037	3,5%	3,5%	10,8%	
1.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	90.000	21.053	21.053	32.319	23,4%	23,4%	35,9%	
2	Thị xã Thuận An	882.297	108.084	108.084	227.787	12,3%	12,3%	25,8%	
2.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	280.752	38.948	38.948	118.353	13,9%	13,9%	42,2%	
2.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	74.000	25.245	25.247	34.808	34,1%	34,1%	47,0%	
2.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	262.045	31.395	31.395	48.955	12,0%	12,0%	18,7%	
2.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	265.500	12.496	12.496	25.671	4,7%	4,7%	9,7%	
3	Thị xã Dĩ An	747.896	216.252	216.170	258.474	28,9%	28,9%	34,6%	
3.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	271.619	70.602	70.602	75.736	26,0%	26,0%	27,9%	
3.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	84.000	27.536	27.454	46.185	32,8%	32,7%	55,0%	
3.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	307.277	75.139	75.139	84.735	24,5%	24,5%	27,6%	
3.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	85.000	42.975	42.975	51.818	50,6%	50,6%	61,0%	
4	Thị xã Tân Uyên	363.301	75.600	76.644	90.227	20,8%	21,1%	24,8%	
4.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	107.805	32.004	32.004	32.004	29,7%	29,7%	29,7%	
4.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	66.084	19.379	19.075	23.827	29,3%	28,9%	36,1%	
4.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	72.412	9.101	10.449	19.280	12,6%	14,4%	26,6%	
4.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	117.000	15.116	15.116	15.116	12,9%	12,9%	12,9%	
5	Huyện Bắc Tân Uyên	332.404	143.896	143.978	170.555	43,3%	43,3%	51,3%	
5.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	93.719	50.648	50.648	67.738	54,0%	54,0%	72,3%	
5.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	111.000	64.764	64.764	65.665	58,3%	58,3%	59,2%	
5.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	114.185	26.747	26.829	32.152	23,4%	23,5%	28,2%	
5.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	13.500	1.737	1.737	5.000	12,9%	12,9%	37,0%	
6	Thị xã Bến Cát	435.795	31.387	31.386	62.852	7,2%	7,2%	14,4%	
6.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	115.139	16.730	16.730	34.760	14,5%	14,5%	30,2%	
6.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	118.752	253	252	-	0,2%	0,2%	0,0%	
6.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	158.904	9.880	9.880	14.671	6,2%	6,2%	9,2%	
6.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	43.000	4.524	4.524	13.421	10,5%	10,5%	31,2%	
7	Huyện Bàu Bàng	236.576	76.584	76.504	116.724	32,4%	32,3%	49,3%	
7.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	87.873	32.859	32.859	43.500	37,4%	37,4%	49,5%	
7.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	52.000	361	281	281	0,7%	0,5%	0,5%	
7.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	96.703	43.364	43.364	72.943	44,8%	44,8%	75,4%	
8	Huyện Phú Giáo	374.702	106.226	106.046	126.362	28,3%	28,3%	33,7%	
8.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	104.376	19.154	19.154	25.473	18,4%	18,4%	24,4%	
8.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	148.026	37.483	37.303	50.199	25,3%	25,2%	33,9%	
8.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	57.800	6.542	6.542	6.788	11,3%	11,3%	11,7%	
8.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	64.500	43.047	43.047	43.902	66,7%	66,7%	68,1%	
9	Huyện Dầu Tiếng	323.164	125.797	125.797	142.207	38,9%	38,9%	44,0%	
9.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí	114.738	62.240	62.240	62.240	54,2%	54,2%	54,2%	
9.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	22.733	19.188	19.188	20.688	84,3%	84,3%	90,9%	
9.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	129.509	23.240	23.240	38.150	17,9%	17,9%	29,5%	
9.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	56.164	21.129	21.129	21.129	37,6%	37,6%	37,6%	

BIỂU III
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ SONG 2020
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KẾT CẤU HẠ TẦNG TRONG NĂM
 (Kèm theo Báo cáo số 446 BC-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	KH 2020 (QĐ 3855/QĐ-UBND và QĐ 700/QĐ-UBND) của UBND tỉnh	Tình hình thực hiện năm 2020		Tỷ lệ giải ngân đến 31/5/2020	Tỷ lệ giải ngân đến 31/5/2020		Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6
				Khối lượng thực hiện	Giải ngân		KL/KH	GN/KH	
	TỔNG CỘNG		6.021.979	640.739	600.203	2.195.768	10,6%	10,0%	36,5%
A	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ CẤP TỈNH		6.021.979	640.739	600.203	2.195.768	10,6%	10,0%	36,5%
A.1	HẠ TẦNG KINH TẾ		3.723.899	385.065	385.407	1.136.262	10,3%	10,3%	30,5%
1	GIAO THÔNG		3.065.572	346.157	346.499	721.125	11,3%	11,3%	23,5%
1	Đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài (tuyến D6)		12.260	9.789	9.789	10.039	79,8%	79,8%	81,9%
	Dự án đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài (bao gồm vốn NSTW)	UBND thị xã Dĩ An	11.760	9.789	9.789	9.789	83,2%	83,2%	83,2%
	Dự án đền bù đường Mỹ Phước - Tân Vạn	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	500	0	0	250	0,0%	0,0%	50,0%
2	Giải phóng mặt bằng đường tạo lực Mỹ Phước - Bầu Bàng (đoạn từ đường 7B đến Khu Công nghiệp Bầu Bàng)	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	2.000	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%
3	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 13 (giai đoạn 2018 - 2021)	UBND thị xã Thuận An	715.245	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%
4	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT743 (đoạn từ ngã tư Miếu Ông Cù đến nút giao Sóng Thần)	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	311.625	95.654	95.654	172.000	30,7%	30,7%	55,2%
5	Giao lộ ngã tư Phú Thứ Bến Cát	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	200	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%
6	Đường ĐT744 đoạn từ Km12+000 đến Km32+000	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	25.000	10.037	10.379	16.947	40,1%	41,5%	67,8%
7	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT747a đoạn từ dốc Bà Nghĩa (ranch thị trấn Uyên Hưng) đến ngã ba Công Xanh (giáp đường ĐT741), huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	23.000	0	0	121.532	0,0%	0,0%	528,4%
8	Đường Thủ Biên - Đất Cuốc	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	133.660	17.531	17.531	53.860	13,1%	13,1%	40,3%
	Giải phóng mặt bằng đường Thủ Biên - Đất Cuốc	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	2.000	252	252	14.075	12,6%	12,6%	703,8%
	Xây dựng đường Thủ Biên - Đất Cuốc với quy mô 4 làn xe (giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	131.660	17.279	17.279	39.785	13,1%	13,1%	30,2%
9	Đường Đất Cuốc đi Thới Hòa - An Điền (trùng tuyến đường Vành đai 4)	UBND thị xã Bến Cát	1.505	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%
10	Giải phóng mặt bằng công trình đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bầu Bàng, dự án trung tâm hành chính huyện Bầu Bàng, huyện Bắc Tân Uyên	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	511.940	78.401	78.401	207.000	15,3%	15,3%	40,4%
11	Xây dựng đường từ Tân Thành đến cầu Tam Lập (xã Tân Định) thuộc tuyến tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bầu Bàng	UBND huyện Bắc Tân Uyên	400.000	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%
12	Đường trục chính Đồng Tây - Đoạn từ Quốc lộ 1A (bến xe Miền Đông mới) đến giáp Quốc Lộ 1K	UBND thị xã Dĩ An	40.042	734	734	734	1,8%	1,8%	1,8%
13	Tuyến đường vành đai Đồng Bắc 2: đoạn từ trục chính Đồng Tây (khu vực giữa khu dân cư Bình Nguyên và Trường Cao đẳng nghề Đồng An) đến giáp đường Mỹ Phước - Tân Vạn (khoảng 1.600m)	UBND thị xã Dĩ An	1.000	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%
14	Dự án xây dựng đường Bắc Nam 3 (bao gồm vốn NSTW)	UBND thị xã Dĩ An	29.340	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%
15	Đường Bạch Đằng nối dài, Tp.Thủ Dầu Một	UBND thành phố Thủ Dầu Một	116.755	11.318	11.318	16.000	9,7%	9,7%	13,7%
16	Xây dựng Bờ kè chống sạt lở sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Tre đến thị ủy thị xã Tân Uyên - Giai đoạn 2	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	143.000	103.502	103.502	103.502	72,4%	72,4%	72,4%
17	Xây dựng đường từ ngã ba Mười Muộn đi ngã ba Tân Thành, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	30.000	13.011	13.011	13.011	43,4%	43,4%	43,4%
18	Cầu Bạch Đằng 2 qua sông Đồng Nai	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	271.000	3.041	3.041	3.067	1,1%	1,1%	1,1%
	Xây dựng cầu bắc qua sông Đồng Nai (Cầu Bạch Đằng 2) - Dự án 1: Xây dựng đường dẫn vào cầu phía Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	51.000	710	710	717	1,4%	1,4%	1,4%

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	KH 2020 (QĐ 3855/QĐ-UBND và QĐ 700/QĐ-UBND) của UBND tỉnh	Tình hình thực hiện đến 31/5/2020		Ước giá trị giải ngân đến ngày 30/6/2020	Tỷ lệ giải ngân đến 31/5/2020		Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6
				Khối lượng thực hiện	Giá trị giải ngân		KL/KH	GN/KH	
	Xây dựng cầu bắc qua sông Đồng Nai (Cầu Bạch Đằng 2) - Dự án 2: Xây dựng cầu vượt sông Đồng Nai	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	220.000	2.331	2.331	2.350	1,1%	1,1%	1,1%
19	Đường Lê Chí Dân, phường Hiệp An	UBND thành phố Thủ Dầu Một	95.000	2.125	2.125	2.125	2,2%	2,2%	2,2%
20	Cải tạo hạ tầng giao thông công cộng tại Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	3.000	0	0	278	0,0%	0,0%	9,3%
22	Xây dựng đường và cầu kết nối tỉnh Bình Dương và tỉnh Tây Ninh	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	200.000	1.014	1.014	1.030	0,5%	0,5%	0,5%
II	CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG CỘNG VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG		658.327	38.908	38.908	415.137	5,9%	5,9%	63,1%
23	Trục thoát nước Chôm Sao - Suối Dờn	Sở NN&PTNT	12.897	8.110	8.110	7.555	62,9%	62,9%	58,6%
24	Hệ thống thoát nước Dĩ An - KCN Tân Đông Hiệp	Sở NN&PTNT	222.000	7.678	7.678	47.010	3,5%	3,5%	21,2%
25	Trục thoát nước Suối Giữa, thành phố Thủ Dầu Một	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	1.000	0	0	1.000	0,0%	0,0%	100,0%
26	Trục thoát nước Bưng Biệp - Suối Cát	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	145.850	3.704	3.704	11.992	2,5%	2,5%	8,2%
27	Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương giai đoạn II (bao gồm vốn ODA)	Ban QLDA chuyên ngành nước thải	175.750	0	0	223.750	0,0%	0,0%	127,3%
28	Dự án thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An (bao gồm vốn ODA)	Ban QLDA chuyên ngành nước thải	100.830	19.416	19.416	123.830	19,3%	19,3%	122,8%
A.2	HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI		2.298.080	255.674	214.796	1.059.506	11,1%	9,3%	46,1%
I	GIÁO DỤC		396.532	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%
29	81 công trình trường học mầm non, phổ thông các cấp (không bao gồm danh mục xã hội hoá)	9 huyện, thị, thành phố	395.532				0,0%	0,0%	0,0%
30	Trường THCS tạo nguồn Phú Giáo	UBND huyện Phú Giáo	1.000	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%
II	Y TẾ		1.697.058	231.795	190.917	919.772	13,7%	11,2%	54,2%
31	Bệnh viện Đa khoa tỉnh 1500 giường (bao gồm thiết bị và các hạng mục liên quan)	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	1.340.582	61.311	20.992	608.913	4,6%	1,6%	45,4%
	Bệnh viện đa khoa 1500 giường (Nguồn vốn tỉnh tập trung)	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	547.369	12.069	20.874	553.373	2,2%	3,8%	101,1%
	Thiết bị Bệnh viện đa khoa 1500 giường	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	700.000	0	0	213	0,0%	0,0%	0,0%
	Bệnh viện đa khoa 1500 giường (Nguồn vốn XSKT)	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	93.213	49.242	118	55.327	52,8%	0,1%	59,4%
32	Dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của nhà nước	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	1.700	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%
33	Hạ tầng kỹ thuật tổng thể (thuộc Khu quy hoạch chi tiết 1/500 Bệnh viện Đa khoa 1.500 giường và Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh)	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	31.951	0	0	17.000	0,0%	0,0%	53,2%
34	Các trục giao thông chính thuộc Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của Nhà nước	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	16.182	9.054	9.054	44.695	56,0%	56,0%	276,2%
35	Trạm xử lý nước thải cho các bệnh viện thuộc khu quy hoạch các Bệnh viện và một số công trình Nhà nước. (gđ 1)	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	54.793	559	0	32.875	1,0%	0,0%	60,0%
36	Khối kỹ thuật trung tâm và nhà quản (thuộc Khu quy hoạch chi tiết 1/500 Bệnh viện Đa khoa 1.500 giường và Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh)	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	105.850	105.190	105.190	160.624	99,4%	99,4%	151,7%
37	Trung tâm Y tế huyện Bàu Bàng - Quy mô 100 giường	UBND huyện Bàu Bàng	50.000	5.016	5.016	5.000	10,0%	10,0%	10,0%
38	Trung tâm y tế huyện Bắc Tân Uyên quy mô 100 giường; Giai đoạn 1: 60 giường	UBND huyện Bắc Tân Uyên	96.000	50.665	50.665	50.665	52,8%	52,8%	52,8%
III	VĂN HÓA - THÔNG TIN		204.490	23.879	23.879	139.734	11,7%	11,7%	68,3%
39	Khu trung tâm và hạ tầng kỹ thuật tổng thể Khu tưởng niệm chiến khu D	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	145.151	0	0	94.772	0,0%	0,0%	65,3%
40	Trường quay- nhà bá âm FM Đài phát thanh truyền hình Bình Dương (bao gồm thiết bị)		56.075	23.879	23.879	44.962	42,6%	42,6%	80,2%
	Trường quay- nhà bá âm FM Đài phát thanh truyền hình Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	2.275	0	0	2.400	0,0%	0,0%	105,5%

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	KH 2020 (QĐ 3855/QĐ-UBND và QĐ 700/QĐ-UBND) của UBND tỉnh	Tình hình thực hiện		Tỷ lệ giải ngân đến 31/5/2020		Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6
				Khối lượng thực hiện	Giá trị giải ngân	K/L/KH	GN/KH	
	Đầu tư thiết bị sản xuất chương trình phát thanh truyền hình trường quay - Nhà bá âm	Đài phát thanh và truyền hình tỉnh Bình Dương	53.800	23.879	47,55%	44,4%	44,4%	79,1%
41	Trung tâm Văn hóa thể thao công nhân lao động tỉnh Bình Dương	Liên đoàn Lao động tỉnh	3.264	0	0	0,0%	0,0%	0,0%

BIỂU IV
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ
 Các dự án đền bù, giải phóng mặt bằng
 (Kèm theo Báo cáo số **146** /BC-UBND ngày **23** tháng **06** năm **2020**
 UBND tỉnh)



Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020	Tình hình thực hiện đến 31/5/2020		Ước giá trị giải ngân đến ngày 30/6/2020	Tỷ lệ giải ngân đến 31/5/2020		Ước tỷ lệ giải ngân đến 30/6	Ghi chú
				Khối lượng thực hiện	Giá trị giải ngân		KL/KH	GN/KH		
	TỔNG SỐ	11	1.572.645	174.307	174.307	393.325	11,1%	11,1%	25,0%	
	Chuẩn bị đầu tư	6	744.580	0	0	0	0,0%	0,0%	0,0%	
1	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 13 (giai đoạn 2018 - 2021)	1	715.245	-	-	-	0,0%	0,0%	0,0%	
2	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng ĐT742 đoạn qua thành phố Thủ Dầu Một và thị xã Tân Uyên	1	1.930	-	-	-	0,0%	0,0%	0,0%	
3	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng ĐT747a đoạn từ Thái Hòa đến Uyên Hưng	1	400	-	-	-	0,0%	0,0%	0,0%	
4	Giải phóng mặt bằng đường Đất Cuốc đi Thới Hòa - An Điền (trùng tuyến đường Vành đai 4)	1	1.505	-	-	-	0,0%	0,0%	0,0%	
5	Dự án giải phóng mặt bằng trục thoát nước Bưng Biệp - Suối Cát, thành phố Thủ Dầu Một	1	2.500	-	-	-	0,0%	0,0%	0,0%	
6	Dự án giải phóng mặt bằng trục thoát nước Bưng Biệp - Suối Cát, thị xã Thuận An	1	23.000	-	-	-	0,0%	0,0%	0,0%	
	Thực hiện dự án	5	828.065	174.307	174.307	393.325	21,0%	21,0%	47,5%	
7	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT743 (đoạn từ ngã tư Miếu Ông Cù đến nút giao Sông Thần)	1	311.625	95.654	95.654	172.000	30,7%	30,7%	55,2%	
8	Giải phóng mặt bằng đường tạo lực Mỹ Phước - Bàu Bàng (đoạn từ đường 7B đến Khu Công nghiệp Bàu Bàng)	1	2.000	-	-	-	0,0%	0,0%	0,0%	
9	Bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư công trình đường Mỹ Phước - Tân Vạn	1	500	-	-	250	0,0%	0,0%	50,0%	
10	Giải phóng mặt bằng đường Thủ Biên - Đất Cuốc	1	2.000	252	252	14.075	12,6%	12,6%	703,8%	
11	Giải phóng mặt bằng công trình đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng, dự án trung tâm hành chính huyện Bàu Bàng, huyện Bắc Tân Uyên	1	511.940	78.401	78.401	207.000	15,3%	15,3%	40,4%	

BIỂU V
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 2020
 Phân theo các nguồn vốn trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố
 (Kèm theo Báo cáo số 146 /BC-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2020
 của UBND tỉnh)



Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chủ đầu tư	Kế hoạch đầu tư công 2020	Tình hình thực hiện đến 15/5/2020		Ước giá trị giải ngân đến ngày 30/6/2020	Tỷ lệ % đến 31/5		Tỷ lệ giải ngân đến 30/6	Ghi chú
			Khối lượng thực hiện	Giá trị giải ngân		KL/KH	GN/KH		
	TỔNG CỘNG	12.921.063	2.019.095	1.902.232	3.813.684	15,6%	14,7%	29,5%	
A	9 Huyện, thị xã, thành phố	6.717.509	1.145.423	1.133.497	1.508.980	17,1%	16,9%	22,5%	
1	UBND thành phố Thủ Dầu Một	1.415.121	182.325	182.325	247.060	12,9%	12,9%	17,5%	
2	UBND thị xã Thuận An	1.625.562	108.084	108.086	227.787	6,6%	6,6%	14,0%	
3	UBND thị xã Dĩ An	823.341	251.289	251.207	259.208	30,5%	30,5%	31,5%	
4	UBND thị xã Tân Uyên	437.331	95.649	96.693	131.001	21,9%	22,1%	30,0%	
5	UBND huyện Bắc Tân Uyên	887.757	145.316	145.398	172.723	16,4%	16,4%	19,5%	
6	UBND thị xã Bến Cát	473.330	35.411	35.410	66.876	7,5%	7,5%	14,1%	
7	UBND huyện Bàu Bàng	295.576	82.175	82.095	122.224	27,8%	27,8%	41,4%	
8	UBND huyện Phú Giáo	424.202	106.642	106.462	126.778	25,1%	25,1%	29,9%	
9	UBND huyện Dầu Tiếng	335.289	138.532	125.821	155.323	41,3%	37,5%	46,3%	
B	Chủ đầu tư các Sở, ban, ngành	6.203.554	873.672	768.735	2.304.704	14,1%	12,4%	37,2%	
I	Kế hoạch vốn trên 200 tỷ đồng	4.792.336	580.801	533.864	1.871.929	12,1%	11,1%	39,1%	
1	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	4.156.788	546.650	506.113	1.737.058	13,2%	12,2%	41,8%	
2	Công an tỉnh	211.671	18.006	11.605	79.250	8,5%	5,5%	37,4%	
3	Sở Nông Nghiệp PTNT	423.877	16.145	16.146	55.621	3,8%	3,8%	13,1%	
II	Kế hoạch vốn từ 50 tỷ đến 200 tỷ đồng	499.303	150.096	92.096	274.576	30,1%	18,4%	55,0%	
4	Ban Quản lý nước thải chuyên ngành	167.059	92.521	34.521	148.900	55,4%	20,7%	89,1%	
5	Đài Phát thanh truyền hình	155.894	56.864	56.864	105.983	36,5%	36,5%	68,0%	
6	Sở Lao động TB - XH	119.143	711	711	16.093	0,6%	0,6%	13,5%	
7	Sở Văn hóa TT - DL	57.207	-	-	3.600	0,0%	0,0%	6,3%	
III	Kế hoạch vốn từ 10 tỷ đến 50 tỷ đồng	237.968	15.107	15.107	28.318	6,3%	6,3%	11,9%	
8	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	42.700	11.962	11.962	24.594	28,0%	28,0%	57,6%	
9	Bệnh viện đa khoa tỉnh	31.842	427	427	1.000	1,3%	1,3%	3,1%	
10	Liên đoàn lao động tỉnh	41.754	80	80	80	0,2%	0,2%	0,2%	
11	Trung tâm đầu tư khai thác nước sạch nông thôn	33.090	1.955	1.955	110	5,9%	5,9%	0,3%	
12	Sở Thông tin Truyền thông	34.332	369	369	-	1,1%	1,1%	0,0%	
13	Sở Nội vụ	29.000	314	314	314	1,1%	1,1%	1,1%	
14	Đại học Thủ Dầu Một	25.250	0	0	2.220	0,0%	0,0%	8,8%	
IV	Kế hoạch vốn dưới 10 tỷ đồng	7.947	641	641	2.836	8,1%	8,1%	35,7%	
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	330	-	-	-	0,0%	0,0%	0,0%	
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	440	-	-	300	0,0%	0,0%	68,2%	
17	TT kiểm nghiệm	1.000	-	-	1.230	0,0%	0,0%	123,0%	
18	BV phục hồi chức năng	1.027	-	-	527	0,0%	0,0%	51,3%	
19	Trường Việt Nam - Singapore	80	-	-	-	0,0%	0,0%	0,0%	
20	Trường CD Việt Hàn	270	-	-	-	0,0%	0,0%	0,0%	
21	Tinh đoàn	4.060	194	194	487	4,8%	4,8%	12,0%	
22	Sở Xây dựng	292	-	-	292	0,0%	0,0%	100,0%	
23	Trường Cao đẳng Y tế	448	447	447	-	99,8%	99,8%	0,0%	
24	Sở Khoa học và Công nghệ	-	-	-	-				
25	Báo Bình Dương	-	-	-	-				
	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	616.000	126.457	126.457	126.475	20,5%	20,5%	20,5%	
	Lập Quy hoạch tỉnh Bình Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	50.000	570	570	570	1,1%	1,1%	1,1%	

BIỂU VI.A
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG NĂM 2020



STT	Danh mục	Chủ đầu tư
1	Xóa điện kế dùng chung trên địa bàn huyện Phú Giáo	UBND huyện Phú Giáo
2	Trung tâm hành chính huyện Bàu Bàng	UBND huyện Bàu Bàng
3	Đường trục chính Đông Tây - Đoạn từ Quốc lộ 1A (bến xe Miền Đông mới) đến giáp Quốc Lộ 1K	UBND thị xã Dĩ An
4	Xây dựng Cầu Đò mới qua sông Thị Tinh	UBND thị xã Bến Cát
5	Xây dựng đường nội bộ Tiểu đoàn 2 - Trung đoàn cảnh sát cơ động 25, xã Phú An, thị xã Bến Cát	UBND thị xã Bến Cát
6	Xây dựng kè chống sạt lở cù lao Rùa (Vị trí cù Rùa)	UBND thị xã Tân Uyên
7	Đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc giám sát tự động trực tuyến tại các trạm cấp nước tập trung	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn
8	Đầu tư trang thiết bị phục vụ cho phòng thí nghiệm, thực hành và nghiên cứu ở Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Điện - Điện tử thuộc Trường Đại học Thủ Dầu Một	Trường Đại học Thủ Dầu Một
9	Trung tâm Văn hóa công nhân lao động thị xã Bến Cát	Liên đoàn lao động tỉnh
10	Dự án Thiết bị nội thất Nhà làm việc chính Công an tỉnh.	Công an tỉnh
11	Cơ sở làm việc Công an thành phố Thủ Dầu Một	Công an tỉnh
12	Trường TH Bình Chuẩn 2	UBND Tx. Thuận An
13	Trường Mầm non Hoa Mai 2	UBND Tx. Thuận An
14	Trường TH An Phú 3	UBND Tx. Thuận An
15	Trường tiểu học An Tây B (giai đoạn 2)	UBND Tx. Bến Cát
16	Trường THCS An Điền (GD 2)	UBND Tx. Bến Cát
17	Xây dựng, bổ sung khối phòng học Trường THPT Bến Cát.	UBND Tx. Bến Cát
18	Trường Tiểu học Định An (giai đoạn 2)	UBND huyện Dầu Tiếng
19	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học phổ thông Phước Hòa	UBND huyện Phú Giáo
20	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học cơ sở Vĩnh Hòa	UBND huyện Phú Giáo
21	Trường tiểu học Trừ Văn Thố	UBND huyện Bàu Bàng
22	Trường trung học cơ sở Cây Trường	UBND huyện Bàu Bàng
23	Cải tạo, nâng cấp đường Bùi Thị Xuân (đoạn từ đường Mỹ Phước - Tân Vạn đến ranh Thái Hòa - Tân Uyên)	UBND Tx. Thuận An
24	Trường TH Lê Thị Trung	UBND Tx. Thuận An
25	Trường Tiểu học Vĩnh Phú	UBND Tx. Thuận An
26	Nâng cấp, mở rộng đường Chiêu Liêu	UBND Tx. Dĩ An
27	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH 423 (đoạn từ ngã tư đường ĐH 409 đến giáp đường ĐT 747A)	UBND Tx. Tân Uyên
28	Nâng cấp, mở rộng đường từ Kho bạc Bến Cát đến Cầu Quan	UBND Tx. Bến Cát
29	Khai thông uốn nắn dòng chảy đoạn hạ lưu rạch Cầu Quan đến sông Thị Tinh	UBND Tx. Bến Cát
30	Xây dựng Công viên dọc sông Thị Tinh (đoạn qua chợ Bến Cát)	UBND Tx. Bến Cát
31	Nâng cấp mở rộng đường ĐH 507 (từ đường ĐT 741 đi trại giam An Phước)	UBND huyện Phú Giáo
32	Nâng cấp nhựa đường ĐH 721 (từ ĐT 749a đến ĐT 750)	UBND huyện Dầu Tiếng
33	Xây dựng đường và cầu kết nối tỉnh Bình Dương và tỉnh Tây Ninh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh
34	Xây dựng cầu bắc qua sông Đồng Nai (Cầu Bạch Đằng 2) - Dự án 1: Xây dựng đường dẫn vào cầu phía Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh

DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN HOÀN THÀNH TRONG NĂM 2020



STT	Danh mục	Đơn vị chủ trì đầu tư
1	Mở rộng tuyến ống cấp nước sạch trên địa bàn xã Minh Hòa, xã Minh Tân, xã Định An, huyện Dầu Tiếng	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn
2	Mở rộng tuyến ống cấp nước sạch trên địa bàn xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn
3	Bệnh viện đa khoa thị xã Tân Uyên quy mô 200 giường (định hướng 400 giường)	UBND TX Tân Uyên
4	Đầu tư thiết bị sản xuất chương trình phát thanh truyền hình Trường quay - Nhà bá âm	Đài Phát thanh truyền hình
5	Xây dựng nhà ăn cơ quan Bộ Chỉ huy quân sự	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
6	Xây dựng Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh thuộc Trường Quân sự địa phương	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
7	Dự án Thiết bị nội thất Nhà làm việc chính Công an tỉnh.	Công an tỉnh
8	Cơ sở làm việc Công an huyện Bắc Tân Uyên thuộc Công an tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh
9	Nhà làm việc chính Công an tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh
10	Đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc giám sát tự động trực tuyến tại các trạm cấp nước tập trung	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn
11	Trung tâm y tế huyện Bàu Bàng - quy mô 100 giường bệnh - Nguồn XSKT	UBND huyện Bàu Bàng
12	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trung Trực	UBND Tx. Thuận An
13	Trường Tiểu học Tuy An	UBND Tx. Thuận An
14	Mở rộng trường Trung học cơ sở Nguyễn Thái Bình	UBND Tx. Thuận An
15	Mở rộng trường Trung học cơ sở Trịnh Hoài Đức	UBND Tx. Thuận An
16	Trường tiểu học An Thạnh	UBND Tx. Thuận An
17	Mở rộng trường Trung học cơ sở Đông Hòa	UBND Tx. Dĩ An
18	Trường trung học phổ thông Nguyễn Thị Minh Khai	UBND Tx. Dĩ An
19	Trường Tiểu học Nhị Đồng 2	UBND Tx. Dĩ An
20	Trường Tiểu học Tân Đông Hiệp C	UBND Tx. Dĩ An
21	Trường Tiểu học Đông Hòa C	UBND Tx. Dĩ An
22	Trường tiểu học Định Phước	UBND Tx. Bến Cát
23	Trường tiểu học An Tây B (giai đoạn 1)	UBND Tx. Bến Cát
24	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng	UBND Tx. Tân Uyên
25	Trường Trung học cơ sở An Lập (giai đoạn 1)	UBND huyện Dầu Tiếng
26	Trường trung học cơ sở Minh Tân (giai đoạn 2)	UBND huyện Dầu Tiếng
27	Trường Tiểu học Minh Thạnh (giai đoạn 2)	UBND huyện Dầu Tiếng
28	Trường Tiểu học Phước Vĩnh B	UBND huyện Phú Giáo
29	Trường THPT Trịnh Hoài Đức (cải tạo, nâng cấp, mở rộng phục vụ đề án trường THPT tỉnh Bình Dương Trịnh Hoài Đức chất lượng cao)	UBND Tx. Thuận An
30	Trường mầm non Hoa Mai 3	UBND Tx. Thuận An
31	Nâng cấp mặt đường ĐH 406 (đoạn từ cây xăng An Lộc đến ngã tư Xã Cũ), phường Khánh Bình	UBND Tx. Tân Uyên
32	Nâng cấp mặt đường ĐH 406 (đoạn từ ngã tư Xã Cũ đến cầu Khánh Vân), phường Khánh Bình	UBND Tx. Tân Uyên
33	Đường gò Cào Cào	UBND Tx. Bến Cát
34	Xây dựng tượng đài thị xã Bến Cát	UBND Tx. Bến Cát
35	Bê tông nhựa đường từ nhà Ông Bảy Hộ đến nhà Bà Suối xã Lai Hưng	UBND huyện Bàu Bàng
36	Nâng cấp đường Cống Triết	UBND huyện Phú Giáo
37	Nâng cấp Đường ĐH 515	UBND huyện Phú Giáo
38	Đầu tư xây dựng đường Trần Hưng Đạo nối dài	UBND huyện Phú Giáo
39	Đầu tư xây dựng đường Trần Quang Diệu nối dài	UBND huyện Phú Giáo
40	Đường ĐH 512 (Đường Kiểm)	UBND huyện Phú Giáo
41	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 519	UBND huyện Phú Giáo
42	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 704 từ Thanh An, Định Hiệp đến Minh Hòa giai đoạn 2 (đoạn qua xã Định An)	UBND huyện Dầu Tiếng

Phụ lục I
TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ
 (Kèm theo Báo cáo số 146/BC-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2020
 của UBND tỉnh)



Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020	Dự kiến điều chỉnh KH 2020 lần 2	Chênh lệch	Ghi chú
	TỔNG CỘNG (A+B)	484	13.467.363	14.909.287	1.441.924	
A	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	4	546.300	546.300	0	
I	VỐN NƯỚC NGOÀI (ODA)	2	505.200	505.200	0	
II	VỐN TRONG NƯỚC	2	41.100	41.100	0	
	<i>Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu</i>	<i>2</i>	<i>41.100</i>	<i>41.100</i>	<i>0</i>	
B	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+II+III)	480	12.921.063	14.362.987	1.441.924	
I	VỐN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (1+2+3+4)	399	10.160.399	10.411.482	251.083	
1	Vốn ngân sách tỉnh tập trung	217	7.291.956	7.475.319	183.363	
1.1	Chuẩn bị đầu tư (a+b+c)	87	996.339	920.955	-75.384	
a	Hạ tầng kinh tế	38	900.619	868.101	-32.518	
b	Hạ tầng văn hóa xã hội	27	31.200	27.795	-3.405	
c	QLNN - Quốc phòng - An ninh	22	64.520	25.059	-39.461	
1.2	Thực hiện dự án (a+b+c)	130	6.295.617	6.554.364	258.747	
a	Hạ tầng kinh tế	48	3.643.020	3.685.481	42.461	
b	Hạ tầng văn hóa xã hội	55	2.133.124	2.214.534	81.410	
c	QLNN - Quốc phòng - An ninh	27	519.473	654.349	134.876	
2	Vốn xổ số kiến thiết (a+b)	123	1.578.028	1.578.028	0	
a	Cấp tỉnh làm chủ đầu tư	4	127.751	134.358	6.607	
b	Cấp huyện làm chủ đầu tư	119	1.450.277	1.443.670	-6.607	
3	Vốn tỉnh hỗ trợ cấp huyện	58	1.240.415	1.308.135	67.720	
4	Lập Quy hoạch tỉnh Bình Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	1	50.000	50.000	0	
II	VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	81	2.144.664	3.335.505	1.190.841	
1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		1.410.000	1.410.000	0	
2	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	15	734.664	734.664	0	
3	Vốn tỉnh bổ sung có mục tiêu cho cấp huyện từ nguồn vốn kết dư năm 2019	66	0	1.190.841	1.190.841	
III	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG		616.000	616.000	0	

Phụ lục II
TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ
Phân theo các nguồn vốn trên địa bàn huyện
(Kèm theo Báo cáo số 146/BC-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2020
của UBND tỉnh)



Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020	Dự kiến điều chỉnh 2020 lần 2	Tăng	Giảm	Chênh lệch	Ghi chú
	TỔNG CỘNG (1+2+...+8+9)	191	4.835.356	4.896.369	225.740	-164.727	61.013	
	Vốn phân cấp theo tiêu chí		1.410.000	1.410.000	0		0	
	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	58	1.240.415	1.308.135	94.250	-26.530	67.720	
	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	118	1.450.277	1.443.570	116.983	-123.690	-6.707	
	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	15	734.664	734.664	14.507	-14.507	0	
1	Thành phố Thủ Dầu Một	35	1.139.221	1.213.172	73.951	0	73.951	
1.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		233.979	233.979	0	0	0	
1.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	14	563.800	588.345	24.545		24.545	
1.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	19	251.442	300.848	49.406		49.406	
1.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	2	90.000	90.000	0	0	0	
2	Thị xã Thuận An	27	882.297	901.922	19.677	-52	19.625	
2.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		280.752	280.752	0	0	0	
2.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	6	74.000	93.177	19.177		19.177	
2.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	17	262.045	261.993		-52	-52	
2.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	4	265.500	266.000	500		500	
3	Thị xã Dĩ An	19	747.896	655.199	0	-92.697	-92.697	
3.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		271.619	271.619	0	0	0	
3.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	3	84.000	80.500		-3.500	-3.500	
3.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	15	307.277	218.080		-89.197	-89.197	
3.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	1	85.000	85.000	0	0	0	
4	Thị xã Tân Uyên	21	363.301	359.353	17.373	-21.321	-3.948	
4.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		107.805	107.805	0	0	0	
4.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	6	66.084	44.763		-21.321	-21.321	
4.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	13	72.412	89.785	17.373		17.373	
4.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	2	117.000	117.000	0	0	0	
5	Huyện Bắc Tân Uyên	13	332.404	352.404	20.000	0	20.000	
5.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		93.719	93.719	0	0	0	
5.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	3	111.000	131.000	20.000		20.000	
5.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	9	114.185	114.185	0	0	0	
5.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	1	13.500	13.500	0	0	0	
6	Thị xã Bến Cát	17	435.795	402.213	859	-34.441	-33.582	
6.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		115.139	115.139	0	0	0	
6.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	6	118.752	119.611	859		859	
6.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	10	158.904	124.463		-34.441	-34.441	
6.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	1	43.000	43.000	0	0	0	
7	Huyện Bàu Bàng	17	236.576	262.035	27.168	-1.709	25.459	
7.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		87.873	87.873	0	0	0	
7.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	5	52.000	50.291		-1.709	-1.709	
7.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	12	96.703	123.871	27.168		27.168	
8	Huyện Phú Giáo	22	374.702	383.249	23.054	-14.507	8.547	
8.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		104.376	104.376	0	0	0	
8.2	Vốn tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện	9	148.026	153.570	5.544		5.544	
8.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	11	57.800	75.310	17.510		17.510	
8.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	2	64.500	49.993		-14.507	-14.507	
9	Huyện Dầu Tiếng	20	323.164	366.822	43.658	0	43.658	

Stt	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020	Dự kiến điều chỉnh 2020 lần 2	Tăng	Giảm	Chênh lệch	Ghi chú
9.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		114.738	114.738	0	0	0	
9.2	Vốn tính hỗ trợ cho cấp huyện	6	22.753	46.878	24.125		24.125	
9.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	12	129.509	135.035	5.526		5.526	
9.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	2	56.164	70.171	14.007		14.007	

Phụ lục III
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020
VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG - CHUẨN ĐẦU TƯ
(Kèm theo Báo cáo số 16/BC-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2020
của UBND tỉnh)



Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Số dự án	3855/QĐ-UBND và QĐ 700/QĐ-UBND của UBND tỉnh	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 2020	Tăng	Giảm	Chênh lệch
	TỔNG SỐ (A+B+C)		87	996.339	920.955	450.776	-526.160	-75.384
A	HẠ TẦNG KINH TẾ		38	900.619	868.101	431.218	-463.736	-32.518
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)		22	742.040	321.601	3.370	-423.809	-420.439
1	Nâng cấp, mở rộng đường Hồ Văn Mên (Hương lộ 9) từ đường Cách Mạng Tháng Tám đến cảng An Sơn	UBND Tx Thuận An	1	2.000	500		-1.500	-1.500
2	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 13 (giai đoạn 2018 - 2021)	UBND Tx Thuận An	1	715.245	301.000		-414.245	-414.245
2.1	Giải phóng quốc lộ 13 đoạn từ nút giao Tự Do đến Ngã tư Lê Hồng Phong	UBND Tx Thuận An			300.000			
2.2	Giải phóng mặt bằng quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư Cầu Ông Bó đến nút giao Hữu Nghị	UBND Tx Thuận An			500			
2.3	Giải phóng mặt bằng quốc lộ 13 đoạn từ Cổng chào Vĩnh Phú đến Ngã tư Cầu Ông Bó	UBND Tx Thuận An			500			
3	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng ĐT742 đoạn qua thành phố Thủ Dầu Một và thị xã Tân Uyên	UBND Tx Tân Uyên	1	1.930	100		-1.830	-1.830
4	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng ĐT747a đoạn từ Thái Hòa đến Uyên Hưng	UBND Tx Tân Uyên	1	400	100		-300	-300
5	Giải phóng mặt bằng đường Đất Cuốc đi Thới Hòa - An Điền (trùng tuyến đường Vành đai 4)	UBND thị xã Bến Cát	1	1.505	396		-1.109	-1.109
6	Đường vành đai Đông Bắc 2 - Đoạn từ trục chính Đông Tây (khu vực giữa khu dân cư Bình Nguyên và Trường Cao đẳng nghề Đồng An) đến giáp đường Mỹ Phước - Tân Vạn	UBND thị xã Dĩ An	1	1.000	1.000	0	0	0
7	Nâng cấp, mở rộng ĐT748 đoạn từ giáp giao lộ ngã tư Phú Thứ đến vành đai Bắc thị trấn Mỹ Phước	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	5.080	4.200		-880	-880
8	Cải tạo hạ tầng giao thông công cộng tại tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	3.000	328		-2.672	-2.672
9	Nâng cấp đường ĐT746 đoạn từ Cầu Gỗ đến bến đò Hiếu Liêm	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	2.900	2.900	0	0	0
10	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT741B	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	1.220	1.720	500		500
11	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT746 đoạn từ ngã ba Tân Thành đến ngã ba Hội Nghĩa	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	2.260	2.950	690		690
12	Xây dựng tường kè gia cố bờ sông Sài Gòn (đoạn từ cầu Thủ Ngự đến rạch Báy Tra)	UBND Tp.Thủ Dầu Một	1	500	1.780	1.280		1.280
13	Xây dựng đường từ Tân Long - Lai Uyên thuộc tuyến tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng	UBND huyện Bàu Bàng	1	1.500	1.500	0	0	0
14	Xây dựng đường từ ngã ba Tam Lập đến Bàu Bàng thuộc tuyến đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng	UBND huyện Phú Giáo	1	750	127		-623	-623
15	Xây dựng đường từ cầu Tam Lập đến Đồng Phú thuộc tuyến đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng	UBND huyện Phú Giáo	1	750	100		-650	-650
16	Xây dựng hầm chui tại nút giao ngã tư Chợ Đình	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	1	1.000	1.000	0	0	0
17	Xây dựng hầm chui tại nút giao ngã năm Phước Kiển	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	1	1.000	1.000	0	0	0
18	Xây dựng hạ lưu các cống ngang đường ĐT.744 đoạn đi qua địa bàn huyện Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	1		200	200		200
19	Nâng cấp mở rộng đường ĐT.750 (đoạn từ ngã 4 làng 5 đến trung tâm xã Đình Hiệp)	UBND huyện Dầu Tiếng	1		200	200		200
20	Nâng cấp, mở rộng ĐT744 (đoạn từ Km24+460 đến ngã tư Cẩn Cát)	UBND huyện Dầu Tiếng	1		200	200		200
21	Nâng cấp, mở rộng đường vào khu du lịch Lồng Hồ Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	1		200	200		200
22	Nâng cấp mở rộng đường An Bình và kết nối cầu vượt Sóng Thần	UBND thị xã Dĩ An	1		100	100		100
II	SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG		6	97.924	494.293	416.000	-19.631	396.369
23	Dự án giải phóng mặt bằng trục thoát nước Bưng Biệp - Suối Cát, thành phố Thủ Dầu Một	UBND Tp.Thủ Dầu Một	1	2.500	500		-2.000	-2.000
24	Dự án giải phóng mặt bằng trục thoát nước Bưng Biệp - Suối Cát, thị xã Thuận An	UBND thị xã Thuận An	1	23.000	439.000	416.000		416.000



STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Số dự án	Đầu tư công	Đầu tư xã hội	Tổng	Giảm	Chênh lệch
25	Dự án thoát nước và xử lý nước thải khu vực Bến Cát	Ban QLDA chuyên ngành nước thải Bình Dương	1	4.000	4.000	0	0	0
26	Xây dựng suối Bình Thắng (đoạn từ Đại học Quốc gia đến Quốc lộ 1A), phường Bình Thắng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	UBND thị xã Dĩ An	1	100	100	0	0	0
27	Dự án tổng thể bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án Thoát nước và xử lý nước thải khu vực Bến Cát	Ban QLDA chuyên ngành nước thải Bình Dương	1	324	324	0	0	0
28	Dự án bồi thường, hỗ trợ di dời các hộ dân thuộc khu vực có nguy cơ sạt lở ven sông Đồng Nai, huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	68.000	50.369		-17.631	-17.631
III	CÁC KHOẢN CHI KHÁC THEO QUY ĐỊNH		3	52.500	42.175	7.675	-18.000	-10.325
29	Xây dựng khu tái định cư và lập phương án di dời các hộ dân đang sinh sống trong rừng phòng hộ Núi Cậu Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	1	3.500	11.175	7.675		7.675
30	Xóa diện kê dùng chung trên địa bàn huyện Phú Giáo	UBND huyện Phú Giáo	1	48.000	30.000		-18.000	-18.000
31	Xây dựng khu tái định cư An Thạnh	UBND thị xã Thuận An	1	1.000	1.000	0	0	0
IV	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - CẤP, THOÁT NƯỚC		7	8.155	10.032	4.173	-2.296	1.877
32	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước Bình Hòa	Ban QLDA ngành NN và PTNT	1	2.655	2.359		-296	-296
33	Nạo vét, gia cố Suối Cái và các tuyến suối còn lại từ sau cầu Thợ Út 100m đến sông Đồng Nai	Sở Nông nghiệp và PTNT	1	2.000			-2.000	-2.000
34	Đầu tư giải quyết điểm ngập đoạn Ngã Ba Công đường Thích Quảng Đức (từ Ngã Ba Công đến cầu Bà Hên)	Ban QLDA ngành NN và PTNT	1	500	1.000	500		500
35	Xây dựng mới hệ thống thoát nước hạ lưu đường Lê Thị Trung	UBND thị xã Thuận An	1	1.000	1.000	0	0	0
36	Xây dựng hệ thống thoát nước trên ĐT744 đoạn qua xã Phú An, An Tây	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	1	2.000	2.000	0	0	0
37	Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương bảo vệ lưu vực Sông Đồng Nai	Ban QLDA chuyên ngành nước thải Bình Dương	1		2.673	2.673		2.673
38	Dự án nâng công suất nhà máy, đầu tư các tuyến ống nhánh công trình cấp nước tập trung nông thôn xã Bạch Đằng, xã Thanh Hội - thị xã Tân Uyên	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	1		1.000	1.000		1.000
B	HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI		27	31.200	27.795	1.209	-4.614	-3.405
I	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ		5	6.200	5.436	100	-864	-764
39	Dự án: Các công trình Trường Đại học Thủ Dầu Một	Trường Đại học Thủ Dầu Một	1	2.500	2.500	0	0	0
40	Dự án: Cơ sở hạ tầng kỹ thuật, công, tường rào và khuôn viên cây xanh Trường Đại học Thủ Dầu Một	Trường Đại học Thủ Dầu Một	1	2.500	2.500	0	0	0
41	Trường THPT chuyên Hùng Vương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	1.000	136		-864	-864
42	Xây dựng Khu văn phòng và hợp tác quốc tế, đầu tư thiết bị đào tạo cho Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Singapore	Trường CĐN Việt Nam - Singapore	1		100	100		100
43	Trường trung cấp nông lâm nghiệp Bình Dương	Sở LĐT&BXH	1	200	200	0	0	0
II	SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH		6	4.000	3.809	809	-1.000	-191
44	Tăng cường năng lực phân tích kiểm nghiệm của Trung tâm kiểm nghiệm tỉnh thuộc Sở Y tế (giai đoạn 2)	Trung tâm kiểm nghiệm tỉnh	1	1.000			-1.000	-1.000
45	Đầu tư Cơ sở hạ tầng Khu tái định cư thuộc Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước, phường Định Hòa	UBND TP TDM	1	200	859	659		659
46	Hệ thống thu gom nước thải Khu Quy hoạch Định Hòa	Ban QLDA chuyên ngành nước thải Bình Dương	1	1.800	1.800	0	0	0
47	Khởi giáo dục và đào tạo - khởi ký túc xá học viên thân nhân người bệnh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1		100	100		100
48	Bãi đậu xe, công viên cây xanh và hàng rào trạm xử lý nước thải thuộc Khu quy hoạch chi tiết 1/500 Bệnh viện đa khoa 1500 giường và Ban bảo vệ chăm sóc khỏe cán bộ tỉnh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1		50	50		50
49	Nâng cấp cơ sở vật chất Bệnh viện Phục hồi chức năng	Bệnh viện Phục hồi chức năng	1	1.000	1.000	0	0	0
III	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (CÔNG NGHỆ THÔNG TIN)		1	500	500	0	0	0
50	Xây dựng hệ thống phần mềm nền tảng chia sẻ, tích hợp dữ liệu cấp tỉnh phục vụ triển khai Khung kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh giai đoạn 2017-2018	Sở Thông tin Truyền thông	1	500	500	0	0	0
IV	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN		6	11.000	8.250	0	-2.750	-2.750
51	Tôn tạo di tích lịch sử Khảo Cổ Đốc Chùa	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1	2.000	150		-1.850	-1.850
52	Trung tu, tôn tạo di tích Sở Chỉ huy tiền phương chiến dịch Hồ Chí Minh giai đoạn 2 (Dự án 3: Dự án bồi thường, giải tỏa)	UBND huyện Dầu Tiếng	1	6.000	6.000	0	0	0

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Số dự án	Khoản đầu tư (tỷ đồng)	Khoản đầu tư (tỷ đồng)	Giảm	Chênh lệch	
53	Xây dựng tượng đài trung tâm, nhà bia (nội dung văn bia), các hạng mục công trình phục chế, tranh tường, phù điêu Khu Di tích lịch sử Chiến khu Long Nguyên (Tượng đài Trung tâm Khu di tích Chiến khu Long Nguyên)	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1	500	500	0	0	
54	Xây dựng hoàn chỉnh Khu vực văn hóa tưởng niệm Khu di tích Chiến khu Long Nguyên	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	1.000	1.000	0	0	
55	Xây dựng mới thư viện tỉnh	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1	500	100	-400	-400	
56	Dự án Trưng tu, tôn tạo Di tích Sở Chỉ huy tiền phương Chiến dịch Hồ Chí Minh giai đoạn 2 (Dự án 2: Sửa chữa và trưng bày hình ảnh tư liệu hiện vật, tượng đài trung tâm; xây dựng sa bàn, bộ thờ các Anh hùng liệt sĩ; Phục chế nhà làm việc, sinh hoạt, hiện vật gắn liền của ba đồng chí chỉ huy chiến dịch)	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1	1.000	500	-500	-500	
V	KHOA HỌC CÔNG NGHỆ		2	0	200	200	0	200
57	Dự án nâng cao năng lực tạo lập và phát triển nguồn khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Sở Khoa học và Công nghệ	1		100	100		100
58	Dự án nâng cao năng lực kiểm định, thử nghiệm thuộc Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	1		100	100		100
VI	SỰ NGHIỆP THỂ DỤC THỂ THAO		4	8.000	8.000	0	0	0
59	Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương (dự án 2: Nhà luyện tập thể dục thể thao đa năng)	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1	2.000	2.000	0	0	0
60	Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương (dự án 3: Khu dịch vụ)	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1	2.000	2.000	0	0	0
61	Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương (dự án 1: hạ tầng kỹ thuật đường số 1, số 2, trục đường cảnh quan, sân bãi; Nhà thường trực (3 nhà))	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1	2.000	2.000	0	0	0
62	Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương (dự án 4: Nhà luyện tập các môn võ thuật, nhà luyện tập các môn khác)	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1	2.000	2.000	0	0	0
VII	CÁC KHOẢN CHI KHÁC THEO QUY ĐỊNH		3	1.500	1.600	100	0	100
63	Xây dựng đường vào Khu di tích lịch sử Sở chỉ huy tiền phương chiến dịch Hồ Chí Minh	UBND huyện DT	1	1.000	1.000	0	0	0
64	Trang thiết bị nội thất cho Trung tâm hoạt động Công đoàn tỉnh BD	Liên đoàn lao động tỉnh	1		100	100		100
65	Xây dựng hàng rào Rừng Kiến An	UBND huyện DT	1	500	500	0	0	0
C	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC QPAN		22	64.520	25.059	18.349	-57.810	-39.461
I	HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC		3	50.715	4.106	1.301	-47.910	-46.609
66	Trung tâm hành chính huyện Bàu Bàng	UBND huyện Bàu Bàng		7.500		-7.500	-7.500	
67	Trung tâm hành chính huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	8.048	1.500	-6.548	-6.548	
68	Khu hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ Trung tâm hành chính tỉnh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	305	1.606	1.301		1.301
69	Xây dựng Kho lưu trữ Tỉnh ủy.	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	1.100	1.000	-100	-100	
70	Đầu tư Trung tâm điều hành Thành phố thông minh tỉnh Bình Dương giai đoạn I	Sở Thông tin Truyền thông		33.762		-33.762	-33.762	
II	QUỐC PHÒNG, AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI (QUỐC PHÒNG)		1	305	17.353	17.048	0	17.048
71	Bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng khu Căn cứ Hậu cần kỹ thuật tại huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	305	17.353	17.048		17.048
III	QUỐC PHÒNG, AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI (AN NINH)		5	7.000	1.000	0	-6.000	-6.000
72	Triển khai hệ thống camera quan sát an ninh trong thành phố mới Bình Dương và Công thông tin điện tử Công an tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	1	5.000	500	-4.500	-4.500	
73	Hệ thống kiểm soát an ninh các Cơ sở giam giữ	Công an tỉnh	1	500	500	0	0	0
74	Hệ thống ghi âm, ghi hình Nhà hỏi cung các cơ sở giam giữ	Công an tỉnh	1	500		-500	-500	
75	Hệ thống xử lý nước thải các cơ sở giam giữ Công an tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	1	500	0	-500	-500	
76	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ Công an thị xã Tân Uyên	Công an tỉnh	1	500	0	-500	-500	
IV	QUỐC PHÒNG, AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI (PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY)		13	6.500	2.600	0	-3.900	-3.900
77	Xây dựng Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH trên sông	Công an tỉnh	1	500	100	-400	-400	
78	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tân Vĩnh Hiệp	Công an tỉnh	1	500	0	-500	-500	
79	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tam Lập	Công an tỉnh	1	500	0	-500	-500	
80	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tân Thành	Công an tỉnh	1	500	0	-500	-500	
81	Mua sắm trang thiết bị, phương tiện chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho Đội Cảnh sát PCCC&CNCH trên sông	Công an tỉnh	1	500	500	0	0	0
82	Mua sắm trang thiết bị phục vụ ứng cứu sự cố cháy nổ giai đoạn 2	Công an tỉnh	1	500	500	0	0	0
83	Mua sắm trang thiết bị, phương tiện chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tân Vĩnh Hiệp	Công an tỉnh	1	500	0	-500	-500	



STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020 (QĐ 3855/QĐ-UBND và QĐ 700/QĐ-UBND) của UBND tỉnh	Đầu tư công	Đầu tư tư nhân	Giảm	Chênh lệch
84	Mua sắm trang thiết bị, phương tiện chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tam Lập	Công an tỉnh	1	500	0		-500	-500
85	Đầu tư xây dựng hệ thống thông tin vô tuyến bộ đàm kỹ thuật số UHF phục vụ công tác PCCC và CNCH tỉnh Bình Dương.	Công an tỉnh	1	500	500	0	0	0
86	Xây dựng trung tâm giám sát điều hành Camera CAT và Hệ thống camera giám sát cháy, GSAN, vi phạm trật tự ATGT trên địa bàn tỉnh BD	Công an tỉnh	1	500	500	0	0	0
87	Ứng dụng CNTT phục vụ công tác PCCC&CNCH trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	1	500	500	0	0	0
88	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Hiệp An	Công an tỉnh	1	500	0		-500	-500
89	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Thanh Phước	Công an tỉnh	1	500	0		-500	-500

Phụ lục IV
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ 2017-2020 AN
VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG - THỰC HIỆN AN
 (Kèm theo Báo cáo số 46/BC-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2017
 của UBND tỉnh)



Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 2020	Tăng	Giảm	Chênh lệch
	TỔNG SỐ (A+B+C)		130	6.295.617	6.554.364	1.187.330	-928.583	258.747
A	HẠ TẦNG KINH TẾ		48	3.643.020	3.685.481	517.845	-475.384	42.461
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)		32	2.847.420	2.742.407	328.721	-433.734	-105.013
	Công trình Thiết kế BVTC-TDT		7	772.572	597.152	67.580	-243.000	-175.420
1	Đường trục chính Đông Tây - Đoạn từ Quốc lộ 1A (bến xe Miền Đông mới) đến giáp Quốc lộ 1K	UBND thị xã Dĩ An	1	40.042	40.042		0	0
2	Xây dựng Bờ kè chống sạt lở sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Tre đến Thị ủy thị xã Tân Uyên - Giai đoạn 2	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	143.000	185.000	42.000		42.000
3	Xây dựng cầu bắc qua sông Đồng Nai (Cầu Bạch Đằng 2) - Dự án 2: Xây dựng cầu vượt sông Đồng Nai	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	220.000	71.000		-149.000	-149.000
4	Xây dựng Cầu Đò mới qua sông Thị Tính	UBND thị xã Bến Cát	1	27.400	27.400	0	0	0
5	Đầu tư và hạ, cây xanh, chiếu sáng, thoát nước đường Huỳnh Văn Lũy	UBND Tp.Thủ Dầu Một	1	98.375	121.710	23.335		23.335
6	Xây dựng đường và cầu Vàm Tư	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	43.755	46.000	2.245		2.245
7	Xây dựng đường và cầu kết nối tỉnh Bình Dương và tỉnh Tây Ninh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	200.000	106.000		-94.000	-94.000
	Công trình khởi công mới		6	693.860	572.201	47.001	-168.660	-121.659
8	Xây dựng đường Thủ Biên - Đất Cuốc với quy mô 4 làn xe (GD 1)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	131.660	113.000		-18.660	-18.660
9	Đầu tư xây dựng các tuyến đường nhánh và cơ sở hạ tầng phụ trợ trong Khu trung tâm hành chính và tái định cư huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	45.000	45.000	0	0	0
10	Xây dựng đường N8-N10 (từ đường Lê Hồng Phong đến đường Nguyễn Thị Minh Khai)	UBND Tp.Thủ Dầu Một	1	57.570	57.669	99		99
11	Xây dựng đường nội bộ Tiểu đoàn 2 - Trung đoàn cảnh sát cơ động 25, xã Phú An, thị xã Bến Cát	UBND thị xã Bến Cát	1	8.630	10.032	1.402		1.402
12	Xây dựng cầu bắc qua sông Đồng Nai (Cầu Bạch Đằng 2) - Dự án 1: Xây dựng đường dẫn vào cầu phía Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	51.000	96.500	45.500		45.500
13	Xây dựng đường từ Tân Thành đến cầu Tam Lập (xã Tân Định) thuộc tuyến đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	400.000	250.000		-150.000	-150.000
	Công trình chuyển tiếp		8	826.203	958.948	153.500	-20.755	132.745
14	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã tư Bình Chuẩn đến ngã ba giao với tuyến đường dài liệt sỹ Tân Phước Khánh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	315.823	315.823	0	0	0
15	Đường trục chính trung tâm hành chính và hạ tầng khu tái định cư huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	34.000	34.000	0	0	0
16	Đường Bạch Đằng nối dài, phường Phú Cường	UBND Thành phố Thủ Dầu Một	1	116.755	98.000		-18.755	-18.755
17	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài về hướng khu công nghiệp Mỹ Phước II và III	UBND thị xã Bến Cát	1		36.000	36.000		36.000
18	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT747B đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Công Xanh	UBND thị xã Tân Uyên	1		500	500		500
19	Đường ĐT744 đoạn từ Km12+000 đến Km32+000	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	25.000	23.000		-2.000	-2.000
20	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT747a đoạn từ dốc Bà Nghĩa (ranch thị trấn Uyên Hưng) đến ngã ba Công Xanh (giáp đường ĐT741), huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	23.000	140.000	117.000		117.000
21	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT743 (đoạn từ ngã tư Miếu Ông Cù đến nút giao Sông Thần)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	311.625	311.625	0	0	0
	Công trình thanh toán khối lượng		7	553.565	588.540	36.075	-1.100	34.975
22	Hệ thống thoát nước trên đường ĐT 744 tại 03 vị trí cấp bách (Km23+733, Km25+399, Km31+508) huyện Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	1	1.125	25		-1.100	-1.100
23	Giải phóng mặt bằng đường tạo lực Mỹ Phước - Bàu Bàng (đoạn từ đường 7B đến Khu Công nghiệp Bàu Bàng)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	2.000	12.975	10.975		10.975
24	Bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư công trình đường Mỹ Phước - Tân Vạn	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	500	500	0	0	0
25	Giải phóng mặt bằng đường Thủ Biên - Đất Cuốc	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	2.000	14.100	12.100		12.100

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020	Đầu tư công 2020	Đầu tư công 2020	Giảm	Chênh lệch
26	Xây dựng đường từ ngã ba Mười Muộn đi ngã ba Tân Thành, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	30.000	30.000	0	0	12.000
27	Giải phóng mặt bằng công trình đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng, dự án trung tâm hành chính huyện Bàu Bàng, huyện Bắc Tân Uyên	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	511.940	511.940	0	0	0
28	Xây dựng đường ven sông Sài Gòn đoạn từ rạch Bình Nhâm đến đường Châu Văn Tiếp, thị xã Thuận An, Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	6.000	7.000	1.000		1.000
	Công trình quyết toán		4	1.220	25.566	24.565	-219	24.346
29	Giao lộ ngã tư Phú Thứ Bến Cát	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	200	5.165	4.965		4.965
30	Xây dựng cầu Phú Long, hạng mục: Đường dẫn vào cầu	UBND thị xã Thuận An	1	1.020	801		-219	-219
31	Đường vào Trung tâm Chính trị - Hành chính tập trung tỉnh Bình Dương	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1		12.113	12.113		12.113
32	Xây dựng đường ven sông Sài Gòn - giai đoạn I (Đoạn từ ngã ba Cây Dầu đường Bùi Quốc Khánh - Nguyễn Tri Phương đến cầu Thủ Ngự), phường Chánh Nghĩa	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1		7.487	7.487		7.487
II	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (NÔNG NGHIỆP - PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN)		1	48.300	37.975	0	-10.325	-10.325
	Công trình khởi công mới		1	48.300	37.975	0	-10.325	-10.325
33	Trạm chẩn đoán xét nghiệm và Điều trị bệnh động vật tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ngành NN và PTNT	1	48.300	37.975		-10.325	-10.325
III	SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG		8	324.618	439.840	141.697	-26.475	115.222
	Công trình lập TKBVTC-DT		1	1.700	16.700	15.000	0	15.000
34	Xây dựng kè chống sạt lở cù lao Rùa (Vị trí cù Rùa)	UBND thị xã Tân Uyên	1	1.700	16.700	15.000		15.000
	Công trình khởi công mới		4	168.615	142.140	0	-26.475	-26.475
35	Mở rộng tuyến ống cấp nước sạch trên địa bàn xã Minh Hòa, xã Minh Tân, xã Định An, huyện Dầu Tiếng	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	1	2.265	1.670		-595	-595
36	Mở rộng tuyến ống cấp nước sạch trên địa bàn xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	1	1.125	763		-362	-362
37	Đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc giám sát tự động trực tuyến tại các trạm cấp nước tập trung	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	1	29.700	29.500		-200	-200
38	Xây dựng công kiểm soát triều rạch Bình Nhâm	Ban QLDA ngành NN và PTNT	1	135.525	110.207		-25.318	-25.318
	Công trình chuyển tiếp		3	154.303	281.000	126.697	0	126.697
39	Đền bù mở rộng suối Lò Ô thuộc dự án Thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An	UBND Tx. Dĩ An	1	34.303	138.000	103.697		103.697
40	Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương giai đoạn II	Ban Quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương	1	70.000	70.000		0	0
41	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An	Ban Quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương	1	50.000	73.000	23.000		23.000
IV	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - CẤP, THOÁT NƯỚC		7	422.682	465.259	47.427	-4.850	42.577
	Công trình chuyển tiếp		2	248.035	287.914	39.879	0	39.879
42	Hệ thống thoát nước bên ngoài các khu công nghiệp An Tây, Mai Trung, Việt Hương 2	Ban Quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương	1	26.035	65.914	39.879		39.879
43	Hệ thống thoát nước Dĩ An - KCN Tân Đông Hiệp	Ban QLDA ngành NN và PTNT	1	222.000	222.000	0	0	0
	Công trình thanh toán khối lượng		3	159.747	161.145	6.248	-4.850	1.398
44	Trục thoát nước Chòm Sao - Suối Đờn	Ban QLDA ngành NN và PTNT	1	12.897	19.145	6.248		6.248
45	Trục thoát nước Suối Giữa, thành phố Thủ Dầu Một	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	1.000	1.000	0	0	0
46	Trục thoát nước Bung Biệp - Suối Cát	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	145.850	141.000		-4.850	-4.850
	Công trình quyết toán		2	14.900	16.200	1.300	0	1.300
47	Nạo vét suối chợ Tân Phước Khánh	Ban Quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương	1	14.900	15.900	1.000		1.000
48	Xây dựng trạm thủy văn trên sông Sài Gòn (Trạm thủy văn cầu Vĩnh Bình - Sài Gòn)	Sở Tài nguyên và Môi trường	1		300	300		300
B	HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI		55	2.133.124	2.214.534	480.751	-399.341	81.410
I	SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH		18	1.611.339	1.664.555	435.823	-382.607	53.216
	Công trình khởi công mới		3	730.592	381.000	16.000	-365.592	-349.592
49	Cải tạo, sửa chữa khu mổ, X quang, khoa nhi, nhánh A, nhánh B của Bệnh viện đa khoa tỉnh.	Bệnh viện đa khoa tỉnh	1	30.592	15.000		-15.592	-15.592
50	Tăng cường năng lực phân tích kiểm nghiệm của Trung tâm kiểm nghiệm tỉnh thuộc Sở Y tế (giai đoạn 2)	Trung tâm kiểm nghiệm tỉnh	1		16.000	16.000		16.000

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Số dự án	Kế hoạch đầu tư năm 2015	Kế hoạch đầu tư năm 2016	Giảm	Chênh lệch
51	Thiết bị Bệnh viện đa khoa 1500 giường	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	900.000	900.000	-350.000	-350.000
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		7	861.669	1.234.632	389.027	373.012
52	Trung tâm y tế huyện Bàu Bàng - quy mô 100 giường bệnh	UBND huyện Bàu Bàng	1	50.000	50.000	0	0
53	Bệnh viện đa khoa thị xã Tân Uyên quy mô 200 giường (định hướng 400 giường)	UBND TX Tân Uyên	1	70.000	55.000	-15.000	-15.000
54	Hạ tầng kỹ thuật tổng thể (thuộc Khu quy hoạch chi tiết 1/500 Bệnh viện Đa khoa 1500 giường và Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	31.951	48.600	16.649	16.649
55	Dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của nhà nước	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	1.700	685	-1.015	-1.015
56	Bệnh viện đa khoa 1.500 giường (Vốn NS tỉnh tập trung)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	547.369	702.706	155.337	155.337
57	Xây dựng khối kỹ thuật trung tâm và nhà quản (thuộc khu quy hoạch chi tiết 1/500 bệnh viện đa khoa 1500 giường và ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	105.850	322.891	217.041	217.041
58	Trạm xử lý nước thải cho các bệnh viện thuộc khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của nhà nước	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	54.793	54.793	0	0
	<i>Công trình quyết toán</i>		8	19.084	48.880	30.796	29.796
59	Bệnh viện chuyên khoa Lao và bệnh phổi tỉnh Bình Dương (giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	225	405	180	180
60	Cải tạo, sửa chữa Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng	Bệnh viện Điều dưỡng phục hồi chức năng	1	27	27	0	0
61	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện chuyên khoa Tâm thần và bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	1.000	0	-1.000	-1.000
62	Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ Bệnh viện chuyên khoa Lao, Tâm thần và khu tái định cư	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	500	750	250	250
63	Trang thiết bị y tế cho Bệnh viện đa khoa tỉnh	Bệnh viện đa khoa tỉnh	1	400	400	0	0
64	Dự án: Mua sắm trang bị máy móc thiết bị cho phòng labo xét nghiệm Huyết học và Hóa sinh - Bệnh viện đa khoa tỉnh	Bệnh viện đa khoa tỉnh	1	750	750	0	0
65	Thiết bị bệnh viện chuyên khoa tâm thần	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1		353	353	353
66	Các trục giao thông chính thuộc Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của Nhà nước	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	16.182	46.195	30.013	30.013
II SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ			4	798	798	0	0
	<i>Công trình quyết toán</i>		4	798	798	0	0
67	Dự án: Đầu tư nghề trọng điểm GD 2011-2015 nghề điện dân dụng - cấp độ quốc gia.	Trường CĐ Việt Nam - Hàn Quốc	1	270	270	0	0
68	Đầu tư trang thiết bị Trường Cao đẳng Y tế	Trường Cao đẳng Y tế	1	448	448	0	0
69	Sửa chữa Nhà thi đấu đa năng Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Singapore	Trường CDN Việt Nam - Singapore	1	30	30	0	0
70	Đầu tư nghề trọng điểm giai đoạn 2011-2015 - nghề người sửa chữa máy công cụ cấp độ quốc gia - Trường cao đẳng nghề Việt Nam - Singapore	Trường CDN Việt Nam - Singapore	1	50	50	0	0
III CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (CÔNG NGHỆ THÔNG TIN)			7	21.482	37.132	15.650	15.650
	<i>Công trình khởi công mới</i>		1	20.250	35.500	15.250	15.250
71	Đầu tư trang thiết bị phục vụ cho phòng thí nghiệm, thực hành và nghiên cứu ở Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Điện - Điện tử thuộc Trường Đại học Thủ Dầu Một	Trường Đại học Thủ Dầu Một	1	20.250	35.500	15.250	15.250
	<i>Công trình quyết toán</i>		6	1.232	1.632	400	400
72	Đầu tư cho Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông đổi mới hoạt động dịch vụ, tư vấn phát triển công nghệ thông tin và đảm nhiệm vai trò trung tâm dữ liệu dự phòng	Sở Thông tin truyền thông	1	40	40	0	0
73	Ứng dụng CNTT tại bệnh viện đa khoa tỉnh giai đoạn 2	Bệnh viện đa khoa tỉnh	1	100	100	0	0
74	Xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp tỉnh Bình Dương	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1	330	330	0	0
75	Xây dựng hệ thống thông tin địa lý và các phần mềm chuyên ngành xây dựng giai đoạn 2	Sở Xây dựng	1	292	292	0	0
76	Đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin Tòa nhà trung tâm hành chính	Sở Thông tin truyền thông	1	30	30	0	0
77	Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương	Sở Tài nguyên và Môi trường	1	440	840	400	400
IV SỰ NGHIỆP PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH			5	158.169	175.075	17.906	16.906
	<i>Công trình khởi công mới</i>		1	50.000	49.000	0	-1.000
78	Xe truyền hình lưu động 6 camera HD	Đài Phát thanh truyền hình	1	50.000	49.000	-1.000	-1.000
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		2	105.894	123.643	17.749	17.749

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Số dự án	Kế hoạch đầu tư năm 2020	Kế hoạch đầu tư năm 2020 hoặc trước	Tăng	Giảm	Chênh lệch
79	Đầu tư thiết bị sản xuất chương trình phát thanh truyền hình Trường quay - Nhà bá âm	Đài Phát thanh truyền hình	1			372		372
80	Trụ sở làm việc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bình Dương	Đài Phát thanh truyền hình	1	92.000	69.471	17.377		17.377
	<i>Công trình quyết toán</i>		2	2.275	2.432	157		157
81	Trường quay- nhà bá âm FM Đài phát thanh truyền hình Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	2.275	2.400	125		125
82	Đầu tư trang thiết bị phục vụ Báo Bình Dương điện tử giai đoạn 3	Báo Bình Dương	1		32	32		32
VI	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN		16	241.095	237.544	11.372	-14.923	-3.551
	<i>Công trình khởi công mới</i>		4	81.208	91.711	10.503	0	10.503
83	Trung tâm Văn hóa công nhân lao động thị xã Bến Cát	Liên đoàn lao động tỉnh	1	38.490	38.490	0	0	0
84	Trung bày mỹ thuật khu tưởng niệm Chiến khu D	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1	20.000	22.000	2.000		2.000
85	Nâng cấp cơ sở vật chất Bảo tàng tỉnh Bình Dương	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1	15.497	24.000	8.503		8.503
86	Dự án Trưng tu, tôn tạo Di tích Sở Chỉ huy tiền phương Chiến dịch Hồ Chí Minh giai đoạn 2 (Dự án 1: Xây dựng hạ tầng toàn khu)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	7.221	7.221	0	0	0
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		3	151.151	140.492	0	-10.659	-10.659
87	Khu trung tâm và hạ tầng kỹ thuật tổng thể Khu tưởng niệm chiến khu D	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	145.151	134.492		-10.659	-10.659
88	Trưng tu tôn tạo di tích Nhà tù Phú Lợi	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1	5.000	5.000	0	0	0
89	Trung bày mỹ thuật khu Di tích lịch sử Rừng Kiến An	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1	1.000	1.000	0	0	0
	<i>Công trình quyết toán</i>		9	8.736	5.341	869	-4.264	-3.395
90	Trung tâm văn hóa thể thao công nhân lao động tỉnh Bình Dương	Liên đoàn Lao động tỉnh	1	3.264	0		-3.264	-3.264
91	Cổng chào tỉnh Bình Dương	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1	1.000			-1.000	-1.000
92	Đoàn Văn Công tỉnh Bình Dương	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1	211	261	50		50
93	Tượng đài chiến thắng Phước Thành	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1		172	172		172
94	Khu Trung tâm quần thể tượng đài thuộc khu Di tích lịch sử địa đạo Tam Giác Sắt	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1	1.499	1.499	0	0	0
95	Trưng tu, tôn tạo di tích lịch sử Đình Phú Long	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1		647	647		647
96	Cải Tạo, nâng cấp và xây dựng mới một số hạng mục của Nhà thiếu nhi (Giai đoạn 1)	Tỉnh đoàn	1	839	839	0	0	0
97	Cải Tạo, nâng cấp và xây dựng mới một số hạng mục của Nhà thiếu nhi (Giai đoạn 2)	Tỉnh đoàn	1	286	286	0	0	0
98	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới một số hạng mục Nhà thiếu nhi tỉnh Bình Dương (giai đoạn 3)	Tỉnh đoàn	1	1.637	1.637	0	0	0
VII	SỰ NGHIỆP THỂ DỤC THỂ THAO		1	1.000	1.000	0	0	0
	<i>Công trình quyết toán</i>		1	1.000	1.000	0	0	0
99	Nhà thi đấu đa năng tỉnh Bình Dương	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1	1.000	1.000	0	0	0
VIII	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI		4	99.241	98.430	0	-811	-811
	<i>Công trình khởi công mới</i>		1	93.000	93.000	0	0	0
100	Mở rộng Trung tâm Giáo dục Lao động - Tạo việc làm tỉnh Bình Dương; (CCTL: 93.000trđ)	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	1	93.000	93.000	0	0	0
	<i>Công trình quyết toán</i>		3	6.241	5.430	0	-811	-811
101	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang liệt sĩ giai đoạn 2	Sở LĐTBXH	1	4.517	4.517	0	0	0
102	Trung hỗ trợ Thanh niên công nhân và Lao động trẻ tỉnh Bình Dương	Tỉnh đoàn	1	1.298	487		-811	-811
103	Trung tâm nuôi dưỡng người già tàn tật cô đơn. Hạng mục: Phát sinh hệ thống Phòng cháy chữa cháy	Sở LĐTBXH	1	426	426	0	0	0
C	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - QPAN		27	519.473	654.349	188.734	-53.858	134.876
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT		5	278.602	380.029	136.381	-34.954	101.427
	<i>Công trình khởi công mới</i>		5	278.602	380.029	136.381	-34.954	101.427
104	Cải tạo tầng P1 và hệ thống chữa cháy tại Tòa nhà Trung tâm Hành chính	Sở Nội vụ	1	29.000	29.071	71		71
105	Đầu tư Trung tâm điều hành Thành phố thông minh tỉnh Bình Dương giai đoạn 1	Sở Thông tin truyền thông	1		33.762	33.762		33.762
106	Trung tâm lưu trữ tập trung tỉnh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	150.952	154.000	3.048		3.048
107	Kho lưu trữ Sở Tài nguyên và Môi trường	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	98.650	63.696		-34.954	-34.954
108	Trung tâm hành chính huyện Bàu Bàng	UBND huyện Bàu Bàng	1		99.500	99.500		99.500

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020	70.509	Giảm	Chênh lệch	
II	QUỐC PHÒNG, AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI (QUỐC PHÒNG)		5	42.700	70.509	0	27.809	
	Công trình khởi công mới		1	7.000	7.000	0	7.000	
109	Xây dựng nhà ăn cơ quan Bộ Chỉ huy quân sự	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	1	7.000	14.000	7.000	7.000	
	Công trình chuyển tiếp		4	35.700	56.509	20.809	20.809	
110	Xây dựng Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh thuộc Trường Quân sự địa phương	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	1	30.000	47.819	17.819	17.819	
111	Ứng dụng CNTT trong thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng của Lực lượng vũ trang tỉnh Bình Dương	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	1	100	100	0	0	
112	Xây dựng các hạng mục phục vụ sinh hoạt và làm việc cho Doanh trại Ban Chỉ huy quân sự huyện Bàu Bàng	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	1	1.400	3.625	2.225	2.225	
113	Xây dựng các hạng mục phục vụ sinh hoạt và làm việc cho Doanh trại Ban Chỉ huy quân sự huyện Bắc Tân Uyên	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	1	4.200	4.965	765	765	
III	QUỐC PHÒNG, AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI (AN NINH)		13	193.896	199.024	23.661	-18.533	5.128
	Công trình khởi công mới		4	146.901	137.794	8.983	-18.090	-9.107
114	Dự án Thiết bị nội thất Nhà làm việc chính Công an tỉnh.	Công an tỉnh	1	43.000	43.000	0	0	0
115	Cơ sở làm việc Công an thành phố Thủ Dầu Một	Công an tỉnh	1	87.870	69.780		-18.090	-18.090
116	Xây dựng văn phòng điện tử tại Công an tỉnh và công an các huyện, thị xã, thành phố	Công an tỉnh	1	4.250	4.427	177		177
117	Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến	Công an tỉnh	1	11.781	20.587	8.806		8.806
	Công trình chuyển tiếp		4	44.795	56.800	12.335	-330	12.005
118	Bờ kè chống sạt lở Trại tạm giam và Trung tâm Huấn luyện Công an tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	1	3.630	3.300		-330	-330
119	Cơ sở làm việc Công an huyện Bắc Tân Uyên thuộc Công an tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	1	1.000	1.000	0	0	0
120	Nhà làm việc chính Công an tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	1	3.000	9.000	6.000		6.000
121	Nhà khách công vụ công an tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	1	37.165	43.500	6.335		6.335
	Công trình quyết toán		5	2.200	4.430	2.343	-113	2.230
122	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ của Công an Thị xã Bến Cát	Công an tỉnh	1	500	500	0	0	0
123	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ của Công an Thành phố Thủ Dầu Một	Công an tỉnh	1	500	387		-113	-113
124	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ của Công an Thị xã Thuận An	Công an tỉnh	1	500	2.700	2.200		2.200
125	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ của Công an huyện Dầu Tiếng	Công an tỉnh	1	500	643	143		143
126	Trường bắn súng ngắn kết hợp Hội trường 500 chỗ	Công an tỉnh	1	200	200	0	0	0
IV	QUỐC PHÒNG, AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI (PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY)		4	4.275	4.787	883	-371	512
	Công trình quyết toán		4	4.275	4.787	883	-371	512
127	Xây dựng trụ sở các đội Cảnh sát PC&CC khu vực: Phường Bình Thang - Thị xã Dĩ An; KCN VSIP 2 - xã Vĩnh Tân - Thị xã Tân Uyên; KCN Đất Cuốc - Xã Đất Cuốc - huyện Bắc Tân Uyên; Xã Phước Hoà - huyện Phú Giáo; Thị trấn Dầu Tiếng - huyện Dầu Tiếng	Công an tỉnh	1	3.500	3.129		-371	-371
128	Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác ứng cứu sự cố cháy nổ	Công an tỉnh	1	775	798	23		23
129	Trụ sở làm việc Công an Phường Chánh Phú Hòa	Công an tỉnh	1		666	666		666
130	Xây dựng Đội cảnh sát PCCC khu vực thuộc Phòng Cảnh sát PC&CC số 1 (Phường Phú Mỹ - Tp Thủ Dầu Một)	Công an tỉnh	1		194	194		194

Phụ lục V

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020 LẦN 2
NGUỒN VỐN XỔ SỞ KIẾN THIẾT

 (Kèm theo Báo cáo số 14/GBC-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2020
 của UBND tỉnh)


Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 2020 lần 2	Tăng	Giảm
	TỔNG SỐ		123	1.578.028	1.578.028	244.431	-244.431
	<i>Khối tỉnh</i>		4	127.751	134.358	17.537	-10.930
	<i>Khối huyện</i>		119	1.450.277	1.443.670	226.894	-233.501
A	SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH		6	119.092	155.799	47.637	-10.930
I	Khối tỉnh		3	106.751	113.358	17.537	-10.930
	THỰC HIỆN DỰ ÁN		3	106.751	113.358	17.537	-10.930
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		1	93.213	85.280	0	-7.933
1	Bệnh viện đa khoa 1.500 giường (Vốn XSKT)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	93.213	85.280		-7.933
	<i>Công trình quyết toán</i>		2	13.538	28.078	17.537	-2.997
2	Khu điều trị 300 giường (Khoa sản) thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	3.367	370		-2.997
3	Đầu tư Thiết bị khoa sản 300 giường Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	10.171	27.708	17.537	
II	Khối huyện thị		3	12.341	42.441	30.100	0
II.2	HUYỆN BÀU BÀNG		1	10.291	40.291	30.000	0
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		1	10.291	40.291	30.000	0
4	Trung tâm y tế huyện Bầu Bàng - quy mô 100 giường bệnh - Nguồn XSKT	UBND huyện Bầu Bàng	1	10.291	40.291	30.000	
II.3	HUYỆN PHÚ GIÁO		1	2.050	2.050	0	0
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		1	2.050	2.050	0	0
5	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế huyện Phú Giáo (quy mô 120 giường bệnh)	UBND huyện Phú Giáo	1	2.050	2.050	0	0
III.4	HUYỆN DẦU TIẾNG		1	0	100	100	0
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		1	0	100	100	0
6	Nâng cấp trung tâm y tế huyện Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	1		100	100	
B	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ		117	1.458.936	1.422.229	196.794	-233.501
I	Khối tỉnh		1	21.000	21.000	0	0
	THỰC HIỆN DỰ ÁN		1	21.000	21.000	0	0
	<i>Công trình khởi công mới</i>		1	21.000	21.000	0	0
7	Nâng cấp, mở rộng trường Trung cấp Kinh tế Bình Dương	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1	21.000	21.000	0	0
II	Khối huyện thị		116	1.437.936	1.401.229	196.794	-233.501
II.1	TP.THỦ DẦU MỘT		19	251.442	300.848	91.181	-41.775
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		7	3.500	3.872	600	-228
8	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học cơ sở Hòa Phú	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	3.500	3.272		-228
9	Nhà thi đấu đa năng Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh Bình Dương	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1		100	100	
10	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường THCS Đinh Hòa	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1		100	100	
11	Xây dựng mới bổ sung Trường THCS Tương Bình Hiệp	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1		100	100	
12	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1		100	100	
13	Xây dựng mới bổ sung Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1		100	100	
14	Nâng cấp cải tạo Trường THCS Chánh Nghĩa	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1		100	100	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN	1	12	247.942	296.976	90.581	-41.547

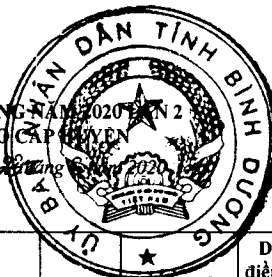
STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020	Dự kiến điều chỉnh kế hoạch đầu tư công 2020 lần 2	Giảm	
	Công trình khởi công mới		6	94.461	87.339	-117	
15	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học phổ thông Bình Phú	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	20.000	20.000		
16	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học phổ thông An Mỹ	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	20.000	30.000		
17	Trường tiểu học Định Hòa 2	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	20.000	45.000	25.000	
18	Trường Mầm non Hòa Mi	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	10.000	18.000	8.000	
19	Cải tạo nhà đa năng, đường nội bộ, phòng học cũ Trường trung học phổ thông Võ Minh Đức	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	11.761	15.000	3.239	
20	Xây dựng mới bổ sung nhà thi đấu thể dục thể thao Trường trung học phổ thông chuyên Hùng Vương	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	12.700	12.583	-117	
	Công trình chuyển tiếp		2	148.000	106.570	0	-41.430
21	Trường Tiểu học Phú Lợi 2	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	58.000	37.563		-20.437
22	Trường Trung học cơ sở Phú Hòa 2	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	90.000	69.007		-20.993
	Công trình quyết toán		4	5.481	8.823	3.342	0
23	Trường trung học cơ sở Trần Bình Trọng	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	2.000	2.000	0	0
24	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Minh Khai	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	518	1.926	1.408	
25	Trường Tiểu học Chánh Nghĩa	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	2.000	2.432	432	
26	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	963	2.465	1.502	
II.2	TX. THUẬN AN		17	262.045	261.993	13.837	-13.889
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		7	1.000	1.926	926	0
27	Trường Tiểu học An Phú 2	UBND Tx. Thuận An	1	1.000	1.000	0	0
28	Xây dựng mới bổ sung Trường Trung học cơ sở Bình Chuẩn	UBND Tx. Thuận An	1		176	176	
29	Cải tạo xây dựng bổ sung Trường Trung học phổ thông Trịnh Hoài Đức	UBND Tx. Thuận An	1		150	150	
30	Cải tạo nâng cấp mở rộng Trường THCS Nguyễn Trung Trực	UBND Tx. Thuận An	1		150	150	
31	Cải tạo nâng cấp mở rộng Trường THCS Nguyễn Trường Tộ	UBND Tx. Thuận An	1		150	150	
32	Trường tiểu học Lái Thiêu 2	UBND Tx. Thuận An	1		150	150	
33	Trường MN Hoa Cúc 2	UBND Tx. Thuận An	1		150	150	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN		10	261.045	260.067	12.911	-13.889
	Công trình khởi công mới		3	84.291	92.290	7.999	0
34	Trường TH Bình Chuẩn 2	UBND Tx. Thuận An	1	25.291	33.290	7.999	
35	Trường Mầm non Hoa Mai 2	UBND Tx. Thuận An	1	35.000	35.000	0	0
36	Trường TH An Phú 3	UBND Tx. Thuận An	1	24.000	24.000	0	0
	Công trình chuyển tiếp		3	166.088	164.000	4.912	-7.000
37	Trường Tiểu học An Thạnh	UBND Tx. Thuận An	1	45.000	38.000		-7.000
38	Trường Trung học cơ sở Bình Chuẩn	UBND Tx. Thuận An	1	45.462	46.000	538	
39	Trường Trung học phổ thông Lý Thái Tổ	UBND Tx. Thuận An	1	75.626	80.000	4.374	
	Công trình quyết toán		4	10.666	3.777	0	-6.889
40	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trung Trực	UBND Tx. Thuận An	1	4.000	1.000		-3.000
41	Trường Tiểu học Tuy An	UBND Tx. Thuận An	1	4.804	915		-3.889
42	Mở rộng trường Trung học cơ sở Nguyễn Thái Bình	UBND Tx. Thuận An	1	1.362	1.362	0	0
43	Mở rộng trường Trung học cơ sở Trịnh Hoài Đức	UBND Tx. Thuận An	1	500	500	0	0
II.3	TX. DĨ AN		15	307.277	218.080	16.840	-106.037
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		6	8.916	5.267	15	-3.664
44	Trường THCS Tân Đông Hiệp B	UBND Tx. Dĩ An	1	2.900	960		-1.940
45	Trường TH Tân Bình B	UBND Tx. Dĩ An	1	3.116	2.242		-874
46	Trường TH Châu Thới	UBND Tx. Dĩ An	1	2.900	2.050		-850
47	Trường trung học cơ sở Bình Thắng	UBND Tx. Dĩ An	1		5	5	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020	Dự kiến đầu tư công 2020	Giảm
48	Xây dựng bổ sung Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	UBND Tx. Dĩ An	1		5	
49	Trường tiểu học Nguyễn Khuyến - giai đoạn 2	UBND Tx. Dĩ An	1		5	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN		9	298.361	16.825	-102.373
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		7	284.641	206.900	-94.566
50	Trường Trung học cơ sở Đông Chiêu	UBND Tx. Dĩ An	1	56.009	0	-56.009
51	Mở rộng trường Trung học cơ sở Đông Hòa	UBND Tx. Dĩ An	1	27.992	21.800	-6.192
52	Trường trung học phổ thông Nguyễn Thị Minh Khai	UBND Tx. Dĩ An	1	37.687	48.600	10.913
53	Trường Tiểu học Nhị Đồng 2	UBND Tx. Dĩ An	1	52.212	48.500	-3.712
54	Trường Tiểu học Tân Đông Hiệp C	UBND Tx. Dĩ An	1	21.088	27.000	5.912
55	Trường Tiểu học Đông Hòa C	UBND Tx. Dĩ An	1	50.089	34.900	-15.189
56	Trường mầm non Đông Hòa	UBND Tx. Dĩ An	1	39.564	26.100	-13.464
	<i>Công trình quyết toán</i>		2	13.720	5.913	0
57	Trường Trung học cơ sở Dĩ An - Giai đoạn 2	UBND Tx. Dĩ An	1	6.215	1.285	-4.930
58	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường Tiểu học Dĩ An B	UBND Tx. Dĩ An	1	7.505	4.628	-2.877
II.4	TX. BẾN CÁT		10	158.904	124.463	50
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		3	2.650	2.700	50
59	Trường THCS Hòa Lợi.	UBND Tx. Bến Cát	1	1.150	1.200	50
60	Trường THCS Mỹ Thạnh.	UBND Tx. Bến Cát	1	1.000	1.000	0
61	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng trường THPT Tây Nam	UBND Tx. Bến Cát	1	500	500	0
	THỰC HIỆN DỰ ÁN		7	156.254	121.763	0
	<i>Công trình lập TKBVTC-TDT</i>		1	16.000	13.400	0
62	Trường tiểu học An Tây B (giai đoạn 2)	UBND Tx. Bến Cát	1	16.000	13.400	-2.600
	<i>Công trình khởi công mới</i>		3	108.640	78.251	0
63	Trường Tiểu học Hòa Lợi	UBND Tx. Bến Cát	1	58.270	40.507	-17.763
64	Trường THCS An Điền (GD 2)	UBND Tx. Bến Cát	1	25.370	20.700	-4.670
65	Xây dựng, bổ sung khối phòng học Trường THPT Bến Cát.	UBND Tx. Bến Cát	1	25.000	17.044	-7.956
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		2	30.924	29.600	0
66	Trường tiểu học Định Phước	UBND Tx. Bến Cát	1	12.838	12.400	-438
67	Trường tiểu học An Tây B (giai đoạn 1)	UBND Tx. Bến Cát	1	18.086	17.200	-886
	<i>Công trình quyết toán</i>		1	690	512	0
68	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường THCS Lê Quý Đôn	UBND Tx. Bến Cát	1	690	512	-178
II.5	TX. TÂN UYÊN		13	72.412	89.785	30.055
	THỰC HIỆN DỰ ÁN		13	72.412	89.785	30.055
	<i>Công trình lập TKBVTC-DT</i>		2	1.500	944	0
69	Trường TH Tân Phước Khánh B	UBND TX Tân Uyên	1	1.000	532	-468
70	Cải tạo nâng cấp mở rộng trường THPT Tân Phước Khánh	UBND TX Tân Uyên	1	500	412	-88
	<i>Công trình khởi công mới</i>		4	41.937	59.757	27.420
71	Trường trung học phổ thông Thái Hòa	UBND Tx. Tân Uyên	1	9.000	31.089	22.089
72	Trường mầm non Thanh Phước	UBND TX Tân Uyên	1	10.937	16.268	5.331
73	Trường THCS Vĩnh Tân	UBND TX Tân Uyên	1	11.000	6.200	-4.800
74	Trường TH Khánh Bình	UBND TX Tân Uyên	1	11.000	6.200	-4.800
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		1	10.000	12.616	2.616
75	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng	UBND Tx. Tân Uyên	1	10.000	12.616	2.616
	<i>Công trình quyết toán</i>		6	18.975	16.468	19
76	Trường Mầm non Thanh Hội	UBND Tx. Tân Uyên	1	1.800	1.632	-168
77	Trường Trung học cơ sở Phú Chánh	UBND Tx. Tân Uyên	1	2.175	1.686	-489

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020	Dự kiến nguồn vốn đầu tư công 2020	Giảm	
78	Trường Tiểu học Thái Hòa B	UBND Tx. Tân Uyên	1	5.000	0	0	
79	Trường Trung học cơ sở Khánh Bình	UBND Tx. Tân Uyên	1	5.000	4.106	-894	
80	Trường Trung học cơ sở Tân Hiệp	UBND Tx. Tân Uyên	1	5.000	4.025	-975	
81	Trường tiểu học Hội Nghĩa	UBND Tx. Tân Uyên	1		19	19	
II.6	HUYỆN DẦU TIẾNG		12	129.509	135.035	22.506	-16.980
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		3	1.000	1.100	100	0
82	Trường tiểu học Minh Tân	UBND huyện Dầu Tiếng	1	1.000	1.000	0	0
83	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường tiểu học Thanh Tuyền	UBND huyện Dầu Tiếng	1		50	50	
84	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường tiểu học Long Tân	UBND huyện Dầu Tiếng	1		50	50	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN		9	128.509	133.935	22.406	-16.980
	Công trình TK BVTC-DT		1	300	1.100	800	0
85	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường tiểu học Long Hòa	UBND huyện Dầu Tiếng	1	300	1.100	800	
	Công trình khởi công mới		3	26.800	42.102	15.302	0
86	Trường THCS Định Hiệp (giai đoạn 2)	UBND huyện Dầu Tiếng	1	1.500	11.000	9.500	
87	Xây dựng nhà tập đa năng Trường Trung học phổ thông Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	1	300	6.102	5.802	
88	Trường THPT Long Hòa (giai đoạn 2)	UBND huyện Dầu Tiếng	1	25.000	25.000	0	0
	Công trình chuyển tiếp		4	100.996	90.078	6.062	-16.980
89	Trường Trung học cơ sở An Lập (giai đoạn 1)	UBND huyện Dầu Tiếng	1	25.462	19.796		-5.666
90	Trường trung học cơ sở Minh Tân (giai đoạn 2)	UBND huyện Dầu Tiếng	1	29.740	32.719	2.979	
91	Trường Tiểu học Định An (giai đoạn 2)	UBND huyện Dầu Tiếng	1	35.277	23.963		-11.314
92	Trường Tiểu học Minh Thạnh (giai đoạn 2)	UBND huyện Dầu Tiếng	1	10.517	13.600	3.083	
	Công trình quyết toán		1	413	655	242	
93	Trường THCS Minh Hòa	UBND huyện Dầu Tiếng	1	413	655	242	
II.7	HUYỆN PHÚ GIÁO		10	55.750	73.260	20.335	-2.825
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		4	700	700	0	0
94	Trường mầm non An Thái	UBND huyện Phú Giáo	1	100	100	0	0
95	Xây dựng bổ sung Trường tiểu học Phước Sang	UBND huyện Phú Giáo	1	200	200	0	0
96	Xây dựng bổ sung Trường tiểu học An Long	UBND huyện Phú Giáo	1	200	200	0	0
97	Xây dựng bổ sung Trường tiểu học Tân Hiệp	UBND huyện Phú Giáo	1	200	200	0	0
	THỰC HIỆN DỰ ÁN		6	55.050	72.560	20.335	-2.825
	Thiết kế BVTC-DT		1	1.000	1.000	0	0
98	Trường THCS tạo nguồn huyện Phú Giáo (Trường THCS Nguyễn Trãi)	UBND huyện Phú Giáo	1	1.000	1.000	0	0
	Công trình khởi công mới		2	34.400	54.735	20.335	0
99	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học phổ thông Phước Hòa	UBND huyện Phú Giáo	1	14.400	14.735	335	
100	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học cơ sở Vĩnh Hòa	UBND huyện Phú Giáo	1	20.000	40.000	20.000	
	Công trình chuyển tiếp		1	14.755	12.497	0	-2.258
101	Trường tiểu học An Thái (giai đoạn 2)	UBND huyện Phú Giáo	1	14.755	12.497		-2.258
	Công trình quyết toán		2	4.895	4.328	0	-567
102	Trường tiểu học An Linh	UBND huyện Phú Giáo	1	1.852	1.715		-137
103	Trường Tiểu học Phước Vĩnh B	UBND huyện Phú Giáo	1	3.043	2.613		-430
II.8	HUYỆN BÀU BÀNG		11	86.412	83.580	1.990	-4.822
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		7	6.412	2.800	1.000	-4.612
104	XD bổ sung phòng học Trường THPT Bàu Bàng	UBND huyện Bàu Bàng	1	1.000	700		-300
105	XD bổ sung phòng học Trường TH Tân Hưng	UBND huyện Bàu Bàng	1	1.000	0		-1.000

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020	Dự kiến chi phí kế hoạch đầu tư công 2020	Dự kiến chi phí kế hoạch đầu tư công 2020	Dự kiến chi phí kế hoạch đầu tư công 2020
106	Cải tạo, NC MR trường THCS Lai Hưng	UBND huyện Bàu Bàng	1	1.000			-400
107	Xây dựng bổ sung phòng học Trường tiểu học Kim Đồng	UBND huyện Bàu Bàng	1	3.112			-2.712
108	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường Trung học cơ sở Lai Uyên	UBND huyện Bàu Bàng	1	100	1.100	1.000	
109	Trường mầm non Hưng Hòa	UBND huyện Bàu Bàng	1	100			-100
110	Trường mầm non Tân Hưng	UBND huyện Bàu Bàng	1	100			-100
	THỰC HIỆN DỰ ÁN		4	80.000	80.780	990	-210
	<i>Công trình khởi công mới</i>		2	75.000	75.661	661	0
111	Trường tiểu học Trù Văn Thố	UBND huyện Bàu Bàng	1	40.000	40.661	661	
112	Trường trung học cơ sở Cây Trường	UBND huyện Bàu Bàng	1	35.000	35.000	0	0
	<i>Công trình quyết toán</i>		2	5.000	5.119	329	-210
113	Trường Tiểu học Bàu Bàng	UBND huyện Bàu Bàng	1	2.000	1.790		-210
114	Trường trung học cơ sở Trù Văn Thố	UBND huyện Bàu Bàng	1	3.000	3.329	329	
II.9	HUYỆN BẮC TÂN UYÊN		9	114.185	114.185	0	0
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		1	500	500	0	0
115	Trường Mầm non Sơn Ca	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	500	500	0	0
	THỰC HIỆN DỰ ÁN		8	113.685	113.685	0	0
	<i>Công trình khởi công mới</i>		4	51.000	51.000	0	0
116	Trường Trung học cơ sở Tân Mỹ giai đoạn 2	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	12.000	12.000	0	0
117	Trường tiểu học Đất Cuốc (Xây dựng bổ sung 9 phòng học)	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	10.000	10.000	0	0
118	Trường THPT Tân Bình	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	22.000	22.000	0	0
119	Trường mầm non Hoa Cúc (Xây dựng bổ sung 6 phòng học)	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	7.000	7.000	0	0
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		3	60.438	60.438	0	0
120	Trường Mầm non Hoa Phong Lan	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	19.000	19.000	0	0
121	Trường Mầm non Tân Mỹ	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	13.000	13.000	0	0
122	Trường trung học phổ thông Lê Lợi	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	28.438	28.438	0	0
	<i>Công trình quyết toán</i>		1	2.247	2.247	0	0
123	Trường Tiểu học Tân Thành	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	2.247	2.247	0	0

Phụ lục VI
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG AN 2020 LẦN 2
NGUỒN VỐN TỈNH HỖ TRỢ CHO CẤP HUYỆN
(Kèm theo Báo cáo số 14/CBC-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020
của UBND tỉnh)



Đơn vị tính: Triệu đồng

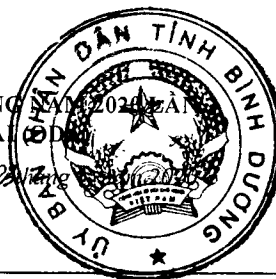
STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 2020 lần 2	Tăng	Giảm	Chênh lệch
	VỐN TỈNH HỖ TRỢ CHO CẤP HUYỆN		58	1.240.415	1.308.135	329.470	-261.750	67.720
I	Thành phố Thủ Dầu Một		14	563.800	588.345	242.872	-218.327	24.545
L1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)		13	561.800	586.345	242.872	-218.327	24.545
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>		1	1.900	0	0	-1.900	-1.900
1	Xây dựng đường trục chính Đông Tây	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	1.900			-1.900	-1.900
	<i>Công trình khởi công mới</i>		4	392.000	215.000	0	-177.000	-177.000
2	Nâng cấp, mở rộng đường phân khu ĐX 144, phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	100.000	70.000		-30.000	-30.000
3	Mở mới đường bê tông rạch Bà Cỏ; CCTL: 110.000 trđ.	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	110.000	10.000		-100.000	-100.000
4	Mở mới đường Tạo lực 6 nối dài; CCTL: 100.000 trđ.	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	117.000	70.000		-47.000	-47.000
5	Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến đường Đồng Cây Viêt (đường Liên khu 1-5); CCTL: 62.000 trđ.	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	65.000	65.000	0	0	0
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		3	57.900	29.730	5.830	-34.000	-28.170
6	Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ cầu Thủ Ngự đến cầu Thầy Nặng), phường Chánh Nghĩa	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	44.000	10.000		-34.000	-34.000
7	Đường Trần Văn Ôn	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	10.000	10.365	365		365
8	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Ngọc Lân (từ ĐLBD đến đường Huỳnh Văn Lũy)	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	3.900	9.365	5.465		5.465
	<i>Thanh toán khối lượng</i>		4	107.000	339.883	237.042	-4.159	232.883
9	Đường Lê Chi Dân, phường Hiệp An	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	95.000	331.408	236.408		236.408
10	Đường Hoàng Hoa Thám II	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	2.000	2.634	634		634
11	Mở rộng vỉa hè đường Bạch Đằng (đoạn từ ngã ba đường Ngô Quyền đến đường Định Bộ Lĩnh)	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	5.000	841		-4.159	-4.159
12	Đường Trần Ngọc Lân - ĐL Bình Dương - đường Bùi Ngọc Thu (Đường tổ 7 ấp 1, phường Định Hòa)	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	5.000	5.000	0	0	0
	<i>Công trình quyết toán</i>		1	3.000	1.732	0	-1.268	-1.268
13	Đường mở mới từ đường CMT8 đến đường Nguyễn Tri Phương (đường tổ 36, khu 5, phường Chánh Nghĩa)	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	3.000	1.732		-1.268	-1.268
L3	QUỐC PHÒNG, AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI		1	2.000	2.000	0	0	0
	<i>Công trình quyết toán</i>		1	2.000	2.000	0	0	0
14	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự Tp.TDM	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	2.000	2.000	0	0	0
II	Thị xã Thuận An		6	74.000	93.177	25.177	-6.000	19.177
II.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)		2	15.000	33.300	18.300	0	18.300
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>		1	0	100	100	0	100
15	Nâng cấp, cải tạo đường Bùi Hữu Nghĩa	UBND Tx. Thuận An	1		100	100		100
	<i>Công trình khởi công mới</i>		1	15.000	33.200	18.200	0	18.200
16	Cải tạo, nâng cấp đường Bùi Thị Xuân (đoạn từ đường Mỹ Phước - Tân Vạn đến ranh Thái Hòa - Tân Uyên)	UBND Tx. Thuận An	1	15.000	33.200	18.200		18.200
II.2	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ		4	59.000	59.877	6.877	-6.000	877
	<i>Công trình khởi công mới</i>		2	37.000	31.000	0	-6.000	-6.000
17	Trường TH Lê Thị Trung	UBND Tx. Thuận An	1	25.000	19.000		-6.000	-6.000
18	Trường Tiểu học Vĩnh Phú	UBND Tx. Thuận An	1	12.000	12.000	0	0	0
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		2	22.000	28.877	6.877	0	6.877
19	Trường THPT Trịnh Hoài Đức (cải tạo, nâng cấp, mở rộng phục vụ đề án trường THPT tỉnh Bình Dương Trịnh Hoài Đức chất lượng cao)	UBND Tx. Thuận An	1	15.000	15.561	561		561
20	Trường mầm non Hoa Mai 3	UBND Tx. Thuận An	1	7.000	13.316	6.316		6.316
III	Thị xã Dĩ An		3	84.000	80.500	0	-3.500	-3.500
III.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)		2	78.000	74.500	0	-3.500	-3.500

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020	Kế hoạch đầu tư công 2021	Giảm	Chênh lệch
	Chuẩn bị đầu tư		1	500	500	0	0
21	Nâng cấp, mở rộng đường 30 tháng 4	UBND Tx. Dĩ An	1	500	500	0	0
	Công trình khởi công mới		1	77.500	74.000	0	-3.500
22	Nâng cấp, mở rộng đường Chiêu Liêu	UBND Tx. Dĩ An	1	77.500	74.000	0	-3.500
III.2	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA - THÔNG TIN		1	6.000	6.000	0	0
	Công trình chuyển tiếp		1	6.000	6.000	0	0
23	Khu di tích Cách mạng & sinh thái Hồ lang - giai đoạn 1	UBND Tx. Dĩ An	1	6.000	6.000	0	0
IV	Thị xã Tân Uyên		6	66.084	44.763	652	-21.973
IV.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)		6	66.084	44.763	652	-21.973
	Chuẩn bị đầu tư		1	1.200	1.700	500	500
24	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH 402, phường Tân Phước Khánh	UBND Tx. Tân Uyên	1	1.200	1.700	500	500
	Công trình chuyển tiếp		3	64.884	42.911	0	-21.973
25	Nâng cấp mặt đường ĐH 406 (đoạn từ cây xăng An Lộc đến ngã tư Xã Cũ), phường Khánh Bình	UBND Tx. Tân Uyên	1	7.186	7.186	0	0
26	Nâng cấp mặt đường ĐH 406 (đoạn từ ngã tư Xã Cũ đến cầu Khánh Vân), phường Khánh Bình	UBND Tx. Tân Uyên	1	27.698	27.698	0	0
27	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH 423 (đoạn từ ngã tư đường ĐH 409 đến giáp đường ĐT 747A)	UBND Tx. Tân Uyên	1	30.000	8.027	0	-21.973
	Quyết toán công trình		2	0	152	152	152
28	Nâng số hộ sử dụng điện trên địa bàn thị xã Tân Uyên các xã, phường: Thanh Hội, Bạch Đằng, Phú Chánh, Vĩnh Tân, Tân Hiệp	UBND Tx. Tân Uyên	1	83	83	0	83
29	Nâng số hộ sử dụng điện trên địa bàn thị xã Tân Uyên các xã, phường: Khánh Bình, Tân Vĩnh Hiệp, Uyên Hưng, Tân Phước Khánh, Thái Hòa	UBND Tx. Tân Uyên	1	69	69	0	69
V	Huyện Bắc Tân Uyên		3	111.000	131.000	20.000	20.000
V.1	SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH		1	96.000	96.000	0	0
	Công trình chuyển tiếp		1	96.000	96.000	0	0
30	Trung tâm Y tế huyện Bắc Tân Uyên quy mô 100 giường bệnh - Giai đoạn I: 60 giường	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	96.000	96.000	0	0
V.2	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ		1	12.000	32.000	20.000	20.000
	Công trình khởi công mới		1	12.000	32.000	20.000	20.000
31	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	12.000	32.000	20.000	20.000
V.3	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA - THÔNG TIN		1	3.000	3.000	0	0
	Công trình chuyển tiếp		1	3.000	3.000	0	0
32	Trung tâm văn hóa thể thao huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	3.000	3.000	0	0
VI	Thị xã Bến Cát		6	118.752	119.611	10.859	-10.000
VI.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)		3	54.077	64.936	10.859	10.859
	Công trình khởi công mới		1	48.895	59.754	10.859	10.859
33	Nâng cấp, mở rộng đường từ Kho bạc Bến Cát đến Cầu Quan	UBND Tx. Bến Cát	1	48.895	59.754	10.859	10.859
	Công trình chuyển tiếp		1	5.089	5.089	0	0
34	Đường gò Cáo Cáo	UBND Tx. Bến Cát	1	5.089	5.089	0	0
	Công trình quyết toán		1	93	93	0	0
35	Nâng cấp mặt đường, cải tạo vỉa hè, HTCS tuyến đường từ ngã 3 vật tư đến ngã 4 Tân Dù	UBND Tx. Bến Cát	1	93	93	0	0
VI.2	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (NÔNG NGHIỆP-PTNT)		1	29.385	29.385	0	0
	Công trình khởi công mới		1	29.385	29.385	0	0
36	Khai thông uốn nắn dòng chảy đoạn hạ lưu rạch Cầu Quan đến sông Thị Tinh	UBND Tx. Bến Cát	1	29.385	29.385	0	0
VI.3	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA - THÔNG TIN		2	35.290	25.290	0	-10.000
	Công trình khởi công mới		1	33.732	23.732	0	-10.000
37	Xây dựng Công viên dọc sông Thị Tinh (đoạn qua chợ Bến Cát)	UBND Tx. Bến Cát	1	33.732	23.732	0	-10.000
	Công trình chuyển tiếp		1	1.558	1.558	0	0
38	Xây dựng tượng đài thị xã Bến Cát	UBND Tx. Bến Cát	1	1.558	1.558	0	0
VII	Huyện Bàu Bàng		5	52.000	50.291	241	-1.709
VII.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)		4	51.500	50.087	241	-1.413
	Chuẩn bị đầu tư		1	3.000	2.221	0	-779
39	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 610 xã Long Nguyên	UBND huyện Bàu Bàng	1	3.000	2.221	0	-779
	Công trình khởi công mới		2	48.500	47.625	0	-875

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020	Đầu tư công 2020	Giảm	Chênh lệch	
40	Bê tông nhựa đường từ nhà Ông Bảy Hộ đến nhà Bà Suối xã Lai Hưng	UBND huyện Bàu Bàng	1	1.000	125		-875	-875
41	Xây dựng mới đường ĐH 618	UBND huyện Bàu Bàng	1	47.500	47.500	0	0	0
	Thanh toán khối lượng		1	0	241	241	0	241
42	Bê tông nhựa đường liên ấp 16B xã Cây Trường II	UBND huyện Bàu Bàng	1		241	241		241
VII.2	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA - THÔNG TIN		1	500	204	0	-296	-296
	Công trình chuyển tiếp		1	500	204	0	-296	-296
43	Trung tâm văn hóa - thể thao huyện	UBND huyện Bàu Bàng	1	500	204		-296	-296
VIII	Huyện Phú Giáo		9	148.026	153.570	5.544	0	5.544
VIII.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)		9	148.026	153.570	5.544	0	5.544
	Công trình khởi công mới		5	121.487	124.719	3.232	0	3.232
44	Nâng cấp đường Công Triết	UBND huyện Phú Giáo	1	20.964	20.964	0	0	0
45	Nâng cấp Đường ĐH 515	UBND huyện Phú Giáo	1	13.953	17.185	3.232		3.232
46	Đầu tư xây dựng đường Trần Hưng Đạo nối dài	UBND huyện Phú Giáo	1	20.755	20.755	0	0	0
47	Đầu tư xây dựng đường Trần Quang Diệu nối dài	UBND huyện Phú Giáo	1	25.815	25.815	0	0	0
48	Nâng cấp mở rộng đường ĐH 507 (từ đường ĐT 741 đi trại giam An Phước)	UBND huyện Phú Giáo	1	40.000	40.000	0	0	0
	Công trình chuyển tiếp		4	26.539	28.851	2.312	0	2.312
49	Đường ĐH 512 (Đường Kiểm)	UBND huyện Phú Giáo	1	15.181	17.450	2.269		2.269
50	Bồi thường giải tỏa khu đất giao Trung đoàn 271	UBND huyện Phú Giáo	1		10	10		10
51	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 519	UBND huyện Phú Giáo	1	9.500	9.500	0	0	0
52	Đầu tư nâng cấp đường 19/5	UBND huyện Phú Giáo	1	1.858	1.891	33		33
IX	Huyện Dầu Tiếng		6	22.753	46.878	24.125	0	24.125
IX.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)		6	22.753	46.878	24.125	0	24.125
	Chuẩn bị đầu tư		3	0	400	400	0	400
53	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 704 (đoạn từ Trường THPT Phan Bội Châu đến ngã tư Minh Hòa)	UBND huyện Dầu Tiếng	1		100	100		100
54	Nâng cấp các tuyến đường còn lại trong khu trung tâm văn hóa thể thao huyện	UBND huyện Dầu Tiếng	1		100	100		100
55	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 704 (từ Thanh An đến Định Hiệp giai đoạn 2)	UBND huyện Dầu Tiếng	1		200	200		200
	Công trình khởi công mới		2	19.652	39.652	20.000	0	20.000
56	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 704 từ Thanh An, Định Hiệp đến Minh Hòa giai đoạn 2 (đoạn qua xã Định An)	UBND huyện Dầu Tiếng	1	6.432	6.432	0	0	0
57	Nâng cấp nhựa đường ĐH 721 (từ ĐT 749a đến ĐT 750)	UBND huyện Dầu Tiếng	1	13.220	33.220	20.000		20.000
	Công trình chuyển tiếp		1	3.101	6.826	3.725	0	3.725
58	Mở rộng đường từ trước Huyện ủy - UBND huyện đến đường Cách mạng tháng 8	UBND huyện Dầu Tiếng	1	3.101	6.826	3.725		3.725

Phụ lục VII
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH 2020 LẦN 1
- NGUỒN VỐN NƯỚC NGOÀI

(Kèm theo Báo cáo số 14/BC-UBND ngày 22/10/2019
của UBND tỉnh)



Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 2020 lần 2
	TỔNG SỐ	2	505.200	505.200
	Ngành Cấp thoát nước - Môi trường	2	156.580	262.580
1	Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương - Giai đoạn II	1	105.750	211.750
2	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An	1	50.830	50.830
	Chưa phân bổ		348.620	242.620

Phụ lục VIII
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020 LẦN 2
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
 (Kèm theo Báo cáo số 116/BC-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2020
 của UBND tỉnh)

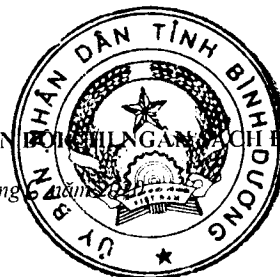


Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 2020 lần 2
	TỔNG SỐ	2	41.100	41.100
1	VỐN ĐẦU TƯ THEO CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	2	41.100	41.100
	Các hoạt động kinh tế (Giao thông)	2	41.100	41.100
1	Dự án đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài	1	11.760	11.760
2	Dự án xây dựng đường Bắc Nam 3	1	29.340	29.340

Phụ lục IX
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020 LẦN 2 - NGUỒN BỐI TÀI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

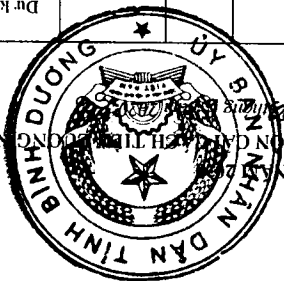
(Kèm theo Báo cáo số ~~146~~ **146**/BC-UBND ngày ~~22~~ **22** tháng ~~4~~ **4** năm 2020
của UBND tỉnh)



Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch đầu tư công 2020	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 2020 lần 2
	TỔNG SỐ(*)	616.000	616.000
	Phân bổ dự án	273.457	273.457
1	Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương - Giai đoạn II	147.000	147.000
2	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An	126.457	126.457
	Chưa phân bổ	342.543	342.543

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ CÔNG NGHỆ SỐ NĂM 2019
 Phụ lục X
 (Kèm theo Báo cáo số 46/BC-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh)
 ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ CÔNG NGHỆ SỐ NĂM 2019



STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020	Dự kiến đầu tư công kế hoạch điều chỉnh 2020 lần 2	Chênh lệch	Ghi chú
A	VỐN TÌNH TẬP TRUNG (I+II)		20	1.099.664	1.099.664	0	
I	HÀ TẶNG VĂN HÓA - XÃ HỘI		1	93.000	93.000	0	
1	Mở rộng Trung tâm giáo dục lao động - Tạo việc làm tỉnh Bình Dương	Sở Lao động - TB và Xã hội	1	93.000	93.000	0	
II	VỐN TÌNH HỖ TRỢ CẤP HUYỆN		4	272.000	272.000	-127.000	
2	Mở mới đường đi bao bọc tách Bà Cỏ	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	110.000	10.000	-100.000	
3	Mở mới đường Tạo lực 6 mới dài	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	100.000	70.000	-30.000	
4	Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến đường Đồng Cây Việt (đường Liên khu 1-5), phường Phú Mỹ	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	62.000	65.000	3.000	
5	Đường Lê Chí Dân, phường Hiệp An	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1		127.000		
B	VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN (I+II+...+VIII)		15	734.664	734.664	0	
I	THỦ DẦU MỘT		2	90.000	90.000	0	
6	Xây dựng THCS Tương Bình Hiệp (cơ sở cũ) - tiểu học Kim Đồng, phường Hiệp An	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	45.000	45.000	0	
7	Xây dựng TH Tương Bình Hiệp (cơ sở cũ) - mầm non Hoa Sen, phường Tương Bình Hiệp	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	45.000	45.000	0	
II	THUẬN AN		4	265.500	266.000	-49.500	
8	Xây dựng đường vào khu Trung tâm chính trị - hành chính thị xã Thuận An	UBND Tx. Thuận An	1	59.500	40.000	-19.500	Dã phê duyệt dự án
9	Xây dựng mới đường Hưng Định 15, phường Hưng Định, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	UBND Tx. Thuận An	1	170.000	140.000	-30.000	Dang tổ chức dẫn bù
10	Xây dựng mới tuyến đường An Thạnh 63-64 (Đoạn từ đường Thủ Khoa Huân đến đường Hồ Văn Mên)	UBND Tx. Thuận An	1		50.000		
11	Trường Mầm non Hoa Cúc 10	UBND Tx. Thuận An	1	36.000	36.000	0	Dã phê duyệt dự án
III	DI AN		1	85.000	85.000	0	
12	Xây dựng đường từ đường Trần Hưng Đạo đi đường Võ Thị Sáu	UBND Tx. Di An	1	85.000	85.000	0	
IV	TÂN UYÊN		2	117.000	117.000	0	
13	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường DH 425	UBND Tx. Tân Uyên	1	100.000	100.000	0	
14	Xây dựng Hội trường Trung tâm Bồi dưỡng chính trị thị xã Tân Uyên	UBND Tx. Tân Uyên	1	17.000	17.000	0	
V	BẮC TÂN UYÊN		1	13.500	13.500	0	
15	Xây dựng Đài tưởng niệm Liệt sỹ huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	13.500	13.500	0	
VI	BẾN CÁT		1	43.000	43.000	0	
16	Trường Tiểu học Mỹ Phước II	UBND Tx. Bến Cát	1	43.000	43.000	0	
VII	PHÚ GIÀO		2	64.500	49.993	-14.507	
17	Nâng cấp đường DH 516 (đường Tân Long - An Long)	UBND huyện Phú Giáo	1	32.500	27.813	-4.687	
18	Nâng cấp đường DH 502 (từ ngã 3 cây khô đến cầu Vàm Vả 2)	UBND huyện Phú Giáo	1	32.000	22.180	-9.820	
VIII	DẦU TIẾNG		2	56.164	70.171	14.007	
19	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đô thị Minh Hòa	UBND huyện Dầu Tiếng	1	49.712	63.719	14.007	Dã phê duyệt dự án
20	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đô thị Bến Súc (Tuyến đường N1, N2, N3, N4)	UBND huyện Dầu Tiếng	1	6.452	6.452	0	Dã phê duyệt dự án

DVT: triệu đồng

Phụ lục XI
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH 2020
NGUỒN VỐN KHÁC
(Kèm theo Báo cáo số 116/BC-UBND ngày 27/10/2020
của UBND tỉnh)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh ĐTC trung hạn	Dự kiến điều chỉnh KH 2020 lần 2
	TỔNG SỐ		4.240.000	1.523.271
I	HẠ TẦNG KINH TẾ		2.379.554	1.059.714
1	Giải phóng mặt bằng công trình đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng, dự án trung tâm hành chính huyện Bàu Bàng, huyện Bắc Tân Uyên	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	891.573	279.073
2	Xây dựng đường từ Tân Thành đến cầu Tam Lập (xã Tân Định) thuộc tuyến Tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng	UBND huyện Bắc Tân Uyên	250.117	250.117
3	Xây dựng đường Thủ Biên - Đất Cuốc với quy mô 4 làn xe (Giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	230.828	107.488
4	Giải phóng mặt bằng cho dự án cải tạo, mở rộng Quốc lộ 13 đoạn từ cầu Ông Bó đến nút giao Hữu Nghị	UBND thị xã Thuận An	500	500
5	Giải phóng mặt bằng cho dự án cải tạo, mở rộng Quốc lộ 13 đoạn từ nút Tự Do đến ngã tư Lê Hồng Phong	UBND thị xã Thuận An	300.000	300.000
6	Giải phóng mặt bằng cho dự án cải tạo, mở rộng Quốc lộ 13 đoạn từ công chào Vĩnh Phú đến cầu Ông Bó	UBND thị xã Thuận An	500	500
7	Xây dựng cầu bắc qua sông Đồng Nai (Cầu Bạch Đằng 2) - Dự án 1: Xây dựng đường dẫn vào cầu phía Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	98.537	14.537
8	Xây dựng đường và cầu kết nối tỉnh Bình Dương và tỉnh Tây Ninh	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	107.499	107.499
II	HẠ TẦNG VĂN HÓA XÃ HỘI		733.914	463.557
9	Khối kỹ thuật trung tâm và nhà quản (thuộc Khu quy hoạch chi tiết 1/500 Bệnh viện Đa khoa 1500 giường và Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh)	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	325.928	91.778
10	Trạm xử lý nước thải cho các bệnh viện thuộc khu quy hoạch các Bệnh viện và một số công trình Nhà nước. (gđ 1)	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	55.795	19.588
11	Thiết bị Bệnh viện đa khoa 1500 giường	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	352.191	352.191

Phụ lục XII
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020 LẦN 2
DANH MỤC DỰ ÁN VỐN TỈNH BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU CHO CẤP HUYỆN TỈNH VÀ VỐN KẾT TẠO 2019
 (Kèm theo Báo cáo số 14/GBC-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2019 của UBND tỉnh)



ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Số dự án	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 2020 lần 2
TỔNG SỐ			66	1.190.841
I	THỦ DẦU MỘT		1	576.535
1	Đường Bùi Ngọc Thu	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	576.535
II	THUẬN AN		5	210.000
2	Xây dựng mới đường An Thạnh 24 (Đoạn từ đường Hương lộ 9 đến giáp ranh phường Phú Thọ)	UBND Tx. Thuận An	1	80.000
3	Xây dựng mới đường Nguyễn Chí Thanh nối dài	UBND Tx. Thuận An	1	25.000
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường D2, N9 khu dân cư Thuận Giao	UBND Tx. Thuận An	1	25.000
5	Khu trung tâm văn hóa thể dục thể thao thị xã Thuận An (Khu chùa Thiên Phước)	UBND Tx. Thuận An	1	30.000
6	Nâng cấp, mở rộng đường Trịnh Hoài Đức	UBND Tx. Thuận An	1	50.000
IV	TÂN UYÊN		25	100.000
7	Xây dựng bến xe khách Tân Uyên (dự án đầu tư)	UBND Tx Tân Uyên	1	7.000
8	Cải tạo, mở rộng Công viên Trung tâm Văn hóa thị xã Tân Uyên	UBND Tx Tân Uyên	1	9.500
9	Nâng cấp BTNN tuyến đường tổ 3, khu phố 6, phường Uyên Hưng	UBND Tx Tân Uyên	1	5.500
10	Bê tông nhựa đường GTĐT đôi 16 (đoạn từ nhà bà Võ Thị Sứ đến nhà ông Trương Văn Mai), khu phố Cây Chàm, phường Thanh Phước	UBND Tx Tân Uyên	1	2.500
11	Xây dựng lưới điện phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã Tân Vĩnh Hiệp	UBND Tx Tân Uyên	1	1.800
12	Nhà tang lễ thị xã Tân Uyên	UBND Tx Tân Uyên	1	7.000
13	Xây dựng đồn công an khu công nghiệp Nam Tân Uyên	UBND Tx Tân Uyên	1	2.200
14	Nâng cấp mở rộng đường ĐĐT. Tân Phước Khánh 07 Ngã tư nhà ông phạm Hồng Công KP Khánh Hội đến ngã ba công ty Khánh Hội	UBND Tx Tân Uyên	1	3.800
15	Nâng cấp BTNN đường ĐĐT. Tân Phước Khánh 09	UBND Tx Tân Uyên	1	2.100
16	Xây dựng các tuyến đường khu phố 3, phường Uyên Hưng	UBND Tx Tân Uyên	1	2.000
17	Xây dựng Mặt trận và Khối Đoàn thể phường Tân Phước Khánh	UBND Tx Tân Uyên	1	1.500
18	Xây dựng trụ sở làm việc Ủy ban mặt trận tổ quốc và Khối Đoàn thể thị xã Tân Uyên (kể cả gói TB) 1.500)	UBND Tx Tân Uyên	1	1.500
19	Cổng chào thị xã Tân Uyên	UBND Tx Tân Uyên	1	2.500
20	Đầu tư xây dựng nâng cấp các tuyến điện phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã Bạch Đằng và Thanh Hội	UBND Tx Tân Uyên	1	2.000
21	Nâng cấp BTN tuyến đường ĐX 10, ấp Hóa Nhựt, xã Tân Vĩnh Hiệp	UBND Tx Tân Uyên	1	4.500
22	Xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao - Thư viện thị xã Tân Uyên	UBND Tx Tân Uyên	1	7.000
23	Nâng cấp bê tông nhựa đường GTNT từ ĐT 742 (nhà ông Luận) đến giáp đường ĐH 409, ấp 3, xã Vĩnh Tân	UBND Tx Tân Uyên	1	7.000
24	Xây dựng nhà làm việc, nhà ở đội cảnh sát 113	UBND Tx Tân Uyên	1	3.200
25	Xây dựng trụ sở Khối đoàn thể xã Thanh Hội	UBND Tx Tân Uyên	1	5.000
26	Xây dựng trụ sở Khối đoàn thể xã Tân Vĩnh Hiệp	UBND Tx Tân Uyên	1	5.000
27	Xây dựng trụ sở Khối đoàn thể phường Thanh Phước	UBND Tx Tân Uyên	1	3.600
28	Xây dựng trạm y tế xã Bạch Đằng	UBND Tx Tân Uyên	1	5.000
29	Trung tâm Văn hóa thể thao xã Phú Chánh	UBND Tx Tân Uyên	1	2.800
30	Nâng cấp BTN đường bờ sông, xã Bạch Đằng	UBND Tx Tân Uyên	1	3.000
31	Nâng cấp BTN tuyến đường Khánh Bình 13	UBND Tx Tân Uyên	1	3.000
V	BẮC TÂN UYÊN		9	61.300
32	Trung tâm văn hóa - Học tập cộng đồng xã Tân Lập (giai đoạn 1)	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	9.000
33	Trung tâm văn hóa, thể thao - học tập cộng đồng xã Lạc An (giai đoạn 2)	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	9.000
34	Trung tâm văn hóa, thể thao - học tập cộng đồng xã Đất Cuốc (giai đoạn 2)	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	9.000
35	Trung tâm Văn hóa, thể thao - học tập cộng đồng xã Hiếu Liêm (giai đoạn 1)	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	9.000
36	Trung tâm Văn hóa, Thể thao - Học tập cộng đồng xã Bình Mỹ (Giai đoạn 1)	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	9.000

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Số dự án	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 2020 lần 2
37	Nhà làm việc Quản lý hành chính - trật tự xã hội công an huyện	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	5.000
38	Trung tâm văn hóa - Học tập cộng đồng xã Tân Định (giai đoạn 2)	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	7.100
39	Nâng cấp bê tông nhựa đường GTNT Tân Lập 02 (đoạn từ Km1+000 đến Km2+000)	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	3.500
40	Nâng cấp bê tông nhựa đường Bình Mỹ 37	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	700
VI	BẾN CÁT		9	81.043
41	Sở Chỉ huy - Ban Chỉ huy Quân sự thị xã Bến Cát. (giai đoạn 2)	UBND Tx Bến Cát	1	14.493
42	Xây dựng Hội trường Công an thị xã Bến Cát.	UBND Tx Bến Cát	1	8.024
43	Xây dựng mới Trụ sở Thị Ủy Bến Cát.	UBND Tx Bến Cát	1	13.743
44	Nâng cấp tuyến đường ĐH 606 đến đường ĐT 748, xã An Điền	UBND Tx Bến Cát	1	6.480
45	Nâng cấp BTNN tuyến đường từ QL13 khúc nhập tỉnh đến Công ty Hồng Hà khu phố 3, phường Tân Định	UBND Tx Bến Cát	1	6.744
46	Nâng cấp tuyến đường Bầu Tây (Sinh Thái) - ĐH 609, ấp Phú Thứ, xã Phú An	UBND Tx Bến Cát	1	4.742
47	Trụ sở làm việc Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã Bến Cát	UBND Tx Bến Cát	1	5.201
48	Xây dựng Hội trường UBND phường Thới Hòa	UBND Tx Bến Cát	1	5.377
49	Xây dựng hạ tầng khu Trung tâm văn hóa, Thể thao và dịch vụ công cộng thị xã Bến Cát	UBND Tx Bến Cát	1	16.239
VII	PHÚ GIÁO		2	14.563
50	Xây dựng Nhà khách Công an huyện	UBND huyện Phú Giáo	1	7.000
51	Xây dựng trụ sở làm việc MTTQ, khối đoàn thể xã Vĩnh Hòa	UBND huyện Phú Giáo	1	7.563
VIII	DẦU TIẾNG		8	114.400
52	Xây dựng Khu di tích lịch sử Chiến khu Long Nguyên (Khu căn cứ Tỉnh ủy) giai đoạn 1	UBND huyện Dầu Tiếng	1	14.600
53	Nâng cấp đường Ngô Quyền, khu phố 1, thị trấn Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	1	6.300
54	Chỉnh trang khu dân cư khu phố 4B - thị trấn Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	1	28.500
55	Khán đài sân bóng đá huyện	UBND huyện Dầu Tiếng	1	9.200
56	Nâng cấp tường vào TTVH TT-TT huyện (đoạn giáp khu dân cư)	UBND huyện Dầu Tiếng	1	8.300
57	Trạm y tế xã Định An	UBND huyện Dầu Tiếng	1	11.200
58	Nâng cấp ngã tư Minh Hòa	UBND huyện Dầu Tiếng	1	26.300
59	Chợ An Lập (giai đoạn 2)	UBND huyện Dầu Tiếng	1	10.000
IX	BÀU BÀNG		7	33.000
60	XD mới Hội trường UBND xã Trừ Văn Thố	UBND huyện Bàu Bàng	1	3.500
61	Đường dây trung, hạ thế và 3 trạm biến áp 1x 50KVA cấp điện cho các hộ dân khu vực ấp 1,4 xã Trừ Văn Thố.	UBND huyện Bàu Bàng	1	1.500
62	Đường dây trung, hạ thế và trạm biến áp cấp điện cho các hộ dân khu phố Đồng chèo, tăng công suất trạm biến áp UBND Thị trấn Lai Uyên	UBND huyện Bàu Bàng	1	2.000
63	Đường dây trung, hạ thế và 2 trạm biến áp 1x 50KVA cấp điện cho các hộ dân khu phố Bàu Hốt, thị trấn Lai Uyên	UBND huyện Bàu Bàng	1	1.000
64	Nâng cấp bê tông nhựa nóng đường Bắc Bến Tượng (đường Lai Hưng - 20 đoạn từ ngã 3 văn phòng ấp Bến Tượng đến ngã 3 giáp đường làng nhựa Viện nghiên cứu cao su, xã Lai Hưng	UBND huyện Bàu Bàng	1	3.500
65	Bê tông nhựa nóng đường liên ấp 3,4 (GB2) xã Trừ Văn Thố	UBND huyện Bàu Bàng	1	4.500
66	Xây dựng nhà công vụ	UBND huyện Bàu Bàng	1	17.000

Phụ lục XII
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NGỪNG BỐ TRÍ VỐN TRONG KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG 2020
(Kèm theo Báo cáo số 16/BC-UBND ngày 22/02/2020)



STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KH 2020	Dự kiến điều chỉnh 2020	Số vốn ngưng bố trí
	TỔNG SỐ		71.373	-	-71.373
1	Nạo vét, gia cố Suối Cái và các tuyến suối còn lại từ sau cầu Thợ Út 100m đến sông Đồng Nai	Sở Nông nghiệp và PTNT	2.000	0	-2.000
2	Hệ thống ghi âm, ghi hình Nhà hói cung các cơ sở giam giữ	Công an tỉnh	500	-	-500
3	Hệ thống xử lý nước thải các cơ sở giam giữ Công an tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	500	-	-500
4	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ Công an thị xã Tân Uyên	Công an tỉnh	500	-	-500
5	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tân Vĩnh Hiệp	Công an tỉnh	500	-	-500
6	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tam Lập	Công an tỉnh	500	-	-500
7	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tân Thành	Công an tỉnh	500	-	-500
8	Mua sắm trang thiết bị, phương tiện chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tân Vĩnh Hiệp	Công an tỉnh	500	-	-500
9	Mua sắm trang thiết bị, phương tiện chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tam Lập	Công an tỉnh	500	-	-500
10	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Hiệp An	Công an tỉnh	500	-	-500
11	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Thanh Phước	Công an tỉnh	500	-	-500
12	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện chuyên khoa Tâm thần và bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1.000	-	-1.000
13	Trung tâm văn hóa thể thao công nhân lao động tỉnh Bình Dương	Liên đoàn Lao động tỉnh	3.264	0	-3.264
14	Cổng chào tỉnh Bình Dương	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1.000	0	-1.000
15	Trường Trung học cơ sở Đồng Chiểu	UBND Tx. Dĩ An	56.009	0	-56.009
16	XD bổ sung phòng học Trường TH Tân Hưng	UBND huyện Bàu Bàng	1.000	-	-1.000
17	Trường mầm non Hưng Hòa	UBND huyện Bàu Bàng	100	-	-100
18	Trường mầm non Tân Hưng	UBND huyện Bàu Bàng	100	-	-100
19	Xây dựng đường trục chính Đồng Tây	UBND Tp.Thủ Dầu Một	1.900	0	-1.900

Phụ lục XIV
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN BỔ SUNG TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số 146/BC-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2020)



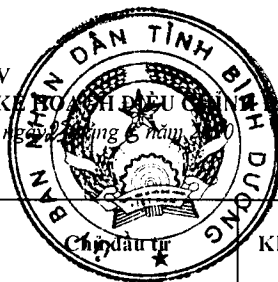
STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Đơn vị điều hành	Số vốn bổ sung
TỔNG SỐ				
				1.307.091
1	Xây dựng hạ lưu các công ngang đường ĐT.744 đoạn đi qua địa bàn huyện Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	0	200
2	Nâng cấp mở rộng đường ĐT.750 (đoạn từ ngã 4 làng 5 đến trung tâm xã Định Hiệp)	UBND huyện Dầu Tiếng	0	200
3	Nâng cấp, mở rộng ĐT744 (đoạn từ Km24+460 đến ngã tư Cấn Cát)	UBND huyện Dầu Tiếng	0	200
4	Nâng cấp, mở rộng đường vào khu du lịch Lòng Hồ Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	0	200
5	Nâng cấp mở rộng đường An Bình và kết nối cầu vượt Sông Thần	UBND thị xã Dĩ An	0	100
6	Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương bảo vệ lưu vực Sông Đồng Nai	Ban QLDA chuyên ngành nước thải Bình Dương	0	2.673
7	Dự án nâng công suất nhà máy, đầu tư các tuyến ống nhánh công trình cấp nước tập trung nông thôn xã Bạch Đằng, xã Thanh Hội - thị xã Tân Uyên	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	0	1.000
8	Xây dựng Khu văn phòng và hợp tác quốc tế, đầu tư thiết bị đào tạo cho Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Singapore	Trường CDN Việt Nam - Singapore	0	100
9	Khởi giáo dục và đào tạo - khởi ký túc xá học viên thân nhân người bệnh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	0	100
10	Bãi đậu xe, công viên cây xanh và hàng rào trạm xử lý nước thải thuộc Khu quy hoạch chi tiết 1/500 Bệnh viện đa khoa 1500 giường và Ban bảo vệ chăm sóc khỏe cán bộ tỉnh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	0	50
11	Dự án nâng cao năng lực tạo lập và phát triển nguồn khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Sở Khoa học và Công nghệ	0	100
12	Dự án nâng cao năng lực kiểm định, thử nghiệm thuộc Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	0	100
13	Trang thiết bị nội thất cho Trung tâm hoạt động Công đoàn tỉnh BD	Liên đoàn lao động tỉnh	0	100
14	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài về hướng khu công nghiệp Mỹ Phước II và III	UBND thị xã Bến Cát	0	36.000
15	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT747B đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cổng Xanh	UBND thị xã Tân Uyên	0	500
16	Đường vào Trung tâm Chính trị - Hành chính tập trung tỉnh Bình Dương	UBND Tp.Thủ Dầu Một	0	12.113
17	Xây dựng đường ven sông Sài Gòn - giai đoạn I (Đoạn từ ngã ba Cây Dầu đường Bùi Quốc Khánh - Nguyễn Tri Phương đến cầu Thủ Ngự), phường Chánh Nghĩa	UBND Tp.Thủ Dầu Một	0	7.487
18	Xây dựng trạm thủy văn trên sông Sài Gòn (Trạm thủy văn cầu Vĩnh Bình - Sài Gòn)	Sở Tài nguyên và Môi trường	0	300
19	Thiết bị bệnh viện chuyên khoa tâm thần	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	0	353
20	Đầu tư trang thiết bị phục vụ Bảo Bình Dương điện tử giai đoạn 3	Bảo Bình Dương	0	32
21	Tượng đài chiến thắng Phước Thành	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	0	172
22	Trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử Đình Phú Long	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	0	647
23	Trụ sở làm việc Công an Phường Chánh Phú Hòa	Công an tỉnh	0	666
24	Xây dựng Đội cảnh sát PCCC khu vực thuộc Phòng Cảnh sát PC&CC số 1 (Phường Phú Mỹ - Tp Thủ Dầu Một)	Công an tỉnh	0	194
25	Nâng cấp trung tâm y tế huyện Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	0	100
26	Nhà thi đấu đa năng Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh Bình Dương	UBND Tp. Thủ Dầu Một	0	100
27	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường THCS Định Hòa	UBND Tp. Thủ Dầu Một	0	100
28	Xây dựng mới bổ sung Trường THCS Tương Bình Hiệp	UBND Tp. Thủ Dầu Một	0	100
29	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	UBND Tp. Thủ Dầu Một	0	100
30	Xây dựng mới bổ sung Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu	UBND Tp. Thủ Dầu Một	0	100
31	Nâng cấp cải tạo Trường THCS Chánh Nghĩa	UBND Tp. Thủ Dầu Một	0	100
32	Xây dựng mới bổ sung Trường Trung học cơ sở Bình Chuẩn	UBND Tx. Thuận An	0	176
33	Cải tạo xây dựng bổ sung Trường Trung học phổ thông Trịnh Hoài Đức	UBND Tx. Thuận An	0	150
34	Cải tạo nâng cấp mở rộng Trường THCS Nguyễn Trung Trực	UBND Tx. Thuận An	0	150
35	Cải tạo nâng cấp mở rộng Trường THCS Nguyễn Trường Tộ	UBND Tx. Thuận An	0	150
36	Trường tiểu học Lái Thiêu 2	UBND Tx. Thuận An	0	150
37	Trường MN Hoa Cúc 2	UBND Tx. Thuận An	0	150
38	Trường trung học cơ sở Bình Thắng	UBND Tx. Dĩ An	0	5
39	Xây dựng bổ sung Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	UBND Tx. Dĩ An	0	5
40	Trường tiểu học Nguyễn Khuyến - giai đoạn 2	UBND Tx. Dĩ An	0	5
41	Trường tiểu học Hội Nghĩa	UBND Tx. Tân Uyên	0	19
42	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường tiểu học Thanh Tuyền	UBND huyện Dầu Tiếng	0	50

STT	Danh mục	Chú đầu tư	KH 2020	Dự kiến đầu tư năm 2020	Số vốn bổ sung
43	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường tiểu học Long Tân	UBND huyện Dầu Tiếng	0	50	50
44	Nâng cấp, cải tạo đường Bui Hữu Nghĩa	UBND Tx. Thuận An	-	100	100
45	Nâng số hồ sơ dự án trên địa bàn thị xã Tân Uyên các xã, phường: Thanh Hội, Bạch Đằng, Phú Chánh, Vĩnh Tân, Tân Hiệp	UBND Tx. Tân Uyên	0	83	83
46	Nâng số hồ sơ dự án trên địa bàn thị xã Tân Uyên các xã, phường: Khánh Bình, Tân Vĩnh Hiệp, Uyên Hưng, Tân Phước Khánh, Thái Hòa	UBND Tx. Tân Uyên	0	69	69
47	Bê tông nhựa đường liên ấp 16B xã Cây Trông II	UBND huyện Bàu Bàng	0	241	241
48	Bồi đắp, cải tạo, gia cố đường ĐT 271	UBND huyện Phú Giáo	0	10	10
49	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 704 (đoạn từ Trường THPT Phan Bội Châu đến ngã tư Minh Hòa)	UBND huyện Dầu Tiếng	0	100	100
50	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 704 (từ Thanh An đến Đình Hiệp giải thảo huyện)	UBND huyện Dầu Tiếng	0	100	100
51	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 704 (từ Thanh An đến Đình Hiệp giải thảo huyện)	UBND huyện Dầu Tiếng	0	200	200
52	Xây dựng mới tuyến đường An Thạnh 63-64 (Đoạn từ đường Thủ Khoa Huân đến đường Hồ Văn Mên)	UBND Tx. Thuận An	0	50.000	50.000
53	Đường Bùi Ngọc Thu	UBND Tp. Thủ Dầu Một	0	576.535	576.535
54	Xây dựng mới đường An Thạnh 24 (Đoạn từ đường Hương lộ 9 đến giáp ranh phường Phú Thọ)	UBND Tx. Thuận An	0	80.000	80.000
55	Xây dựng mới đường Nguyễn Chí Thanh nối dài	UBND Tx. Thuận An	0	25.000	25.000
56	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường D2, N9 khu dân cư Thuận Giao	UBND Tx. Thuận An	0	25.000	25.000
57	Khu trung tâm văn hóa thể thao thị xã Thuận An (Khu chùa Thiên Phước)	UBND Tx. Thuận An	0	30.000	30.000
58	Nâng cấp, mở rộng đường Trinch Hoà Bức	UBND Tx. Thuận An	0	50.000	50.000
59	Xây dựng bến xe khách Tân Uyên (dự án đầu tư)	UBND Tx. Tân Uyên	0	7.000	7.000
60	Cải tạo, mở rộng Công viên Văn hóa thị xã Tân Uyên	UBND Tx. Tân Uyên	0	9.500	9.500
61	Nâng cấp BTN tuyến đường số 3, khu phố 6, phường Uyên Hưng	UBND Tx. Tân Uyên	0	5.500	5.500
62	Bê tông nhựa đường GTĐT đổi 16 (đoạn từ nhà bà Võ Thị Sứ đến nhà ông Trương Văn Mai), khu phố Cây Chàm, phường Thạnh Phước	UBND Tx. Tân Uyên	0	2.500	2.500
63	Xây dựng lại thị xã Tân Uyên	UBND Tx. Tân Uyên	0	1.800	1.800
64	Nhà tang lễ thị xã Tân Uyên	UBND Tx. Tân Uyên	0	7.000	7.000
65	Xây dựng dần công an khu công nghiệp Nam Tân Uyên	UBND Tx. Tân Uyên	0	2.200	2.200
66	Nâng cấp mở rộng đường ĐĐT.Tân Phước Khánh 07 Ngã tư nhà ông phạm Hồng Công KP. Khánh Hội đến ngã ba công ty Khánh Hội	UBND Tx. Tân Uyên	0	3.800	3.800
67	Nâng cấp BTN đường ĐĐT.Tân Phước Khánh 09	UBND Tx. Tân Uyên	0	2.100	2.100
68	Xây dựng các tuyến đường khu phố 3, phường Uyên Hưng	UBND Tx. Tân Uyên	0	2.000	2.000
69	Xây dựng Mái trần và Khói Đoan thiế phường Tân Phước Khánh	UBND Tx. Tân Uyên	0	1.500	1.500
70	Thị xã Tân Uyên (kể cả gói TB1 1.500)	UBND Tx. Tân Uyên	0	1.500	1.500
71	Công nhân thị xã Tân Uyên	UBND Tx. Tân Uyên	0	2.500	2.500
72	Đầu tư xây dựng nâng cấp các tuyến điện phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã Bạch Đằng và Thanh Hội	UBND Tx. Tân Uyên	0	2.000	2.000
73	Nâng cấp BTN tuyến đường BX 10, ấp Hòa Nhứt, xã Tân Vĩnh Hiệp	UBND Tx. Tân Uyên	0	4.500	4.500
74	Xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao - Thư viện thị xã Tân Uyên	UBND Tx. Tân Uyên	0	7.000	7.000
75	Nâng cấp bê tông nhựa đường GNTT từ ĐT 742 (nhà ông Luân) đến giáp đường ĐH 409, ấp 3, xã Vĩnh Tân	UBND Tx. Tân Uyên	0	7.000	7.000
76	Xây dựng nhà làm việc, nhà ở đối cảnh sát 113	UBND Tx. Tân Uyên	0	3.200	3.200
77	Xây dựng trụ sở Khố đoàn thiế xã Thanh Hội	UBND Tx. Tân Uyên	0	5.000	5.000
78	Xây dựng trụ sở Khố đoàn thiế xã Tân Vĩnh Hiệp	UBND Tx. Tân Uyên	0	5.000	5.000
79	Xây dựng trụ sở Khố đoàn thiế phường Thạnh Phước	UBND Tx. Tân Uyên	0	3.600	3.600
80	Xây dựng trạm y tế xã Bạch Đằng	UBND Tx. Tân Uyên	0	5.000	5.000
81	Trung tâm Văn hóa thể thao xã Phú Chánh	UBND Tx. Tân Uyên	0	2.800	2.800
82	Nâng cấp BTN đường bê tông, xã Bạch Đằng	UBND Tx. Tân Uyên	0	3.000	3.000
83	Nâng cấp BTN tuyến đường Khánh Bình 13	UBND Tx. Tân Uyên	0	3.000	3.000
84	Trung tâm văn hóa - Học tập công đồng xã Tân Lập (giải đoạn 1)	UBND huyện Bắc Tân Uyên	0	9.000	9.000
85	Trung tâm văn hóa, thể thao - học tập công đồng xã Lạc An (giải đoạn 2)	UBND huyện Bắc Tân Uyên	0	9.000	9.000
86	Trung tâm văn hóa, thể thao - học tập công đồng xã Đất Cuốc (giải đoạn 2)	UBND huyện Bắc Tân Uyên	0	9.000	9.000
87	Trung tâm Văn hóa, thể thao - học tập công đồng xã Hiếu Liêm (giải đoạn 1)	UBND huyện Bắc Tân Uyên	0	9.000	9.000
88	Trung tâm Văn hóa, Thể thao - Học tập công đồng xã Bình Mỹ (Giải đoạn 1)	UBND huyện Bắc Tân Uyên	0	9.000	9.000
89	Nhà làm việc Quản lý hành chính - trị tư xã hội công an huyện	UBND huyện Bắc Tân Uyên	0	5.000	5.000



STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Đơn vị thi công	Giá trị dự toán (tỷ đồng)	Số vốn bổ sung
90	Trung tâm văn hóa - Học tập cộng đồng xã Tân Định (giai đoạn 2)	UBND huyện Bắc Tân Uyên		7.100	7.100
91	Nâng cấp bê tông nhựa đường GTNT Tân Lập 02 (đoạn từ Km1+000 đến Km2+000)	UBND huyện Bắc Tân Uyên		3.500	3.500
92	Nâng cấp bê tông nhựa đường Bình Mỹ 37	UBND huyện Bắc Tân Uyên	0	700	700
93	Sở Chỉ huy - Ban Chỉ huy Quân sự thị xã Bến Cát. (giai đoạn 2)	UBND Tx Bến Cát	0	14.493	14.493
94	Xây dựng Hội trường Công an thị xã Bến Cát.	UBND Tx Bến Cát	0	8.024	8.024
95	Xây dựng mới Trụ sở Thị Ủy Bến Cát.	UBND Tx Bến Cát	0	13.743	13.743
96	Nâng cấp tuyến đường ĐH 606 đến đường ĐT 748, xã An Điền	UBND Tx Bến Cát	0	6.480	6.480
97	Nâng cấp BTNN tuyến đường từ QL13 khúc nhạc tình đến Công ty Hồng Hà khu phố 3, phường Tân Định	UBND Tx Bến Cát	0	6.744	6.744
98	Nâng cấp tuyến đường Bầu Tây (Sinh Thái) - ĐH 609, ấp Phú Thứ, xã Phú An	UBND Tx Bến Cát	0	4.742	4.742
99	Trụ sở làm việc Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã Bến Cát	UBND Tx Bến Cát	0	5.201	5.201
100	Xây dựng Hội trường UBND phường Thới Hòa	UBND Tx Bến Cát	0	5.377	5.377
101	Xây dựng hạ tầng khu Trung tâm văn hóa, Thể thao và dịch vụ công cộng thị xã Bến Cát	UBND Tx Bến Cát	0	16.239	16.239
102	Xây dựng Nhà khách Công an huyện	UBND huyện Phú Giáo	0	7.000	7.000
103	Xây dựng trụ sở làm việc MTTQ, khối đoàn thể xã Vĩnh Hòa	UBND huyện Phú Giáo	0	7.563	7.563
104	Xây dựng Khu di tích lịch sử Chiến khu Long Nguyên (Khu căn cứ Tỉnh ủy) giai đoạn 1	UBND huyện Dầu Tiếng	0	14.600	14.600
105	Nâng cấp đường Ngô Quyền, khu phố 1, thị trấn Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	0	6.300	6.300
106	Chỉnh trang khu dân cư khu phố 4B - thị trấn Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	0	28.500	28.500
107	Khán đài sân bóng đá huyện	UBND huyện Dầu Tiếng	0	9.200	9.200
108	Nâng cấp tường vào TT-VH TT-TT huyện (đoạn giáp khu dân cư)	UBND huyện Dầu Tiếng	0	8.300	8.300
109	Trạm y tế xã Định An	UBND huyện Dầu Tiếng	0	11.200	11.200
110	Nâng cấp ngã tư Minh Hòa	UBND huyện Dầu Tiếng	0	26.300	26.300
111	Chợ An Lập (giai đoạn 2)	UBND huyện Dầu Tiếng	0	10.000	10.000
112	XD mới Hội trường UBND xã Trừ Văn Thố	UBND huyện Bàu Bàng	0	3.500	3.500
113	Đường dây trung, hạ thế và 3 trạm biến áp 1x 50KVA cấp điện cho các hộ dân khu vực ấp 1,4 xã Trừ Văn Thố.	UBND huyện Bàu Bàng	0	1.500	1.500
114	Đường dây trung, hạ thế và trạm biến áp cấp điện cho các hộ dân khu phố Đồng chèo, tăng công suất trạm biến áp UBND Thị trấn Lai Uyên	UBND huyện Bàu Bàng	0	2.000	2.000
115	Đường dây trung, hạ thế và 2 trạm biến áp 1x 50KVA cấp điện cho các hộ dân khu phố Bàu Hốt, thị trấn Lai Uyên	UBND huyện Bàu Bàng	0	1.000	1.000
116	Nâng cấp bê tông nhựa nóng đường Bắc Bến Tượng (đường Lai Hưng -20 đoạn từ ngã 3 văn phòng ấp Bến Tượng đến ngã 3 giáp đường láng nhựa Viện nghiên cứu cao su, xã Lai Hưng	UBND huyện Bàu Bàng	0	3.500	3.500
117	Bê tông nhựa nóng đường liên ấp 3,4 (GPĐ2) xã Trừ Văn Thố	UBND huyện Bàu Bàng	0	4.500	4.500
118	Xây dựng nhà công vụ	UBND huyện Bàu Bàng	0	17.000	17.000

Phụ lục XV
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN BỐ TRÍ GIẢM VỐN TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 2020
(Kèm theo Báo cáo số 116/BC-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2020)



STT	Danh mục		KH 2020	Dự kiến điều chỉnh 2020	Số vốn bố trí giảm
	TỔNG SỐ		5.154.218	3.242.922	-1.911.296
1	Nâng cấp, mở rộng đường Hồ Văn Mên (Hương lộ 9) từ đường Cách Mạng Tháng Tám đến cảng An Sơn	UBND Tx Thuận An	2.000	500	-1.500
2	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 13 (giai đoạn 2018 - 2021)	UBND Tx Thuận An	715.245	301.000	-414.245
3	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng ĐT742 đoạn qua thành phố Thủ Dầu Một và thị xã Tân Uyên	UBND Tx Tân Uyên	1.930	100	-1.830
4	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng ĐT747a đoạn từ Thái Hòa đến Uyên Hưng	UBND Tx Tân Uyên	400	100	-300
5	Giải phóng mặt bằng đường Đất Cuốc đi Thới Hòa - An Điền (trùng tuyến đường Vành đai 4)	UBND thị xã Bến Cát	1.505	396	-1.109
6	Nâng cấp, mở rộng ĐT748 đoạn từ giáp giao lộ ngã tư Phú Thù đến vành đai Bắc thị trấn Mỹ Phước	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	5.080	4.200	-880
7	Cải tạo hạ tầng giao thông công cộng tại tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	3.000	328	-2.672
8	Xây dựng đường từ ngã ba Tam Lập đến Bàu Bàng thuộc tuyến đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng	UBND huyện Phú Giáo	750	127	-623
9	Xây dựng đường từ cầu Tam Lập đến Đồng Phú thuộc tuyến đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng	UBND huyện Phú Giáo	750	100	-650
10	Dự án giải phóng mặt bằng trục thoát nước Bưng Biệp - Suối Cát, thành phố Thủ Dầu Một	UBND Tp. Thủ Dầu Một	2.500	500	-2.000
11	Dự án bồi thường, hỗ trợ di dời các hộ dân thuộc khu vực có nguy cơ sạt lở ven sông Đồng Nai, huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên	68.000	50.369	-17.631
12	Xóa diện kê dùng chung trên địa bàn huyện Phú Giáo	UBND huyện Phú Giáo	48.000	30.000	-18.000
13	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước Bình Hòa	Ban QLDA ngành NN và PTNT	2.655	2.359	-296
14	Trường THPT chuyên Hùng Vương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1.000	136	-864
15	Tôn tạo di tích lịch sử Khảo Cổ Dốc Chùa	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	2.000	150	-1.850
16	Xây dựng mới thư viện tỉnh	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	500	100	-400
17	Dự án Trưng tu, tôn tạo Di tích Sở Chỉ huy tiền phương Chiến dịch Hồ Chí Minh giai đoạn 2 (Dự án 2: Sưu tầm và trưng bày hình ảnh tư liệu hiện vật; trọng điểm trung tâm; xây dựng sa bàn, bệ thờ các Anh hùng liệt sĩ; Phục chế nhà làm việc, sinh hoạt, hiện vật gắn liền của ba đồng chí chỉ huy chiến dịch)	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1.000	500	-500
18	Trung tâm hành chính huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên	8.048	1.500	-6.548
19	Xây dựng Kho lưu trữ Tỉnh ủy.	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1.100	1.000	-100
20	Triển khai hệ thống camera quan sát an ninh trong thành phố mới Bình Dương và Công thông tin điện tử Công an tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	5.000	500	-4.500
21	Xây dựng Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH trên sông	Công an tỉnh	500	100	-400
22	Xây dựng cầu bắc qua sông Đồng Nai (Cầu Bạch Đằng 2) - Dự án 2: Xây dựng cầu vượt sông Đồng Nai	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	220.000	71.000	-149.000
23	Xây dựng đường và cầu kết nối tỉnh Bình Dương và tỉnh Tây Ninh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	200.000	106.000	-94.000
24	Xây dựng đường Thủ Biên - Đất Cuốc với quy mô 4 làn xe (GĐ 1)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	131.660	113.000	-18.660
25	Xây dựng đường từ Tân Thành đến cầu Tam Lập (xã Tân Định) thuộc tuyến đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng	UBND huyện Bắc Tân Uyên	400.000	250.000	-150.000
26	Đường Bạch Đằng nối dài, phường Phú Cường	UBND Thành phố Thủ Dầu Một	116.755	98.000	-18.755
27	Đường ĐT744 đoạn từ Km12+000 đến Km32+000	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	25.000	23.000	-2.000

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KH 2020	Dự kiến điều chỉnh 2020	Số vốn bố trí giảm
28	Hệ thống thoát nước trên đường ĐT 744 tại 03 vị trí cấp bách (Km23+733, Km25+399, Km31+508) huyện Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	1.125	25	-1.100
29	Xây dựng cầu Phú Long, hạng mục: Đường dẫn vào cầu	UBND thị xã Thuận An	1.020	801	-219
30	Trạm chẩn đoán xét nghiệm và Điều trị bệnh động vật tinh Bình Dương	Ban QLDA ngành NN và PTNT	48.300	37.975	-10.325
31	Mở rộng tuyến ống cấp nước sạch trên địa bàn xã Minh Hòa, xã Minh Tân, xã Định An, huyện Dầu Tiếng	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	2.265	1.670	-595
32	Mở rộng tuyến ống cấp nước sạch trên địa bàn xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	1.125	763	-362
33	Đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc giám sát tự động trực tuyến tại các trạm cấp nước tập trung	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	29.700	29.500	-200
34	Xây dựng công kiểm soát triều rạch Bình Nhâm	Ban QLDA ngành NN và PTNT	135.525	110.207	-25.318
35	Trục thoát nước Bưng Biệp - Suối Cát	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	145.850	141.000	-4.850
36	Cải tạo, sửa chữa khu mổ, X quang, khoa nhi, nhánh A, nhánh B của Bệnh viện đa khoa tỉnh.	Bệnh viện đa khoa tỉnh	30.592	15.000	-15.592
37	Thiết bị Bệnh viện đa khoa 1500 giường	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	700.000	350.000	-350.000
38	Bệnh viện đa khoa thị xã Tân Uyên quy mô 200 giường (định hướng 400 giường)	UBND TX Tân Uyên	70.000	55.000	-15.000
39	Dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của nhà nước	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1.700	685	-1.015
40	Xe truyền hình lưu động 6 camera HD	Đài Phát thanh truyền hình	50.000	49.000	-1.000
41	Khu trung tâm và hạ tầng kỹ thuật tổng thể Khu tưởng niệm chiến khu D	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	145.151	134.492	-10.659
42	Trung hỗ trợ Thanh niên công nhân và Lao động trẻ tỉnh Bình Dương	Tỉnh đoàn	1.298	487	-811
43	Kho lưu trữ Sở Tài nguyên và Môi trường	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	98.650	63.696	-34.954
44	Cơ sở làm việc Công an thành phố Thủ Dầu Một	Công an tỉnh	87.870	69.780	-18.090
45	Bờ kè chống sạt lở Trại tam giam và Trung tâm Huấn luyện Công an tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	3.630	3.300	-330
46	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ của Công an Thành phố Thủ Dầu Một	Công an tỉnh	500	387	-113
47	Xây dựng trụ sở các đội Cảnh sát PC&CC khu vực: Phường Bình Thắng - Thị xã Dĩ An; KCN VSIP 2 - xã Vĩnh Tân - Thị xã Tân Uyên; KCN Đất Cuốc - Xã Đất Cuốc - huyện Bắc Tân Uyên; Xã Phước Hoà - huyện Phú Giáo; Thị trấn Dầu Tiếng - huyện Dầu Tiếng	Công an tỉnh	3.500	3.129	-371
48	Bệnh viện đa khoa 1.500 giường (Vốn XSKT)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	93.213	85.280	-7.933
49	Khu điều trị 300 giường (Khoa sản) thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	3.367	370	-2.997
50	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học cơ sở Hòa Phú	UBND Tp. Thủ Dầu Một	3.500	3.272	-228
51	Xây dựng mới bổ sung nhà thi đấu thể dục thể thao Trường trung học phổ thông chuyên Hùng Vương	UBND Tp. Thủ Dầu Một	12.700	12.583	-117
52	Trường Tiểu học Phú Lợi 2	UBND Tp. Thủ Dầu Một	58.000	37.563	-20.437
53	Trường Trung học cơ sở Phú Hòa 2	UBND Tp. Thủ Dầu Một	90.000	69.007	-20.993
54	Trường Tiểu học An Thạnh	UBND Tx. Thuận An	45.000	38.000	-7.000
55	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trung Trực	UBND Tx. Thuận An	4.000	1.000	-3.000
56	Trường Tiểu học Tuy An	UBND Tx. Thuận An	4.804	915	-3.889
57	Trường THCS Tân Đông Hiệp B	UBND Tx. Dĩ An	2.900	960	-1.940
58	Trường TH Tân Bình B	UBND Tx. Dĩ An	3.116	2.242	-874
59	Trường TH Châu Thới	UBND Tx. Dĩ An	2.900	2.050	-850



STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Đơn vị tính	Số vốn bố trí giảm
60	Mở rộng trường Trung học cơ sở Đông Hòa	UBND Tx. Dĩ An	800	-6.192
61	Trường Tiểu học Nhị Đồng 2	UBND Tx. Dĩ An	48.500	-3.712
62	Trường Tiểu học Đông Hòa C	UBND Tx. Dĩ An	34.900	-15.189
63	Trường mầm non Đông Hòa	UBND Tx. Dĩ An	26.100	-13.464
64	Trường Trung học cơ sở Dĩ An - Giai đoạn 2	UBND Tx. Dĩ An	1.285	-4.930
65	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường Tiểu học Dĩ An B	UBND Tx. Dĩ An	4.628	-2.877
66	Trường tiểu học An Tây B (giai đoạn 2)	UBND Tx. Bến Cát	13.400	-2.600
67	Trường Tiểu học Hòa Lợi	UBND Tx. Bến Cát	40.507	-17.763
68	Trường THCS An Điền (GD 2)	UBND Tx. Bến Cát	20.700	-4.670
69	Xây dựng, bổ sung khối phòng học Trường THPT Bến Cát.	UBND Tx. Bến Cát	17.044	-7.956
70	Trường tiểu học Định Phước	UBND Tx. Bến Cát	12.400	-438
71	Trường tiểu học An Tây B (giai đoạn 1)	UBND Tx. Bến Cát	17.200	-886
72	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường THCS Lê Quý Đôn	UBND Tx. Bến Cát	512	-178
73	Trường TH Tân Phước Khánh B	UBND TX Tân Uyên	532	-468
74	Cải tạo nâng cấp mở rộng trường THPT Tân Phước Khánh	UBND TX Tân Uyên	412	-88
75	Trường THCS Vĩnh Tân	UBND TX Tân Uyên	6.200	-4.800
76	Trường TH Khánh Bình	UBND TX Tân Uyên	6.200	-4.800
77	Trường Mầm non Thạnh Hội	UBND Tx. Tân Uyên	1.632	-168
78	Trường Trung học cơ sở Phú Chánh	UBND Tx. Tân Uyên	1.686	-489
79	Trường Trung học cơ sở Khánh Bình	UBND Tx. Tân Uyên	4.106	-894
80	Trường Trung học cơ sở Tân Hiệp	UBND Tx. Tân Uyên	4.025	-975
81	Trường Trung học cơ sở An Lập (giai đoạn 1)	UBND huyện Dầu Tiếng	19.796	-5.666
82	Trường Tiểu học Định An (giai đoạn 2)	UBND huyện Dầu Tiếng	23.963	-11.314
83	Trường tiểu học An Thái (giai đoạn 2)	UBND huyện Phú Giáo	12.497	-2.258
84	Trường tiểu học An Linh	UBND huyện Phú Giáo	1.715	-137
85	Trường Tiểu học Phước Vĩnh B	UBND huyện Phú Giáo	2.613	-430
86	XD bổ sung phòng học Trường THPT Bàu Bàng	UBND huyện Bàu Bàng	700	-300
87	Cải tạo, NC MR trường THCS Lai Hưng	UBND huyện Bàu Bàng	600	-400
88	Xây dựng bổ sung phòng học Trường tiểu học Kim Đồng	UBND huyện Bàu Bàng	400	-2.712
89	Trường Tiểu học Bàu Bàng	UBND huyện Bàu Bàng	1.790	-210
90	Nâng cấp, mở rộng đường phân khu ĐX 144, phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một	UBND Tp. Thủ Dầu Một	70.000	-30.000
91	Mở mới đường bê tông dọc rạch Bà Cò; CCTL: 110.000 trđ.	UBND Tp. Thủ Dầu Một	10.000	-100.000
92	Mở mới đường Tạo lực 6 nối dài; CCTL: 100.000 trđ.	UBND Tp. Thủ Dầu Một	70.000	-47.000
93	Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ cầu Thủ Ngũ đến cầu Thầy Năng), phường Chánh Nghĩa	UBND Tp. Thủ Dầu Một	10.000	-34.000
94	Mở rộng vỉa hè đường Bạch Đằng (đoạn từ ngã ba đường Ngô Quyền đến đường Định Bộ Lĩnh)	UBND Tp. Thủ Dầu Một	841	-4.159
95	Đường mở mới từ đường CMT8 đến đường Nguyễn Tri Phương (đường tổ 36, khu 5, phường Chánh Nghĩa)	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1.732	-1.268
96	Trường TH Lê Thị Trung	UBND Tx. Thuận An	19.000	-6.000
97	Nâng cấp, mở rộng đường Chiêu Liêu	UBND Tx. Dĩ An	74.000	-3.500
98	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH 423 (đoạn từ ngã tư đường ĐH 409 đến giáp đường ĐT 747A)	UBND Tx. Tân Uyên	8.027	-21.973
99	Xây dựng Công viên dọc sông Thị Tinh (đoạn qua chợ Bến Cát)	UBND Tx. Bến Cát	23.732	-10.000
100	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 610 xã Long Nguyên	UBND huyện Bàu Bàng	2.221	-779
101	Bê tông nhựa đường từ nhà Ông Bảy Hộ đến nhà Bà Suối xã Lai Hưng	UBND huyện Bàu Bàng	125	-875
102	Trung tâm văn hóa - thể thao huyện	UBND huyện Bàu Bàng	204	-296
103	Xây dựng đường vào khu Trung tâm chính trị - hành chính thị xã Thuận An	UBND Tx. Thuận An	40.000	-19.500
104	Xây dựng mới đường Hưng Định 15, phường Hưng Định, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	UBND Tx. Thuận An	140.000	-30.000
105	Nâng cấp đường ĐH 516 (đường Tân Long - An Long)	UBND huyện Phú Giáo	27.813	-4.687
106	Nâng cấp đường ĐH 502 (từ ngã 3 cây khô đến cầu Vàm Vá 2)	UBND huyện Phú Giáo	22.180	-9.820

Phụ lục XVI
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN BỐ TRÍ TĂNG VỐN TRONG KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG 2020
 (Kèm theo Báo cáo số 146/BC-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2020)



STT	Danh mục	Chủ đầu tư	2020	kiến Đầu tư chính 2020	Số vốn bố trí tăng
	TỔNG SỐ		2.117.502	4.679.559	2.117.502
1	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT741B	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1.220	1.720	500
2	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT746 đoạn từ ngã ba Tân Thành đến ngã ba Hội Nghĩa	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	2.260	2.950	690
3	Xây dựng tường kè gia cố bờ sông Sài Gòn (đoạn từ cầu Thủ Ngự đến rạch Bảy Tra)	UBND Tp. Thủ Dầu Một	500	1.780	1.280
4	Dự án giải phóng mặt bằng trục thoát nước Bưng Biệp - Suối Cát, thị xã Thuận An	UBND thị xã Thuận An	23.000	439.000	416.000
5	Xây dựng khu tái định cư và lập phương án di dời các hộ dân đang sinh sống trong rừng phòng hộ Núi Cậu Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	3.500	11.175	7.675
6	Đầu tư giải quyết điểm ngập đoạn Ngã Ba Cổng đường Thích Quảng Đức (từ Ngã Ba Cổng đến cầu Bà Hên)	Ban QLDA ngành NN và PTNT	500	1.000	500
7	Đầu tư Cơ sở hạ tầng Khu tái định cư thuộc Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước, phường Định Hòa	UBND TP TDM	200	859	659
8	Khu hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ Trung tâm hành chính tỉnh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	305	1.606	1.301
9	Bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng khu Căn cứ Hậu cần kỹ thuật tại huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên	305	17.353	17.048
10	Xây dựng Bờ kè chống sạt lở sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Tre đến Thị ủy thị xã Tân Uyên - Giai đoạn 2	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	143.000	185.000	42.000
11	Đầu tư vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng, thoát nước đường Huỳnh Văn Lũy	UBND Tp. Thủ Dầu Một	98.375	121.710	23.335
12	Xây dựng đường và cầu Vàm Tư	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	43.755	46.000	2.245
13	Xây dựng đường N8-N10 (từ đường Lê Hồng Phong đến đường Nguyễn Thị Minh Khai)	UBND Tp. Thủ Dầu Một	57.570	57.669	99
14	Xây dựng đường nội bộ Tiểu đoàn 2 - Trung đoàn cảnh sát cơ động 25, xã Phú An, thị xã Bến Cát	UBND thị xã Bến Cát	8.630	10.032	1.402
15	Xây dựng cầu bắc qua sông Đồng Nai (Cầu Bạch Đằng 2) - Dự án 1: Xây dựng đường dẫn vào cầu phía Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	51.000	96.500	45.500
16	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT747a đoạn từ dốc Bà Nghia (ranh thị trấn Uyên Hưng) đến ngã ba Cổng Xanh (giáp đường ĐT741), huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	23.000	140.000	117.000
17	Giải phóng mặt bằng đường tạo lực Mỹ Phước - Bàu Bàng (đoạn từ đường 7B đến Khu Công nghiệp Bàu Bàng)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	2.000	12.975	10.975
18	Giải phóng mặt bằng đường Thủ Biên - Đất Cuốc	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	2.000	14.100	12.100
19	Xây dựng đường từ ngã ba Mười Muộn đi ngã ba Tân Thành, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	30.000	42.000	12.000
20	Xây dựng đường ven sông Sài Gòn đoạn từ rạch Bình Nhâm đến đường Châu Văn Tiếp, thị xã Thuận An, Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	6.000	7.000	1.000
21	Giao lộ ngã tư Phú Thứ Bến Cát	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	200	5.165	4.965
22	Xây dựng kè chống sạt lở cù lao Rùa (Vị trí cù lao Rùa)	UBND thị xã Tân Uyên	1.700	16.700	15.000
23	Đền bù mở rộng suối Lò Ô thuộc dự án Thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An	UBND Tx. Dĩ An	34.303	138.000	103.697
24	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An	Ban Quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương	50.000	73.000	23.000
25	Hệ thống thoát nước bên ngoài các khu công nghiệp An Tây, Mai Trung, Việt Hương 2	Ban Quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương	26.035	65.914	39.879
26	Trục thoát nước Chòm Sao - Suối Đồn	Ban QLDA ngành NN và PTNT	12.897	19.145	6.248
27	Nạo vét suối chợ Tân Phước Khánh	Ban Quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương	14.900	15.900	1.000
28	Hạ tầng kỹ thuật tổng thể (thuộc Khu quy hoạch chi tiết 1/500 Bệnh viện Đa khoa 1500 giường và Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	31.951	48.600	16.649
29	Bệnh viện đa khoa 1.500 giường (Vốn NS tỉnh tập trung)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	547.369	702.706	155.337

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KII 2020	Dự kiến điều chỉnh 2020	Số vốn bố trí tăng
30	Xây dựng khối kỹ thuật trung tâm và nhà quản (thuộc khu quy hoạch chi tiết 1/500 bệnh viện đa khoa 1500 giường và ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	105.850	322.891	217.041
31	Bệnh viện chuyên khoa Lao và bệnh phổi tỉnh Bình Dương (giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	225	405	180
32	Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ Bệnh viện chuyên khoa Lao, Tâm thần và khu tái định cư	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	500	750	250
33	Các trục giao thông chính thuộc Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của Nhà nước	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	16.182	46.195	30.013
34	Đầu tư trang thiết bị phục vụ cho phòng thí nghiệm, thực hành và nghiên cứu ở Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Điện - Điện tử thuộc Trường Đại học Thủ Dầu Một	Trường Đại học Thủ Dầu Một	20.250	35.500	15.250
35	Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương	Sở Tài nguyên và Môi trường	440	840	400
36	Đầu tư thiết bị sản xuất chương trình phát thanh truyền hình Trường quay - Nhà bá âm	Đài Phát thanh truyền hình	53.800	54.172	372
37	Trụ sở làm việc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bình Dương	Đài Phát thanh truyền hình	52.094	69.471	17.377
38	Trường quay- nhà bá âm FM Đài phát thanh truyền hình Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	2.275	2.400	125
39	Trung bày mỹ thuật khu tưởng niệm Chiến khu D	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	20.000	22.000	2.000
40	Nâng cấp cơ sở vật chất Bảo tàng tỉnh Bình Dương	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	15.497	24.000	8.503
41	Đoàn Văn Công tỉnh Bình Dương	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	211	261	50
42	Cải tạo tầng P1 và hệ thống chữa cháy tại Tòa nhà Trung tâm Hành chính	Sở Nội vụ	29.000	29.071	71
43	Trung tâm lưu trữ tập trung tỉnh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	150.952	154.000	3.048
44	Xây dựng nhà ăn cơ quan Bộ Chỉ huy quân sự	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	7.000	14.000	7.000
45	Xây dựng Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh thuộc Trường Quân sự địa phương	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	30.000	47.819	17.819
46	Xây dựng các hạng mục phục vụ sinh hoạt và làm việc cho Doanh trại Ban Chỉ huy quân sự huyện Bàu Bàng	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	1.400	3.625	2.225
47	Xây dựng các hạng mục phục vụ sinh hoạt và làm việc cho Doanh trại Ban Chỉ huy quân sự huyện Bắc Tân Uyên	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	4.200	4.965	765
48	Xây dựng văn phòng điện tử tại Công an tỉnh và công an các huyện, thị xã, thành phố	Công an tỉnh	4.250	4.427	177
49	Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến	Công an tỉnh	11.781	20.587	8.806
50	Nhà làm việc chính Công an tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	3.000	9.000	6.000
51	Nhà khách công vụ công an tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	37.165	43.500	6.335
52	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ của Công an Thị xã Thuận An	Công an tỉnh	500	2.700	2.200
53	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ của Công an huyện Dầu Tiếng	Công an tỉnh	500	643	143
54	Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác ứng cứu sự cố cháy nổ	Công an tỉnh	775	798	23
55	Đầu tư Thiết bị khoa sản 300 giường Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	10.171	27.708	17.537
56	Trung tâm y tế huyện Bàu Bàng - quy mô 100 giường bệnh - Nguồn XSKT	UBND huyện Bàu Bàng	10.291	40.291	30.000
57	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học phổ thông Bình Phú	UBND Tp. Thủ Dầu Một	20.000	41.000	21.000
58	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học phổ thông An Mỹ	UBND Tp. Thủ Dầu Một	20.000	50.000	30.000
59	Trường tiểu học Định Hòa 2	UBND Tp. Thủ Dầu Một	20.000	45.000	25.000
60	Trường Mầm non Hòa Mĩ	UBND Tp. Thủ Dầu Một	10.000	18.000	8.000
61	Cải tạo nhà đa năng, đường nội bộ, phòng học cũ Trường trung học phổ thông Võ Minh Đức	UBND Tp. Thủ Dầu Một	11.761	15.000	3.239
62	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Minh Khai	UBND Tp. Thủ Dầu Một	518	1.926	1.408
63	Trường Tiểu học Chánh Nghĩa	UBND Tp. Thủ Dầu Một	2.000	2.432	432
64	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	UBND Tp. Thủ Dầu Một	963	2.465	1.502
65	Trường TH Bình Chuẩn 2	UBND Tx. Thuận An	25.291	33.290	7.999
66	Trường Trung học cơ sở Bình Chuẩn	UBND Tx. Thuận An	45.462	46.000	538
67	Trường Trung học phổ thông Lý Thái Tổ	UBND Tx. Thuận An	75.626	80.000	4.374
68	Trường trung học phổ thông Nguyễn Thị Minh Khai	UBND Tx. Dĩ An	37.687	48.600	10.913
69	Trường Tiểu học Tân Đông Hiệp C	UBND Tx. Dĩ An	21.088	27.000	5.912
70	Trường THCS Hòa Lợi.	UBND Tx. Bến Cát	1.150	1.200	50



STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Dự kiến điều chỉnh 2020	Số vốn bố trí tăng
71	Trường trung học phổ thông Thái Hòa	UBND Tx. Tân Uyên	9.000	31.089
72	Trường mầm non Thạnh Phước	UBND Tx. Tân Uyên	10.937	16.268
73	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng	UBND Tx. Tân Uyên	10.000	12.616
74	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường tiểu học Long Hòa	UBND huyện Dầu Tiếng	300	1.100
75	Trường THCS Định Hiệp (giai đoạn 2)	UBND huyện Dầu Tiếng	1.500	11.000
76	Xây dựng nhà tập đa năng Trường Trung học phổ thông Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	300	6.102
77	Trường trung học cơ sở Minh Tân (giai đoạn 2)	UBND huyện Dầu Tiếng	29.740	32.719
78	Trường Tiểu học Minh Thạnh (giai đoạn 2)	UBND huyện Dầu Tiếng	10.517	13.600
79	Trường THCS Minh Hòa	UBND huyện Dầu Tiếng	413	655
80	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học phổ thông Phước Hòa	UBND huyện Phú Giáo	14.400	14.735
81	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học cơ sở Vĩnh Hòa	UBND huyện Phú Giáo	20.000	40.000
82	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường Trung học cơ sở Lai Uyên	UBND huyện Bàu Bàng	100	1.100
83	Trường tiểu học Trừ Văn Thố	UBND huyện Bàu Bàng	40.000	40.661
84	Trường trung học cơ sở Trừ Văn Thố	UBND huyện Bàu Bàng	3.000	3.329
85	Đường Trần Văn Ôn	UBND Tp. Thủ Dầu Một	10.000	10.365
86	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Ngọc Lân (từ ĐLBD đến đường Huỳnh Văn Lũy)	UBND Tp. Thủ Dầu Một	3.900	9.365
87	Đường Lê Chí Dân, phường Hiệp An	UBND Tp. Thủ Dầu Một	95.000	331.408
88	Đường Hoàng Hoa Thám II	UBND Tp. Thủ Dầu Một	2.000	2.634
89	Cải tạo, nâng cấp đường Bùi Thị Xuân (đoạn từ đường Mỹ Phước - Tân Vạn đến ranh Thái Hòa - Tân Uyên)	UBND Tx. Thuận An	15.000	33.200
90	Trường THPT Trịnh Hoài Đức (cải tạo, nâng cấp, mở rộng phục vụ đề án trường THPT tỉnh Bình Dương Trịnh Hoài Đức chất lượng cao)	UBND Tx. Thuận An	15.000	15.561
91	Trường mầm non Hoa Mai 3	UBND Tx. Thuận An	7.000	13.316
92	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH 402, phường Tân Phước Khánh	UBND Tx. Tân Uyên	1.200	1.700
93	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên	12.000	32.000
94	Nâng cấp, mở rộng đường từ Kho bạc Bến Cát đến Cầu Quan	UBND Tx. Bến Cát	48.895	59.754
95	Nâng cấp Đường ĐH 515	UBND huyện Phú Giáo	13.953	17.185
96	Đường ĐH 512 (Đường Kiểm)	UBND huyện Phú Giáo	15.181	17.450
97	Đầu tư nâng cấp đường 19/5	UBND huyện Phú Giáo	1.858	1.891
98	Nâng cấp nhựa đường ĐH 721 (từ ĐT 749a đến ĐT 750)	UBND huyện Dầu Tiếng	13.220	33.220
99	Mở rộng đường từ trước Huyện ủy - UBND huyện đến đường Cách mạng tháng 8	UBND huyện Dầu Tiếng	3.101	6.826
100	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đô thị Minh Hòa	UBND huyện Dầu Tiếng	49.712	63.719
101	Tăng cường năng lực phân tích kiểm nghiệm của Trung tâm kiểm nghiệm tỉnh thuộc Sở Y tế (giai đoạn 2)	Trung tâm kiểm nghiệm tỉnh	1.000	16.000
102	Trung tâm hành chính huyện Bàu Bàng	UBND huyện Bàu Bàng	7.500	99.500